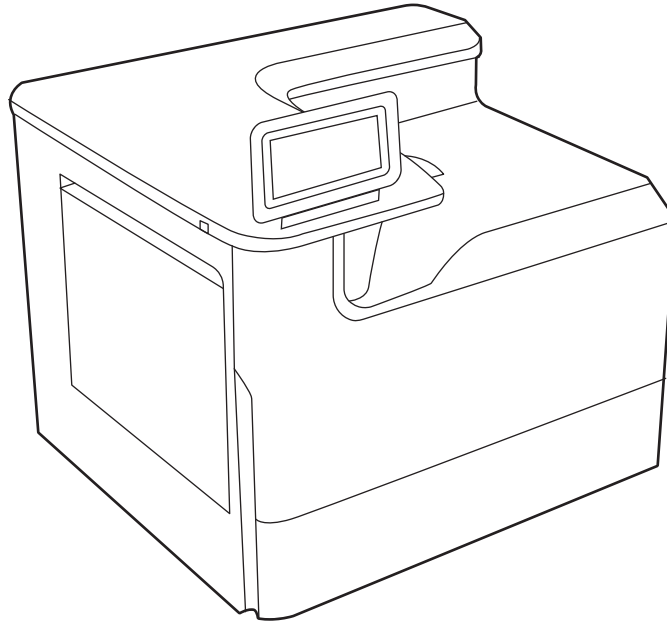




HP PageWide Enterprise Color 765
HP PageWide Color 755

Hướng dẫn sử dụng



www.hp.com/videos/PageWide
www.hp.com/support/pwcolor765
www.hp.com/support/colorpw755



HP PageWide Enterprise Color 765,
HP PageWide Color 755

Hướng dẫn sử dụng

Bản quyền và giấy phép

© Copyright 2020 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm sao chép, phóng tác hoặc biên dịch mà không có văn bản cho phép trước, trừ khi được cho phép theo luật bản quyền.

Thông tin có trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho sản phẩm và dịch vụ HP đều được nêu rõ trong các điều khoản bảo hành rõ ràng đi kèm sản phẩm và dịch vụ tương ứng. Không có điều nào trong tài liệu này được hiểu là bảo hành bổ sung. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót về kỹ thuật hoặc biên tập trong tài liệu này.

Edition 5, 12/2020

Công nhận nhãn hiệu

Adobe®, Adobe Photoshop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

macOS là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

AirPrint là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Google™ là nhãn hiệu của Google Inc.

Microsoft®, Windows® và Windows Server® là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu đã đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Tổng quan máy in	1
Các biểu tượng Thận trọng	1
Nguy cơ điện giật tiềm ẩn	2
Giao diện máy in	4
Thông số kỹ thuật của máy in	10
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm	15
2 Khay giấy	17
Nạp giấy vào Khay 1 (khay đa năng)	18
Nạp giấy vào Khay 2	25
Nạp vào khay tiếp giấy dung lượng lớn (HCI) 4.000 tờ	33
Nạp và in phong bì	39
Nạp và in nhãn	41
3 Mực in, phụ kiện và bộ phận	43
Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận	44
Thay thế hộp mực in	47
Thay ngăn chứa chất lỏng bảo trì	51
4 In	55
Thao tác in (Windows)	56
Tác vụ in (macOS)	60
Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng	63
In di động	67
In từ ổ USB flash	71
In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao (có dây)	74
5 Quản lý máy in	75
Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)	76
Lập cấu hình cài đặt mạng IP	85

Các tính năng bảo mật của máy in	88
Các cài đặt bảo tồn năng lượng	91
HP Web Jetadmin	92
Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở	92
6 Giải quyết sự cố	93
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển	93
Xác lập lại cài đặt gốc	95
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in	96
Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai	98
Xử lý kẹt giấy	105
Giải quyết vấn đề về chất lượng in màu	126
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây	143
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây	145
Bảng chú dẫn	149

1 Tổng quan máy in

Xem lại vị trí của các tính năng trên máy in, thông số vật lý và kỹ thuật của máy in, cũng như vị trí định vị thông tin cài đặt.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/PageWide.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Các biểu tượng Thận trọng

Hãy thận trọng nếu bạn thấy biểu tượng cảnh báo trên máy in HP, như thể hiện trong định nghĩa biểu tượng.

- **Chú ý:** Cảnh sắc bén khi ở khoảng cách gần.



- Chú ý: Giữ cơ thể tránh xa các bộ phận đang di chuyển.



- Chú ý: Bề mặt nóng.



- Chú ý: Điện giật.



- Cảnh báo



Nguy cơ điện giật tiềm ẩn

Xem lại thông tin an toàn quan trọng này.

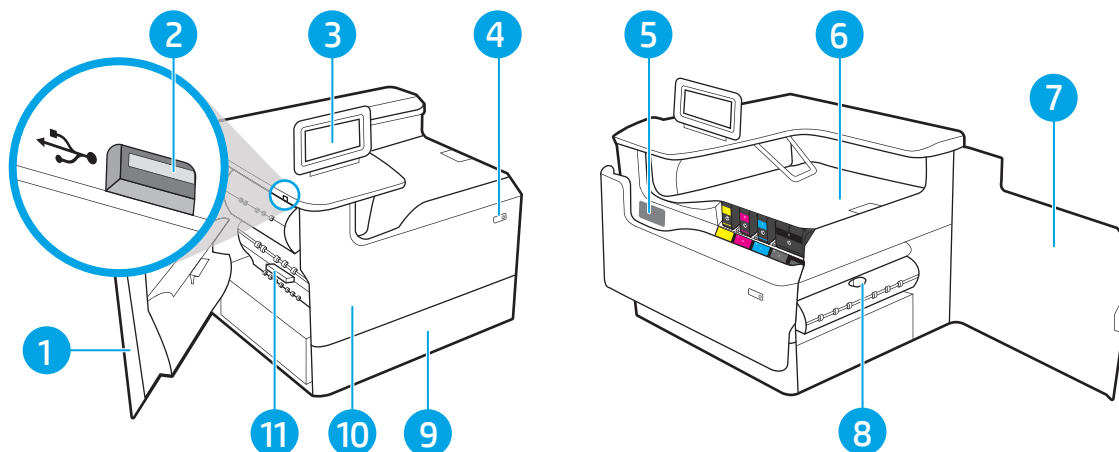
- Đọc và hiểu rõ các hướng dẫn an toàn sau đây để tránh nguy cơ điện giật.
- Luôn tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn cơ bản khi sử dụng sản phẩm này để giảm rủi ro bị thương do hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Đọc để hiểu rõ tất cả nội dung trong hướng dẫn sử dụng này.
- Tuân thủ tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.
- Chỉ sử dụng ổ cắm điện được nối đất khi kết nối sản phẩm với nguồn điện. Nếu bạn không biết liệu ổ cắm có được nối đất hay không, hãy kiểm tra với thợ điện đủ trình độ chuyên môn.
- Không chạm vào các điểm tiếp xúc trên bất kỳ ổ cắm nào trên sản phẩm. Thay dây điện bị hỏng ngay lập tức.
- Rút phích cắm sản phẩm này ra khỏi ổ cắm điện trước khi vệ sinh.
- Không lắp đặt hoặc sử dụng sản phẩm này ở gần nguồn nước hoặc khi bạn bị ướt.
- Lắp đặt sản phẩm một cách an toàn trên bề mặt chắc chắn.
- Lắp đặt sản phẩm ở vị trí được bảo vệ, nơi không ai có thể đạp lên hoặc vướng vào dây nguồn.

Giao diện máy in

Nhận diện các bộ phận cụ thể của máy in và bảng điều khiển.

Mặt trước của máy in

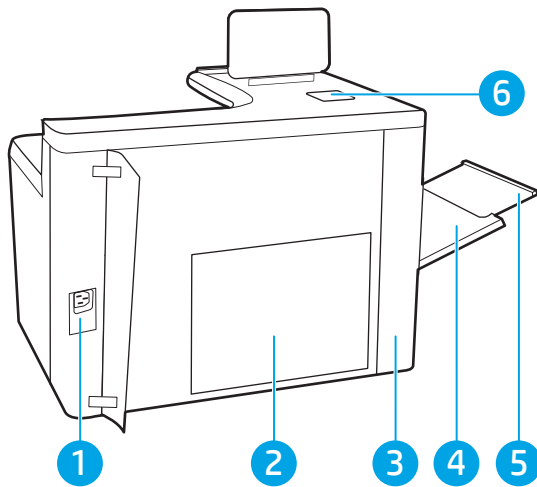
Nhận diện các bộ phận ở mặt trước của máy in.



Số	Mô tả
1	Cửa bên trái
2	Cổng in easy-access USB
3	Bảng điều khiển với màn hình cảm ứng màu (dựng đứng lên để xem dễ hơn)
4	Nút bật/tắt
5	Nhãn số sê-ri và số sản phẩm
6	Ngăn giấy đầu ra và chốt chặn ngăn giấy đầu ra
7	Cửa bên phải (cửa xử lý kẹt giấy)
8	Bộ in hai mặt
9	Tray 2 (Khay 2)
10	Cửa trước (cửa vào hộp mực)
11	Ngăn chứa chất lỏng bảo trì

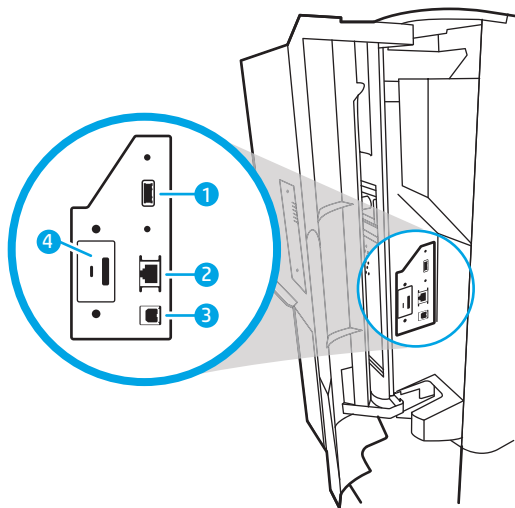
Mặt sau của máy in

Nhận diện các bộ phận ở mặt sau của máy in.



Số	Mô tả
1	Kết nối nguồn
2	Tấm định dạng (chứa các cổng giao tiếp)
3	Cửa vào các cổng giao tiếp và khe khóa cáp
4	Khay đa năng (Khay 1)
5	Tấm mở rộng khay 1
6	Ổ tích hợp phần cứng (HIP) để kết nối các phụ kiện và thiết bị của bên thứ ba

Máy in bao gồm các cổng giao tiếp sau.




Số	Mô tả
1	Cổng USB chủ để kết nối các thiết bị USB bên ngoài (cổng này có thể đóng) GHI CHÚ: Để in easy-access USB, dùng cổng USB gần bảng điều khiển.
2	Cổng mạng Ethernet (RJ-45) mạng cục bộ (LAN)


Số	Mô tả
3	Cổng in USB 2.0 tốc độ cao
4	Khe khóa cấp


Giao diện bảng điều khiển

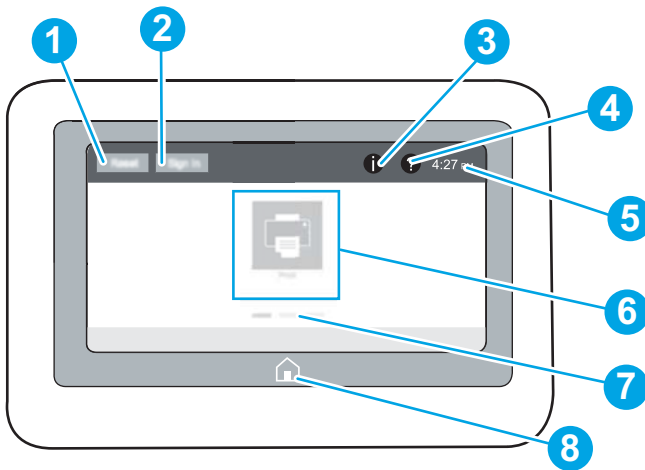
Dùng bảng điều khiển màn hình cảm ứng để lấy thông tin về máy in và trạng thái lệnh và để lập cấu hình máy in.

 **GHI CHÚ:** Nghiêng bảng điều khiển để dễ xem hơn.







Trở lại Màn hình chính bất kỳ lúc nào bằng cách chọn nút Màn hình chính  ở dưới cùng của bảng điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các tính năng của bảng điều khiển máy in, hãy truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>. Chọn **Manuals (Hướng dẫn)** và chọn **General reference (Tham khảo chung)**.

 **GHI CHÚ:** Các tính năng xuất hiện trên Màn hình chính có thể khác nhau, tùy thuộc vào cấu hình máy in.



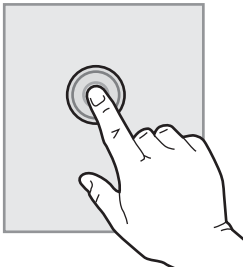
Số	Mục	Mô tả
1	Nút Reset (Xác lập lại)	Chọn nút Reset (Xác lập lại) để xóa các thay đổi, giải thoát máy in khỏi tình trạng tạm dừng, hiển thị các lỗi bị ẩn và khôi phục các cài đặt mặc định (bao gồm ngôn ngữ và bố cục bàn phím).
2	Nút Sign In (Đăng nhập) hoặc Sign Out (Đăng xuất)	Chọn nút Sign In (Đăng nhập) để mở màn hình Sign In (Đăng nhập). Chọn nút Sign Out (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định. GHI CHÚ: Nút này sẽ chỉ hiển thị nếu quản trị viên đã cấu hình máy in yêu cầu quyền để truy cập vào các tính năng.

Số	Mục	Mô tả
3	Nút Thông tin 	<p>Chọn nút Thông tin  để truy cập vào màn hình cung cấp lối vào một số loại thông tin máy in. Chọn các nút ở cuối màn hình để biết thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> Display Language (Ngôn ngữ hiển thị): Thay đổi cài đặt ngôn ngữ đối với phiên người dùng hiện tại. Sleep Mode (Chế độ nghỉ): Đặt máy in vào chế độ nghỉ. Wi-Fi Direct: Xem thông tin về cách kết nối trực tiếp với máy in bằng cách sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị khác có Wi-Fi. Wireless (Không dây): Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối không dây (một số kiểu sản phẩm đòi hỏi có phụ kiện tùy chọn không dây). Ethernet: Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối Ethernet. HP Web Services (Dịch vụ web HP): Xem thông tin để kết nối và in đến máy in bằng cách sử dụng Dịch vụ web HP (ePrint).
4	Nút Trợ giúp 	<p>Chọn nút Trợ giúp  để mở hệ thống trợ giúp nhúng.</p> <p>Hệ thống cung cấp danh sách các chủ đề trợ giúp hoặc thông tin về một chủ đề khi sử dụng Màn hình chính, một ứng dụng, một tùy chọn hoặc một tính năng.</p>
5	Thời gian hiện tại	Hiển thị thời gian hiện tại.
6	Khu vực ứng dụng	<p>Chọn một trong các biểu tượng để mở ứng dụng. Vuốt màn hình sang hai bên để truy cập vào nhiều ứng dụng hơn.</p> <p>GHI CHÚ: Các ứng dụng có sẵn có thể thay đổi tùy theo máy in. Quản trị viên có thể cấu hình các ứng dụng nào được xuất hiện và thứ tự chúng xuất hiện ra sao.</p>
7	Chỉ báo trang màn hình chính	Cho biết số trang trên Màn hình chính hoặc trong một ứng dụng. Trang hiện tại sẽ được tô sáng. Vuốt màn hình sang hai bên để cuộn giữa các trang.
8	Nút Màn hình chính 	Chọn Nút Màn hình chính  để trở về Màn hình chính.

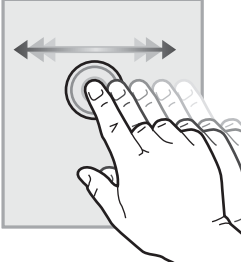
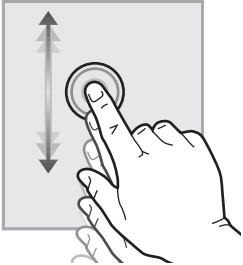
Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng

Thực hiện các thao tác sau đây để sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng của máy in.

Bảng 1-1 Thao tác trên bảng điều khiển màn hình cảm ứng

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
<p>Chạm</p> 	<p>Chạm vào một mục trên màn hình để chọn mục đó hoặc mở menu đó. Ngoài ra, khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.</p>	<p>Chạm vào biểu tượng Settings (Cài đặt) để mở ứng dụng Settings (Cài đặt).</p>

Bảng 1-1 Thao tác trên bảng điều khiển màn hình cảm ứng (còn tiếp)

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
Vuốt	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều ngang để cuộn màn hình sang hai bên.	Vuốt cho đến khi ứng dụng Settings (Cài đặt) hiển thị.
	Cuộn	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều dọc để cuộn lên và xuống màn hình. Khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.
	Cuộn qua ứng dụng Settings (Cài đặt) .	

Thông số kỹ thuật của máy in

Xác định các thông số kỹ thuật cho kiểu máy in của bạn.

Thông số kỹ thuật

Xem lại các thông số kỹ thuật cho máy in.

Xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755> để biết thông tin mới nhất.

Số hiệu sản phẩm cho từng kiểu máy

- 765dn - J7Z04A
- 755dn - 4PZ47A

Bảng 1-2 Thông số kỹ thuật về xử lý giấy

Tính năng xử lý giấy	765dn	755dn
Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓
Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	✓	✓
Khay giấy 550 tờ	Tùy chọn	Tùy chọn
GHI CHÚ: Máy in hỗ trợ một phụ kiện tiếp giấy tùy chọn.		
Khay giấy 550 tờ và chân đế	Tùy chọn	Tùy chọn
Khay giấy 3x550 tờ	Tùy chọn	Tùy chọn
Khay tiếp giấy dung lượng lớn (HCL) 4.000 tờ	Tùy chọn	Tùy chọn
In hai mặt tự động	✓	✓

Bảng 1-3 Thông số kỹ thuật về khả năng kết nối

Tính năng kết nối	765dn	755dn
Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	✓	✓
USB 2.0 Tốc độ cao	✓	✓
Cổng easy-access USB để in không cần máy tính và nâng cấp chương trình cơ sở	✓	✓
Cổng USB bên trong của HP	Tùy chọn	Tùy chọn
Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Wireless để in từ các thiết bị di động	Tùy chọn	Tùy chọn
Phụ kiện HP Jetdirect 2900nw Print Server để kết nối không dây	Tùy chọn	Tùy chọn
Ổ tích hợp phần cứng (HIP) để kết nối các phụ kiện và thiết bị của bên thứ ba	✓	Tùy chọn

Bảng 1-4 Thông số kỹ thuật về tính năng in

Tính năng in	765dn	755dn
In 55 trang mỗi phút (ppm) trên giấy Letter và A4 ở chế độ Professional (Chuyên nghiệp).	✓	Không được hỗ trợ
In 35 trang mỗi phút (ppm) trên giấy Letter và A4 ở chế độ Professional (Chuyên nghiệp).	Không được hỗ trợ	✓
In 75 trang/phút trên giấy Letter và A4 ở chế độ General Office (Công việc văn phòng thông dụng).	✓	Không được hỗ trợ
In 55 trang/phút trên giấy Letter và A4 ở chế độ General Office (Công việc văn phòng thông dụng).	Không được hỗ trợ	✓
In Easy-access USB (không yêu cầu máy tính)	✓	✓

Bảng 1-5 Thông số kỹ thuật khác

Tính năng khác	765dn	755dn
Bộ nhớ 1,5 GB, có thể mở rộng đến 2,5 GB bằng cách thêm mô-đun bộ nhớ DIMM	✓	Không được hỗ trợ
Bộ nhớ cơ bản 8 GB	Không được hỗ trợ	✓
Mô-đun HP 8 GB eMMC	✓	Không được hỗ trợ
Mô-đun HP 128 GB eMMC	Không được hỗ trợ	✓
Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP (FIPS)	Tùy chọn	Không được hỗ trợ
Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu, xem liên tục	✓	✓

Các hệ điều hành được hỗ trợ

Sử dụng thông tin sau đây để kiểm tra tính tương thích của máy in với hệ điều hành máy tính của bạn.

Linux: Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho Linux, hãy truy cập www.hp.com/go/linuxprinting.

UNIX: Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho UNIX®, hãy truy cập www.hp.com/go/unixmodelscripts.

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in Windows HP PCL 6 dùng riêng cho máy in, trình điều khiển in HP cho macOS và cho trình cài đặt phần mềm.

Windows: Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com để cài đặt trình điều khiển in của HP. Hoặc truy cập trang web hỗ trợ máy in dành cho máy in này: <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755> để tải xuống trình điều khiển in hoặc trình cài đặt phần mềm để cài đặt trình điều khiển in của HP.


macOS: Máy in này hỗ trợ máy tính Mac. Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com hoặc từ trang Printer Support (Hỗ trợ máy in), sau đó sử dụng HP Easy Start để cài đặt trình điều khiển in HP.


1. Truy cập 123.hp.com.
2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.

Bảng 1-6 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ

Hệ điều hành	Trình điều khiển in (dành cho Windows hoặc trình cài đặt trên web cho macOS)
Windows 7, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2012, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2012 R2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2016, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2019, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
macOS 10.13 High Sierra, macOS 10.14 Mojave	Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com , sau đó sử dụng phần mềm này để cài đặt trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Các hệ điều hành được hỗ trợ có thể thay đổi.

 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay và nhận trợ giúp trọn gói từ HP dành cho máy in, hãy truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD cho máy in này, hãy truy cập www.hp.com/go/upd. Dưới phần **Additional information (Thông tin bổ sung)**, hãy nhấp vào **Specifications (Thông số kỹ thuật)**.

Bảng 1-7 Các yêu cầu hệ thống tối thiểu

Windows	macOS
<ul style="list-style-type: none"> • Kết nối Internet • Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng • 2 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng • RAM 1 GB (32 bit) hoặc 2 GB (64 bit) 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết nối Internet • Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng • 1,5 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng


 **GHI CHÚ:** Trình cài đặt phần mềm Windows cài đặt dịch vụ HP Smart Device Agent Base. Kích cỡ tệp nhỏ hơn 100 kb. Chức năng duy nhất là để kiểm tra các máy in đã kết nối qua USB hàng giờ. Không có dữ liệu nào được thu thập. Nếu tìm thấy máy in USB, thì dịch vụ này sẽ cố tìm phiên bản Trình kết nối quản lý JetAdvantage (JAMc) trên mạng. Nếu tìm thấy JAMc, HP Smart Device Agent Base sẽ được nâng cấp an toàn lên Smart Device Agent đầy đủ từ JAMc, sau đó, phần này sẽ cho phép tính các trang đã in vào tài khoản Dịch vụ in được quản lý (MPS). Các gói chỉ có trình điều khiển qua web, được tải xuống từ hp.com cho máy in và được cài đặt qua Trình hướng dẫn Add Printer (Thêm máy in) sẽ không cài đặt dịch vụ này.

Để gỡ cài đặt dịch vụ, hãy mở **Control Panel (Panel điều khiển)**, chọn **Programs (Chương trình)** hoặc **Programs and Features (Chương trình và tính năng)**, rồi chọn **Add/Remove Programs (Thêm/Xóa chương trình)** hoặc **Uninstall a Program (Gỡ cài đặt chương trình)** để xóa dịch vụ. Tên tệp là **HPSmartDeviceAgentBase**.

Giải pháp in di động

HP cung cấp nhiều giải pháp in di động để cho phép in dễ dàng tới máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác.

Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/MobilePrinting.

 **GHI CHÚ:** Cập nhật chương trình cơ sở của máy in để đảm bảo tất cả các chức năng in di động đều được hỗ trợ.

- Wi-Fi Direct (có lắp đặt phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless)
- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- Google Cloud Print
- AirPrint
- Android Printing
- HP Roam

Kích thước máy in

Đảm bảo khu vực hoạt động phải đủ rộng để đặt máy in hoặc kéo mở các phụ kiện in.

 **GHI CHÚ:** Các giá trị này có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Bảng 1-8 Kích thước cho kiểu máy in cơ bản

Kích thước	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Cao	462 mm	534 mm
Sâu	595 mm	1.027 mm
Rộng	600 mm	1530 mm
Trọng lượng (có hộp mực)	45,6 kg	45,6 kg

Bảng 1-9 Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ

Kích thước	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Cao	117 mm	117 mm
Sâu	520 mm	685 mm
Rộng	600 mm	600 mm
Trọng lượng	9,5 kg	9,5 kg

Bảng 1-10 Kích thước cho khay nạp giấy 1x550 tờ có chân đế

Kích thước	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Cao	440 mm	440 mm
Sâu	643 mm	938 mm
Rộng	616 mm	1066 mm
Trọng lượng	32 kg	32 kg

Bảng 1-11 Kích thước cho khay nạp giấy 3x550 tờ có chân đế

Kích thước	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Cao	440 mm	440 mm
Sâu	643 mm	938 mm
Rộng	616 mm	1066 mm
Trọng lượng	37 kg	37 kg

Bảng 1-12 Kích thước của khay HCl 4.000 tờ có chân đế

Kích thước	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Cao	440 mm	440 mm
Sâu	643 mm	1046 mm
Rộng	616 mm	1066 mm
Trọng lượng	43,8 kg	43,8 kg

Mức tiêu thụ điện, thông số kỹ thuật về điện và mức phát thải âm thanh

Để hoạt động đúng cách, máy in phải ở trong một môi trường đáp ứng được một số thông số kỹ thuật nhất định về nguồn điện.

Xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755> để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Xin bạn không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

Phạm vi môi trường vận hành

Để hoạt động đúng cách, máy in phải ở trong một môi trường đáp ứng được một số thông số kỹ thuật nhất định.

Bảng 1-13 Phạm vi môi trường vận hành

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17° đến 25°C	15° đến 30°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn cài đặt phần cứng đi kèm với máy in. Để được hướng dẫn thêm, hãy tới mục Hỗ trợ HP trên web.

Truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755> để xem phần trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành
- Tìm các hướng dẫn về cách sử dụng công cụ Microsoft Add Printer

2 Khay giấy

Tìm hiểu cách nạp và sử dụng các khay giấy, bao gồm cách nạp các loại giấy đặc biệt, ví dụ như phong bì và nhãn.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/PageWide.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.


Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Giới thiệu

Hãy thận trọng khi nạp giấy vào khay.

 **THẬN TRỌNG:** Không in nhiều khay giấy một lần.

Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống.

Phải đóng tất cả các khay trong khi di chuyển máy in.

Tránh đặt tay vào khay giấy hoặc ngăn kéo khi đóng.

Nạp giấy vào khay 1 (khay đa năng)

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 1.

⚠ THẬN TRỌNG: Không in nhiều khay giấy một lần. Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống. Để tay ra ngoài khay giấy khi đóng. Phải đóng tất cả các khay khi di chuyển máy in.

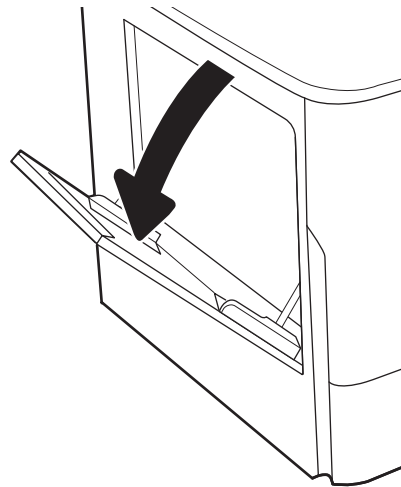
THẬN TRỌNG: Để tránh kẹt giấy, không được thêm hoặc lấy bớt giấy từ khay 1 trong khi in.

Nạp khay 1

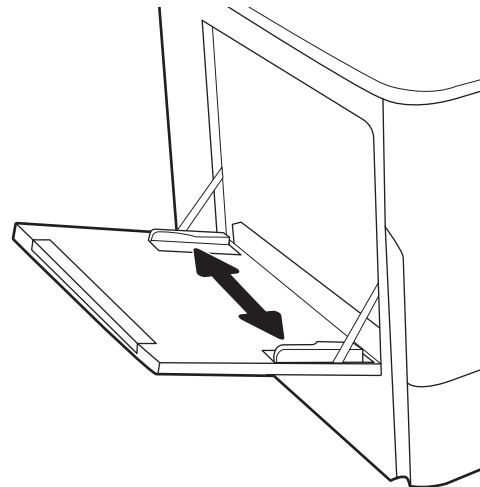
Khay này chứa được tối đa 100 tờ 75 g/m² hoặc 10 phong bì.

1. Mở khay 1.

GHI CHÚ: Để in trên khổ giấy dài hơn, chẳng hạn như khổ Legal, hãy kéo Tấm kéo dài khay 1 ra.



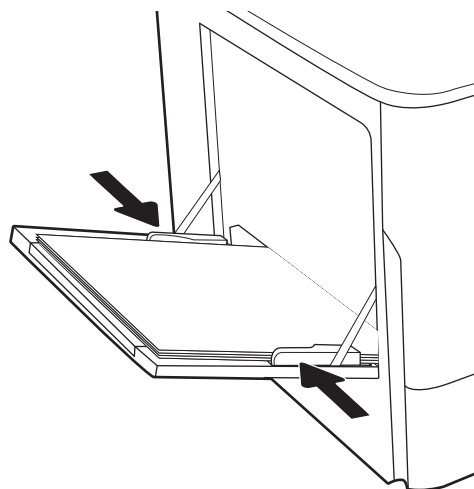
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc theo khổ giấy đang được sử dụng.



3. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định dạng hướng giấy, xem [Hướng giấy Khay 1 thuộc trang 19](#).



4. Điều chỉnh các thanh dẫn bên sao cho chúng chạm vào tập giấy mà không làm cong tập giấy.

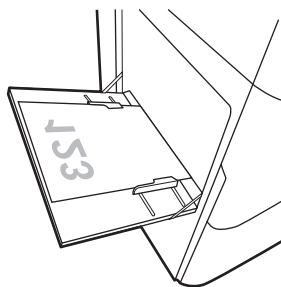


Hướng giấy Khay 1

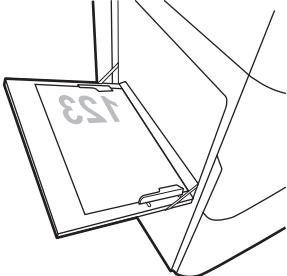
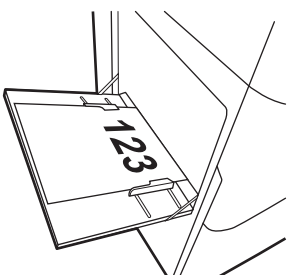
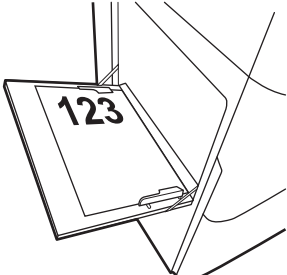
Đặt giấy theo đúng cách trong Khay 1 để đảm bảo chất lượng in tốt nhất.

Bảng 2-1 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—dọc

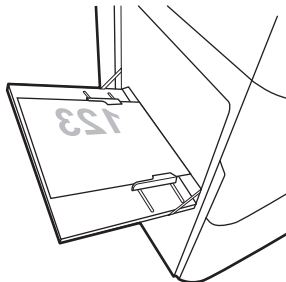
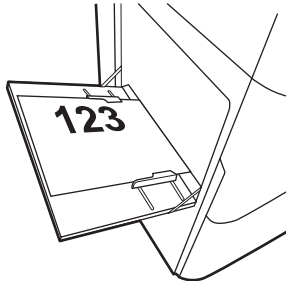
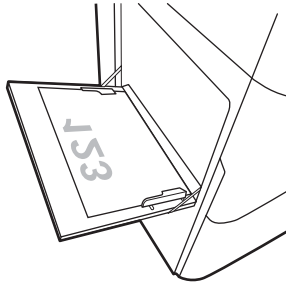
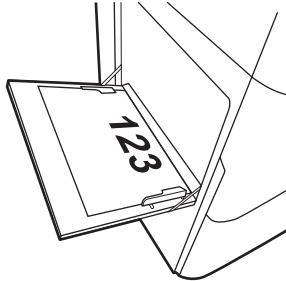
Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	12x18, 11x17, RA3, A3, 8K (273x394 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), B6 (JIS), 5x7, 4x6, 10x15 cm, A6, Bưu thiếp Nhật Bản (100x148 mm)	Mặt hướng xuống Đưa mép dưới cùng vào máy in



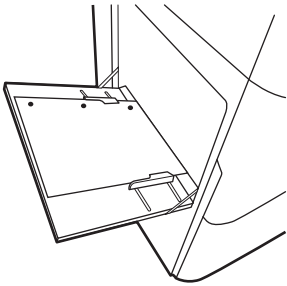
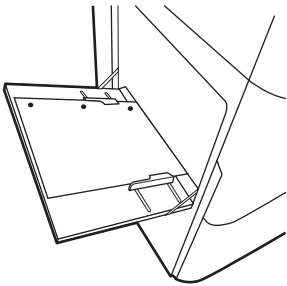
Bảng 2-1 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—dọc (còn tiếp)

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), 16K (195x270 mm), 16K (197x273 mm), B6 (JIS), 5x7, A6, Bưu thiếp Nhật Bản (100x148 mm)	Mặt hướng xuống Bên trái của ảnh được in sẵn hướng vào máy in 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	12x18, 11x17, RA3, A3, 8K (273x394 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), B6 (JIS), 5x7, 4x6, 10x15 cm, A6, Bưu thiếp Nhật Bản (100x148 mm)	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter, 16K (197x273 mm), 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), 16K (195x270 mm), 16K (197x273 mm), B6 (JIS), 5x7, A6, Bưu thiếp Nhật Bản (100x148 mm)	Mặt hướng lên Bên phải của ảnh được in sẵn hướng vào máy in 

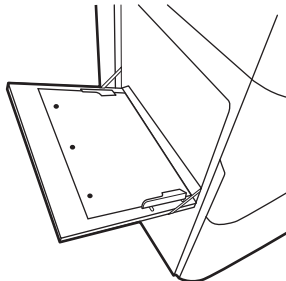
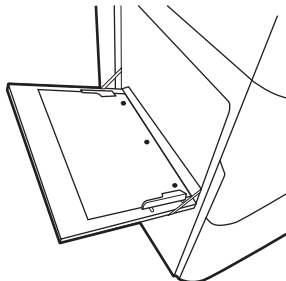
Bảng 2-2 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—ngang

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	12x18, 11x17, RA3, A3, 8K (273x394 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 16K (197x273 mm), 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), B6 (JIS), 5x7 4x6, 10x15 cm, A6, Bưu thiếp Nhật Bản (các bưu thiếp này nhỏ hơn 5 inch, vì vậy phải nạp vào bảng cạnh ngắn)	Mặt hướng xuống Bên trái của ảnh được in sẵn hướng vào máy in 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	12x18, 11x17, RA3, A3, 8K (273x394 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 16K (197x273 mm), 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), B6 (JIS), 5x7 4x6, 10x15 cm, A6, Bưu thiếp Nhật Bản (các bưu thiếp này nhỏ hơn 5 inch, vì vậy phải nạp vào bảng cạnh ngắn)	Mặt hướng lên Bên phải của ảnh được in sẵn hướng vào máy in 
In 1 mặt	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép, 5x7, B6 (JIS), A6	Mặt hướng xuống Đưa mép dưới cùng vào máy in 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép, 5x7, B6 (JIS), A6	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in 

Bảng 2-3 Dập lỗ sẵn—dọc

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	12x18, 11x17, RA3, A3, 8K (273x394 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, A6, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), B6 (JIS), 5x7, 4x6, 10x15 cm, Bưu thiếp Nhật Bản	Mặt hướng xuống Các lỗ hướng về phía sau máy in 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	12x18, 11x17, RA3, A3, 8K (273x394 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, A6, 5x8, Bưu thiếp Nhật Bản Kép (148x200 mm), B6 (JIS), 5x7, 4x6, 10x15 cm, Bưu thiếp Nhật Bản	Mặt hướng lên Các lỗ hướng về phía sau máy in 

Bảng 2-4 Dập lỗ sẵn—ngang

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiệp Nhật Bản Kép, 5x7, B6 (JIS), A6	Mặt hướng xuống Các lỗ hướng ra xa máy in 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS), Arch A, Statement, 5x8, Bưu thiệp Nhật Bản Kép, 5x7, B6 (JIS), A6	Mặt hướng lên Các lỗ hướng về máy in 

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

Sử dụng menu [Settings \(Cài đặt\)](#) để thiết lập cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, điều hướng đến và mở menu [Settings \(Cài đặt\)](#).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. [Copy/Print \(Sao chép/In\)](#) hoặc [Print \(In\)](#)
 - b. [Manage Trays \(Quản lý khay\)](#)
 - c. [Alternative Letterhead Mode \(Chế độ in sẵn đầu đề khác\)](#)
3. Chọn [On \(Bật\)](#).

Nạp giấy vào khay 2

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ tùy chọn.

⚠ THẬN TRỌNG: Không in nhiều khay giấy một lần. Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống. Để tay ra ngoài khay giấy khi đóng. Phải đóng tất cả các khay khi di chuyển máy in.

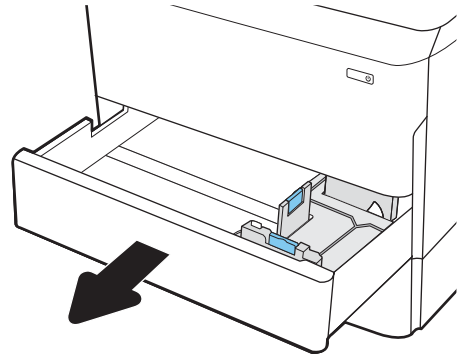
📄 GHI CHÚ: Quy trình nạp giấy cho tất cả các khay 550 tờ tương tự như nạp giấy cho khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

Nạp khay 2 và các khay 550 tờ

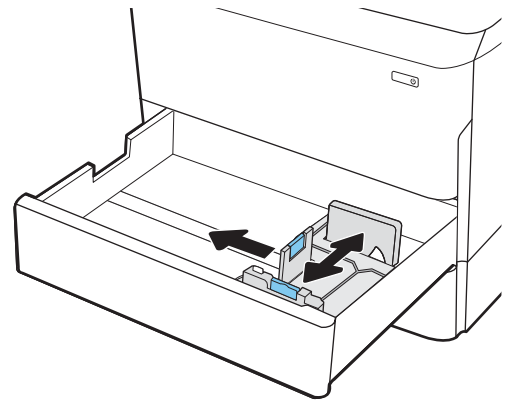
Các khay này chứa được tối đa 550 tờ giấy 75 g/m².

1. Mở khay ra.

⚠ GHI CHÚ: Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



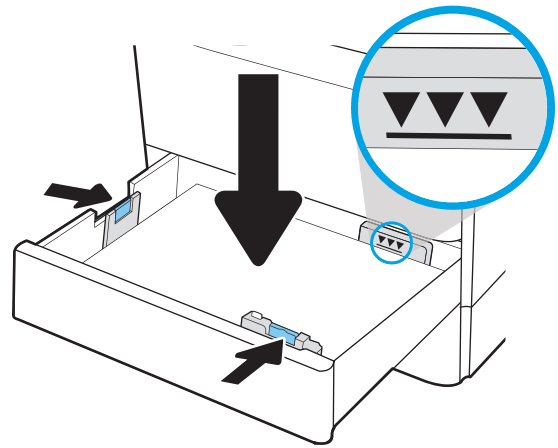
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và ngang bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh màu xanh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



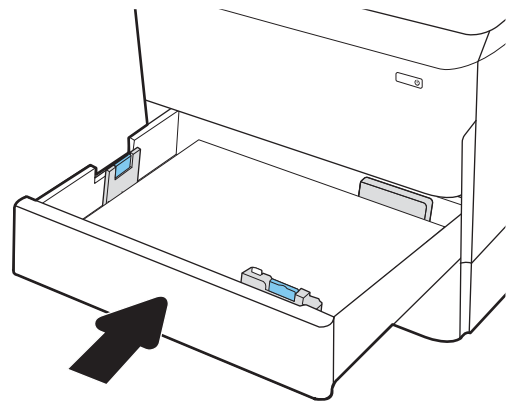
3. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy. Để biết thông tin về cách định dạng hướng giấy, xem [Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ thuộc trang 27](#).

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

GHI CHÚ: Nếu khay không được điều chỉnh đúng cách, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.

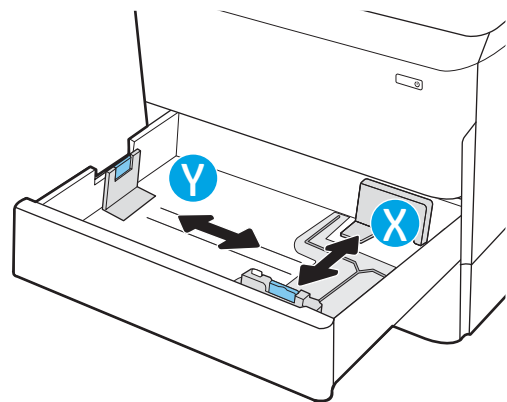


4. Đóng khay giấy.



5. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Chọn nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc chọn nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.

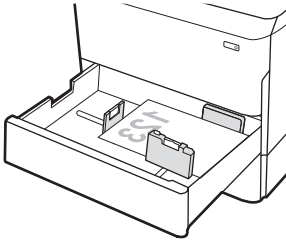
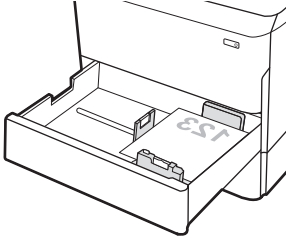
Đối với giấy có kích thước tùy chỉnh, xác định các kích thước X và Y cho giấy khi có nhắc nhở xuất hiện trên bảng điều khiển của máy in.



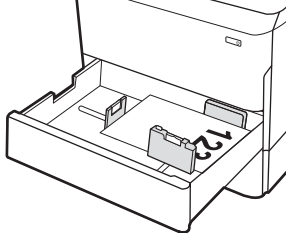
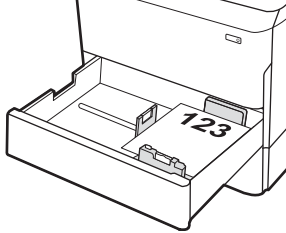
Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ

Đặt giấy theo đúng cách trong khay 2 và các khay 550 tờ để đảm bảo chất lượng in tốt nhất.

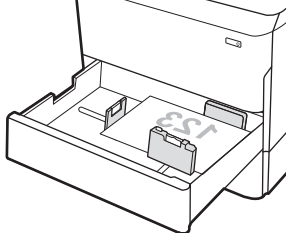
Bảng 2-5 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—dọc

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	11x17, A3, 8K (273x397 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 12x18	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở bên trái của khay 
In 1 mặt	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS)	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía sau của khay 

Bảng 2-5 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—dọc (còn tiếp)

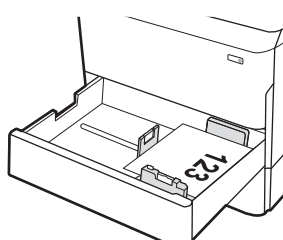
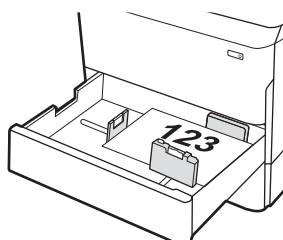
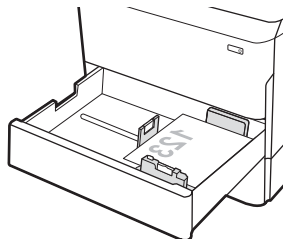
Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	11x17, A3, 8K (273x397 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 12x18	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên phải của khay
		
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS)	Mặt hướng lên Cạnh trên ở phía sau của khay
		

Bảng 2-6 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—ngang

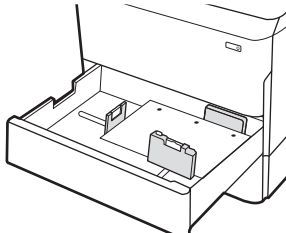
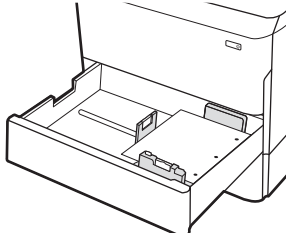
Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	11x17, A3, 8K (273x397 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 12x18	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía sau của khay
		

Bảng 2-6 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—ngang (còn tiếp)

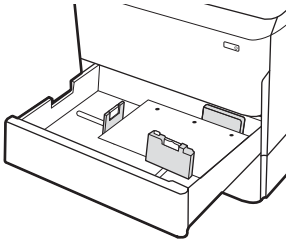
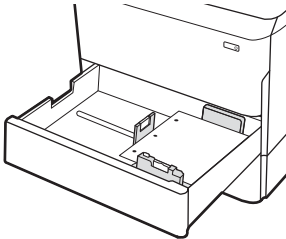
Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS)	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở bên trái của khay
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	11x17, A3, 8K (273x397 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 12x18	Mặt hướng lên Cạnh trên ở phía sau của khay
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS)	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên phải của khay



Bảng 2-7 Dập lỗ sẵn—dọc

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	11x17, A3, 8K (273x397 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 12x18	Mặt hướng xuống Các lỗ ở phía sau khay 
In 1 mặt	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS)	Mặt hướng xuống Các lỗ ở bên phải khay 

Bảng 2-7 Dập lỗ sẵn—dọc (còn tiếp)

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	11x17, A3, 8K (273x397 mm), 8K (270x390 mm), 8K (260x368 mm), B4 (JIS), Legal, Oficio (8,5x13), Oficio (216x340 mm), C4, SRA4, RA4, Arch A, A4, Letter, 12x18	Mặt hướng lên Các lỗ ở phía sau khay 
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter, 16K (197x273 mm) 16K (195x270 mm), Executive, A5, 16K (184x260 mm), B5 (JIS)	Mặt hướng lên Các lỗ ở bên trái khay, với đầu trên của biểu mẫu ở phía sau của máy in 

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

Sử dụng menu [Settings \(Cài đặt\)](#) để thiết lập cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, điều hướng đến và mở menu [Settings \(Cài đặt\)](#).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. [Copy/Print \(Sao chép/In\)](#) hoặc [Print \(In\)](#)
 - b. [Manage Trays \(Quản lý khay\)](#)
 - c. [Alternative Letterhead Mode \(Chế độ in sẵn đầu đề khác\)](#)
3. Chọn [On \(Bật\)](#).

Nạp vào khay tiếp giấy dung lượng lớn (HCI) 4.000 tờ

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay tiếp giấy dung lượng lớn, khay này có sẵn dưới dạng phụ kiện cho tất cả các kiểu sản phẩm.

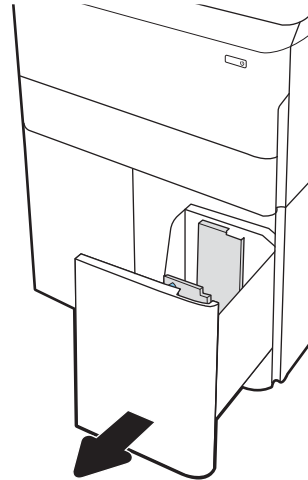
⚠ THẬN TRỌNG: Không in nhiều khay giấy một lần. Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống. Để tay ra ngoài khay giấy khi đóng. Phải đóng tất cả các khay khi di chuyển máy in.

Nạp HCI

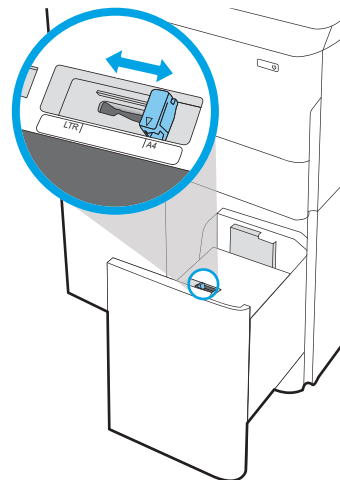
Hai khay này chứa được tối đa 4.000 tờ giấy 75 g/m².

1. Mở khay ra.

GHI CHÚ: Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



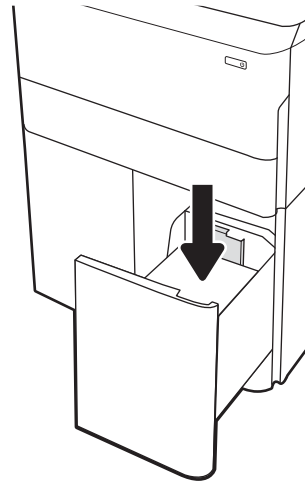
2. Điều chỉnh các thanh dẫn khổ giấy đến đúng vị trí dành cho giấy.



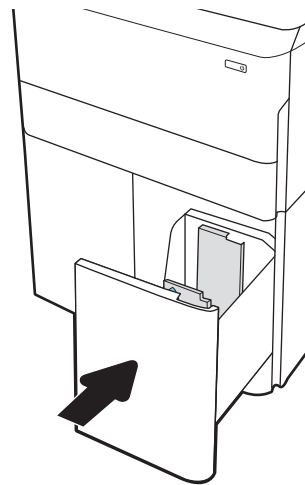
3. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy.

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

GHI CHÚ: Nếu khay không được điều chỉnh đúng cách, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.



4. Đóng khay giấy.



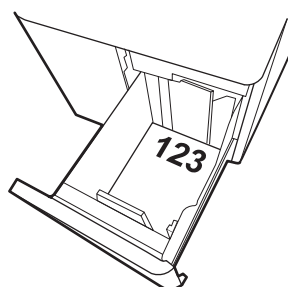
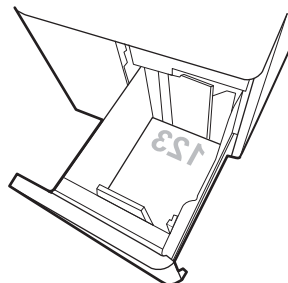
5. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Chọn nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc chọn nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.

Hướng giấy HCI

Đặt giấy theo đúng cách trong khay HCI để đảm bảo chất lượng in tốt nhất.

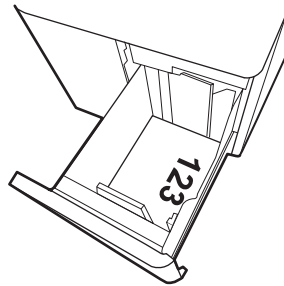
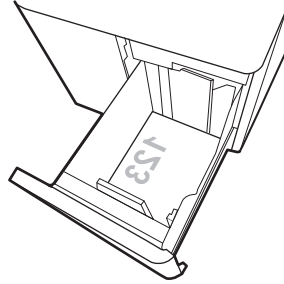
Bảng 2-8 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—dọc

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	A4, Letter	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía sau của khay
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter	Mặt hướng lên Cạnh trên ở phía sau của khay



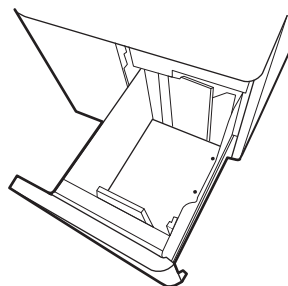
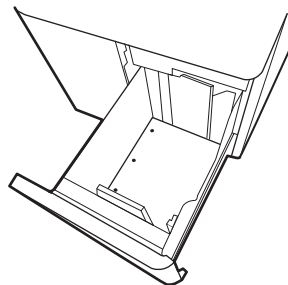
Bảng 2-9 Giấy tiêu đề hoặc in sẵn—ngang

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	A4, Letter	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở bên trái của khay
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên phải của khay



Bảng 2-10 Dập lỗ sẵn—ngang

Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
In 1 mặt	A4, Letter	Mặt hướng xuống Các lỗ ở bên trái khay
In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật	A4, Letter	Mặt hướng lên Các lỗ ở bên phải khay, với đầu trên của biểu mẫu ở bên phải



Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

Sử dụng menu [Settings \(Cài đặt\)](#) để thiết lập cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác).


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, điều hướng đến và mở menu [Settings \(Cài đặt\)](#).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. [Copy/Print \(Sao chép/In\)](#) hoặc [Print \(In\)](#)
 - b. [Manage Trays \(Quản lý khay\)](#)
 - c. [Alternative Letterhead Mode \(Chế độ in sẵn đầu đề khác\)](#)
3. Chọn [On \(Bật\)](#).

Nạp và in phong bì


Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp phong bì. Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa 14 phong bì, tùy thuộc vào thiết kế phong bì và điều kiện môi trường.


In phong bì

Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng chế độ tiếp giấy thủ công, hãy đợi cho đến khi bảng điều khiển nhắc bạn nạp phong bì vào khay 1.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties (Thuộc tính)** hoặc nút **Preferences (Tùy chọn)** để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in. Đối với Windows 10, chọn **Print (In)**, tùy chọn này có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Đối với Windows 8, 8.1 và 10, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote sẽ tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings (Cài đặt thêm)** được chọn.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size (Kích thước giấy)**, chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type (Loại giấy)**, chọn **More (Khác)**.
6. Trong **Type is (Loại là)**, chọn **Other (Khác)** và chọn **Envelope (Phong bì)**.
7. Trong danh sách thả xuống **Paper source (Nguồn giấy)**, chọn **Manual feed (Tiếp giấy thủ công)**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties (Thuộc tính tài liệu)**.
9. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

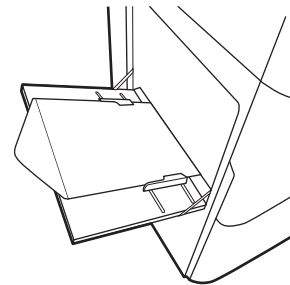
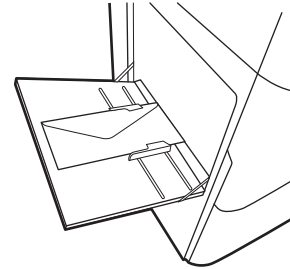
Hướng phong bì

Cần nạp phong bì theo cách thức cụ thể để in đúng cách.

 **GHI CHÚ:** Máy in không hỗ trợ in hai mặt trên phong bì.

Bảng 2-11 Hướng phong bì

Khay	Kích thước phong bì	Cách nạp
Tray 1 (Khay 1)	Phong bì #9, Phong bì #10, Phong bì Quân chủ, Phong bì DL, Phong bì B5, Phong bì C5 (wallet), Phong bì C6	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía sau máy in
Tray 1 (Khay 1)	Phong bì B5, Phong bì Nhật Bản Chou #3, Phong bì C5 (pocket)	Mặt hướng xuống Cạnh dưới hướng vào máy in; nắp trên mở




Nạp và in nhãn


Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp nhãn.

Tiếp nhãn theo cách thủ công

Sử dụng chế độ tiếp giấy thủ công cho khay 1 để in tờ nhãn.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties (Thuộc tính)** hoặc nút **Preferences (Tùy chọn)** để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

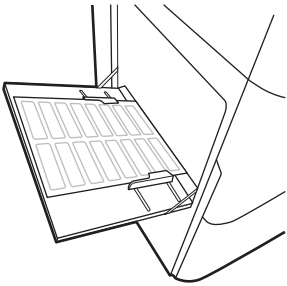
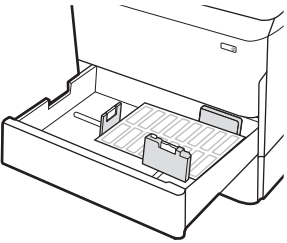
 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in. Đối với Windows 10, chọn **Print (In)**, tùy chọn này có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Đối với Windows 8, 8.1 và 10, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote sẽ tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings (Cài đặt thêm)** được chọn.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size (Kích thước giấy)**, chọn đúng kích thước cho các tờ nhãn.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type (Loại giấy)**, chọn **Labels (Nhãn)**.
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source (Nguồn giấy)**, chọn **Manual feed (Tiếp giấy thủ công)**.
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties (Thuộc tính tài liệu)**.
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Hướng nhãn

Cần nạp nhãn theo cách thức cụ thể để in đúng cách.

Bảng 2-12 Hướng nhấn

Khay	Cách nạp nhấn
Tray 1 (Khay 1)	<p data-bbox="438 254 758 296">Mặt hướng xuống</p> <p data-bbox="438 296 758 338">Đưa mép dưới cùng vào máy in</p> 
Các khay 550 tờ	<p data-bbox="438 667 758 709">Mặt hướng xuống</p> <p data-bbox="438 709 758 751">Cạnh trên ở bên trái của khay</p> 

3 Mực in, phụ kiện và bộ phận

Đặt mua mực in hoặc phụ kiện, thay thế hộp mực in hoặc tháo và thay thế bộ phận khác.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/PageWide.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

Tìm hiểu cách mua mực in thay thế, phụ kiện và phụ tùng thay thế cho máy in.

Đặt hàng

Đặt hàng các bộ phận, mực in hoặc phụ kiện thông qua một trong các kênh sau đây.

Bảng 3-1 Tùy chọn đặt hàng

Tùy chọn đặt hàng	Thông tin đặt hàng
Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Mực in và phụ kiện

Tìm thông tin về mực in và phụ kiện hiện có sẵn cho máy in của bạn.

Bảng 3-2 Mực in

Mực	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 982X High Yield Black Original PageWide	Hộp mực màu đen thay thế có công suất cao	982X	T0B30A
Hộp mực HP 982X High Yield Cyan Original PageWide	Hộp mực màu xanh lá mạ thay thế có công suất cao	982X	T0B27A
Hộp mực HP 982X High Yield Magenta Original PageWide	Hộp mực màu đỏ tươi thay thế có công suất cao	982X	T0B28A
Hộp mực HP 982X High Yield Yellow Original PageWide	Hộp mực màu vàng thay thế có công suất cao	982X	T0B29A
Hộp mực HP 982A Black Original PageWide	Hộp mực màu đen thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B26A
Hộp mực HP 982A Cyan Original PageWide	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B23A
Hộp mực HP 982A Magenta Original PageWide	Hộp mực màu đỏ tươi thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B24A
Hộp mực HP 982A Yellow Original PageWide	Hộp mực màu vàng thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B25A

Bảng 3-3 Phụ kiện

Mục	Mô tả	Số hộp mục	Số bộ phận
Bộ nhớ DIMM DDR3 1 GB	Bộ nâng cấp bộ nhớ	Không áp dụng	E5K48A
Bộ nhớ DIMM DDR3 2 GB	Bộ nâng cấp bộ nhớ	Không áp dụng	E5K49A
Khay giấy 550 tờ HP PageWide	Khay tiếp giấy tùy chọn	Không áp dụng	A7W99A
Khay giấy 550 tờ và chân đế HP PageWide	Khay tiếp giấy tùy chọn và chân đế	Không áp dụng	9UW01A
Khay giấy 3x550 tờ và chân đế HP PageWide	Khay tiếp giấy tùy chọn và chân đế	Không áp dụng	9UW02A
Khay giấy HCI 4000 tờ và chân đế HP PageWide	Khay nạp giấy dung lượng lớn tùy chọn và chân đế	Không áp dụng	9UW03A
Hai cổng USB bên trong cho các giải pháp lắp ghép, Bảng AA	Các cổng USB tùy chọn để kết nối với các thiết bị bên thứ ba	Không áp dụng	B5L28A
Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao FIPS của HP	Ổ cứng bảo mật	Không áp dụng	B5L29A
Máy chủ in không dây HP Jetdirect với NFC	Phụ kiện không dây để “chạm” khi in từ các thiết bị di động	Không áp dụng	J8031A
Máy chủ in không dây HP Jetdirect USB	Phụ kiện máy chủ in không dây USB	Không áp dụng	J8030A

Vật tư tiêu hao cần bảo trì/thời gian dài (LLC)

Tìm thông tin về vật tư tiêu hao cần bảo trì/thời gian dài hiện có sẵn cho máy in của bạn.

Bảng 3-4 Vật tư tiêu hao cần bảo trì/thời gian dài (LLC)

Bộ dụng cụ bảo trì/LCC	Số bộ phận	Tuổi thọ ước tính ¹
Ngăn chứa chất lỏng bảo trì HP PageWide	W1B44A	150.000 trang
Bộ lau đầu in HP PageWide	W1B43A	150.000 trang
Bộ trục lăn HP PageWide	W1B45A	150.000 trang

¹ Các thông số kỹ thuật về thời gian sử dụng của HP Maintenance/Long Life Consumables (LLC) được ước tính dựa trên các điều kiện thử nghiệm thời gian sử dụng LLC liệt kê dưới đây. Thời gian sử dụng/sản lượng riêng thực tế trong suốt quá trình sử dụng bình thường sẽ khác nhau tùy theo cách sử dụng, môi trường, giấy và các yếu tố khác. Thời gian sử dụng ước tính không phải là sự đảm bảo mang tính ngụ ý hay có lý do xác đáng.

Điều kiện thử nghiệm thời gian sử dụng LLC

- Phạm vi in: Được phân phối 5% đồng đều trên trang
- Môi trường: 17° đến 25°C; độ ẩm tương đối 30%-70% (RH)
- Kích cỡ vật liệu in: Letter/A4
- Trọng lượng vật liệu in: Giấy thường 75 g/m²

- Kích cỡ lệnh in: 4 trang
- Cạnh ngắn tiếp giấy (A3) (ví dụ: giấy khổ Legal)

Các yếu tố có thể làm giảm thời gian sử dụng từ điều kiện trên:

- Vật liệu in có độ rộng ngắn hơn Letter/A4 (cạnh ngắn tiếp giấy nghĩa là thao tác máy móc trên trang nhiều hơn)
- Giấy nặng hơn 75 g/m² 20 lb (vật liệu in nặng hơn tạo ra áp lực cao hơn lên các thành phần máy in)
- In các lệnh in nhỏ hơn 4 ảnh (lệnh in nhỏ hơn nghĩa là thao tác máy móc trên trang nhiều hơn)

Các bộ phận khách hàng tự sửa chữa

Các bộ phận sau đây có sẵn cho máy in.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành sản phẩm HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành sản phẩm.

Bảng 3-5 Các bộ phận khách hàng tự sửa chữa

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ ngăn chứa chất lỏng bảo trì	Phụ kiện chứa chất lỏng bảo trì thay thế	Bắt buộc	W1B44A
Bộ phụ kiện lau đầu in	Bộ lau đầu in thay thế	Bắt buộc	W1B43A
Bộ trục lăn khay 2-5	Trục lăn thay thế cho các khay 2-5	Bắt buộc	W1B45A
Bộ phụ kiện khay 2-5	Khay 2-5 thay thế	Bắt buộc	A7X02A
Khay nạp giấy để bàn 550 tờ tùy chọn	Khay nạp giấy khay 3 thay thế	Bắt buộc	A7W99A
Khay nạp giấy 1x550 tờ và chân đế	Khay nạp giấy và chân đế khay 3 thay thế	Bắt buộc	9UW01A
Khay nạp giấy 3x550 tờ và chân đế	Khay nạp giấy 3x550 tờ và chân đế thay thế	Bắt buộc	9UW02A
Khay giấy HCI 4000 tờ và chân đế HP PageWide	Khay nạp giấy dung lượng lớn tùy chọn và chân đế	Bắt buộc	9UW03A
Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao FIPS của HP	Ổ cứng bảo mật thay thế	Bắt buộc	B5L29A
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB thay thế	Bắt buộc	J8031A
Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Không dây	Phụ kiện Wireless Direct Print thay thế để "chạm" khi in từ các thiết bị di động	Bắt buộc	J8030A
HP 1 GB DDR3x32 144-Pin 800 MHz SODIMM	Thay thế bộ nhớ DIMM	Bắt buộc	E5K48A
Hai cổng USB bên trong cho các giải pháp lắp ghép, Bảng AA	Các cổng USB tùy chọn để kết nối với các thiết bị bên thứ ba	Bắt buộc	B5L28A

Thay thế hộp mực in

Thay hộp mực in nếu bạn nhận được thông báo trên máy in, hoặc gặp vấn đề về chất lượng in.

Thông tin về hộp mực

Máy in này sẽ cho biết khi nào mức mực in trong hộp mực còn ít, gần hết hoặc hết sạch.

Máy in sử dụng bốn màu và có một hộp mực in khác nhau cho mỗi màu: vàng (Y), xanh lá mạ (C), đỏ tươi (M) và đen (K).

Không được lấy hộp mực ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

⚠ THẬN TRỌNG: Để tránh làm hỏng hộp mực, không được chạm vào các điểm tiếp xúc màu vàng bằng kim loại của hộp mực.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực.



Số	Mô tả
1	Điểm tiếp xúc bằng kim loại. Không chạm vào các điểm tiếp xúc màu vàng bằng kim loại của hộp mực. Dấu vân tay trên các điểm tiếp xúc có thể làm hỏng hộp mực.


Để mua hộp mực hoặc kiểm tra hộp mực có phù hợp với máy in không, hãy truy cập www.hp.com. Cuộn xuống cuối trang và xác nhận xem quốc gia/khu vực có đúng không.

Bảng 3-6 Thông tin về hộp mực

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 982X High Yield Black Original PageWide	Hộp mực màu đen thay thế có công suất cao	982X	T0B30A
Hộp mực HP 982X High Yield Cyan Original PageWide	Hộp mực màu xanh lá mạ thay thế có công suất cao	982X	T0B27A
Hộp mực HP 982X High Yield Magenta Original PageWide	Hộp mực màu đỏ tươi thay thế có công suất cao	982X	T0B28A
Hộp mực HP 982X High Yield Yellow Original PageWide	Hộp mực màu vàng thay thế có công suất cao	982X	T0B29A
Hộp mực HP 982A Black Original PageWide	Hộp mực màu đen thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B26A

Bảng 3-6 Thông tin về hộp mực (còn tiếp)

Mực	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 982A Cyan Original PageWide	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B23A
Hộp mực HP 982A Magenta Original PageWide	Hộp mực màu đỏ tươi thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B24A
Hộp mực HP 982A Yellow Original PageWide	Hộp mực màu vàng thay thế có công suất chuẩn	982A	T0B25A

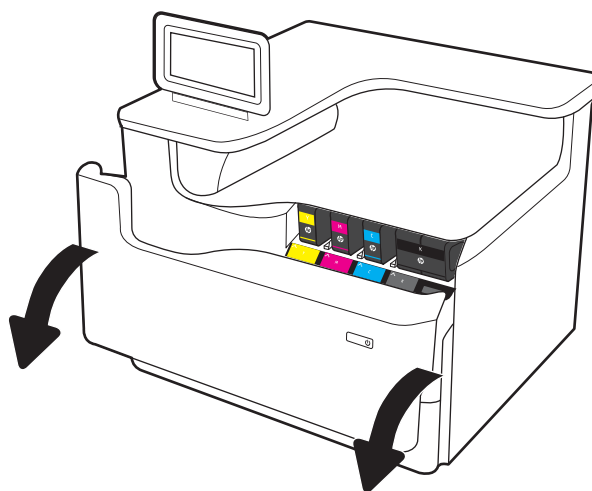
 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều chất màu hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

 **GHI CHÚ:** Thông tin về việc tái chế hộp mực đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực.

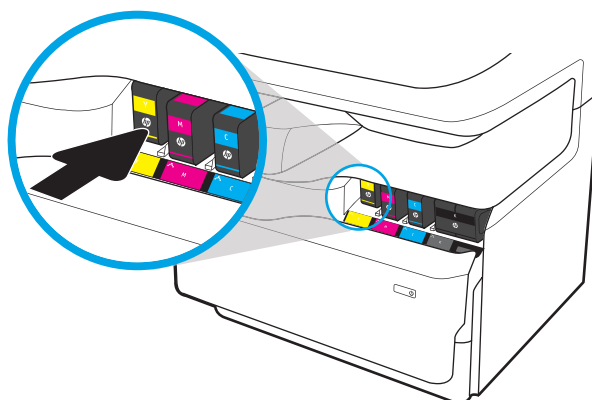
Tháo và thay hộp mực

Thực hiện theo các bước sau đây để thay hộp mực in.

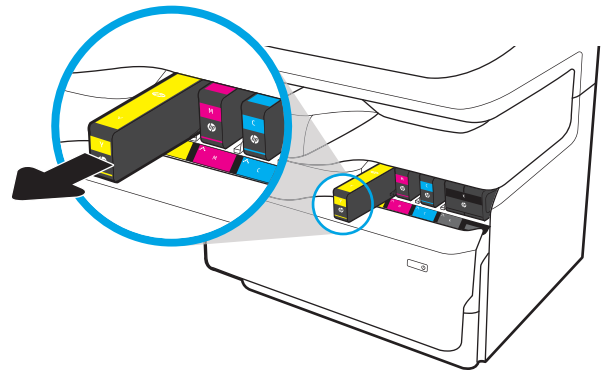
1. Mở nắp hộp mực.



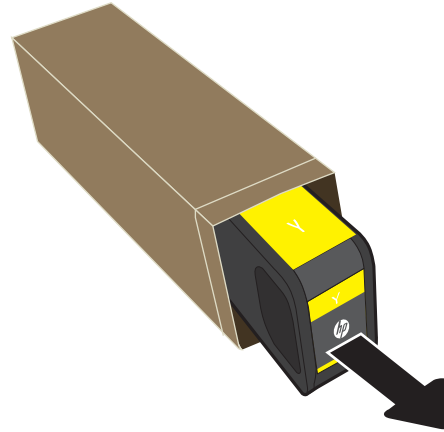
2. Đẩy hộp mực cũ vào trong để mở chốt hộp mực.



3. Nắm vào cạnh hộp mực cũ, sau đó kéo hộp mực thẳng ra ngoài để tháo nó.



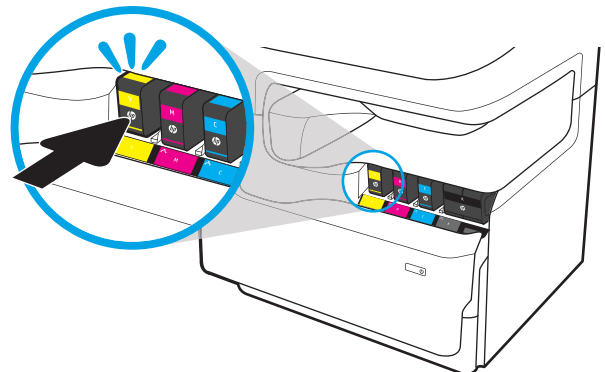
4. Lấy hộp mực mới ra khỏi bao bì.



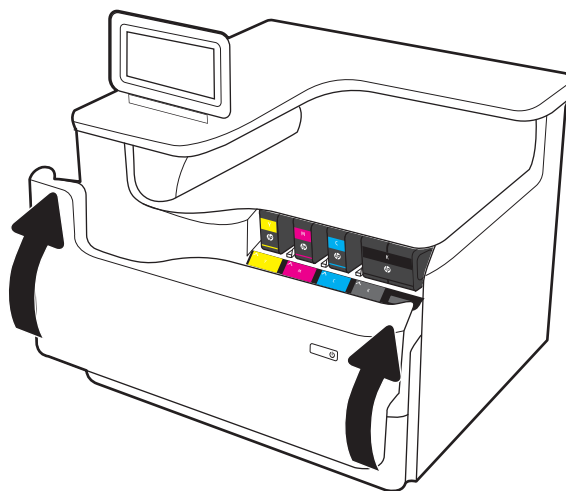
5. Không chạm vào các điểm tiếp xúc màu vàng bằng kim loại của hộp mực. Dầu vân tay trên các điểm tiếp xúc có thể làm hỏng hộp mực.



6. Lắp hộp mực mới vào sản phẩm. Đảm bảo rằng hộp mực được đặt chắc chắn vào đúng vị trí.



7. Đóng nắp hộp mực.



8. Cho hộp mực đã qua sử dụng vào trong hộp mà bạn đã lấy ra hộp mực mới. Xem hướng dẫn tái chế đi kèm để biết thông tin về việc tái chế.

HP giúp bạn tái chế hộp mực HP gốc—điều này rất dễ dàng và miễn phí với chương trình Đối tác Toàn cầu của HP, có tại hơn 50 quốc gia/khu vực trên toàn thế giới¹⁾.

Để tìm thông tin về cách tái chế hộp mực HP đã qua sử dụng, vui lòng truy cập www.hp.com/recycle.

¹⁾ Mức độ sẵn có của chương trình có thể thay đổi. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào www.hp.com/recycle.

Thay ngăn chứa chất lỏng bảo trì

Tìm hiểu cách thay ngăn chứa chất lỏng dịch vụ.

Thông tin về ngăn chứa chất lỏng bảo trì

Thông tin sau đây cung cấp các chi tiết về ngăn chứa chất lỏng bảo trì dành cho máy in và các hướng dẫn thay thế nó.

Máy in sẽ cho biết khi nào ngăn chứa chất lỏng bảo trì gần đầy và đã đầy. Khi ngăn chứa chất lỏng bảo trì đã đầy, thao tác in sẽ dừng cho tới khi ngăn chứa chất lỏng bảo trì được thay thế.

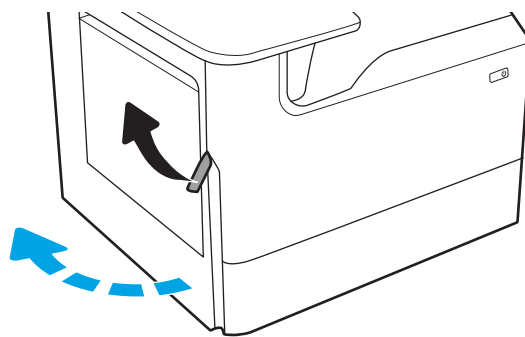
Để mua ngăn chứa chất lỏng bảo trì (số bộ phận W1B44A), hãy truy cập HP Parts Store tại www.hp.com/buy/parts.

GHI CHÚ: Ngăn chứa chất lỏng bảo trì được thiết kế để sử dụng một lần. Không tìm cách dọn sạch ngăn chứa chất lỏng bảo trì và sử dụng lại. Làm như vậy có thể dẫn tới việc chất màu bị đổ vào trong máy in và làm giảm chất lượng in. Sau khi sử dụng, hãy gửi ngăn chứa chất lỏng bảo trì lại cho chương trình Đối tác Toàn cầu của HP để tái chế.

Tháo và thay ngăn chứa chất lỏng bảo trì

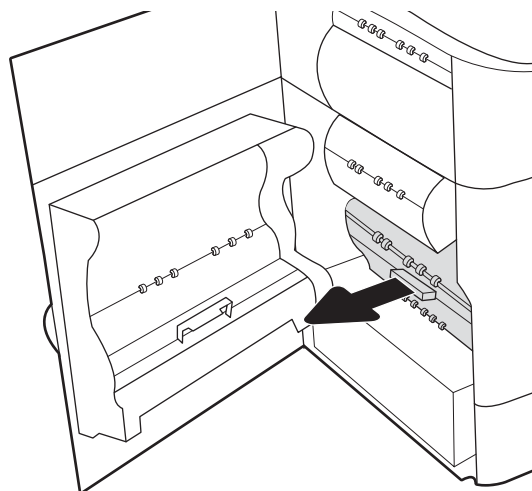
Thực hiện theo các bước sau đây để thay ngăn chứa chất lỏng dịch vụ.

1. Mở cửa bên trái.

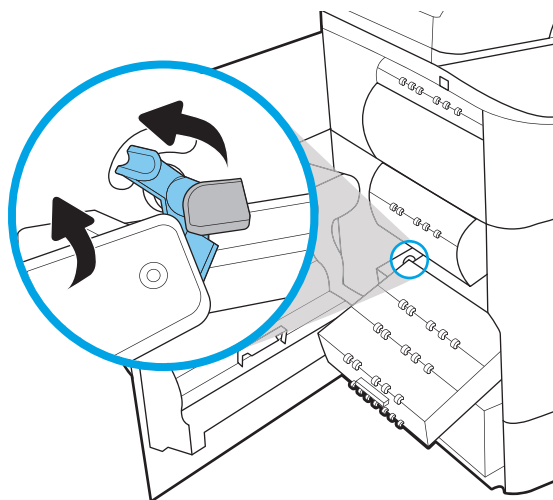


2. Kéo ngăn chứa chất lỏng bảo trì ra khỏi máy in.

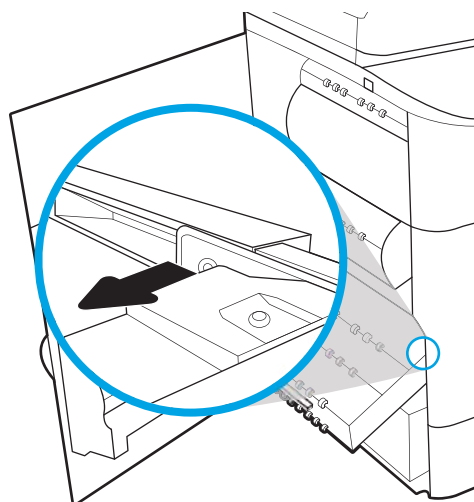
THẬN TRỌNG: Khi kéo ngăn chứa chất lỏng bảo trì ra, tránh tiếp xúc trực tiếp với trực lẫn màu đen để ngăn không cho chất màu vấy bẩn lên da hoặc quần áo.



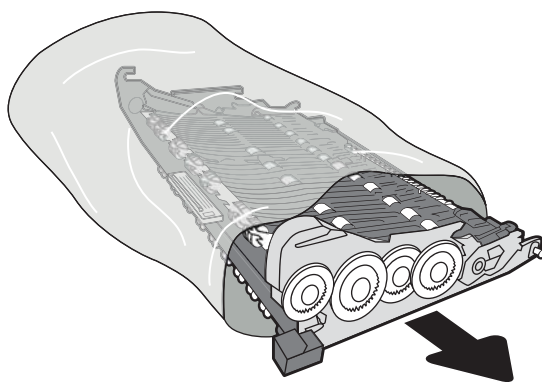
3. Ở bên trái của ngăn chứa chất lỏng bảo trì, nhả chốt giữ ngăn chứa trong rãnh căn chỉnh, sau đó tháo đầu bên trái ngăn chứa ra.



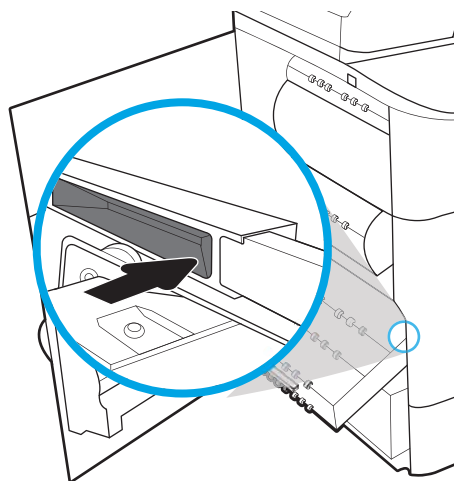
4. Tháo đầu bên phải khỏi rãnh căn chỉnh, sau đó tháo ngăn chứa ra khỏi máy in. Đặt bộ thu gom sang một bên, dựng thẳng đứng, trên một mẫu giấy để tránh làm đổ.



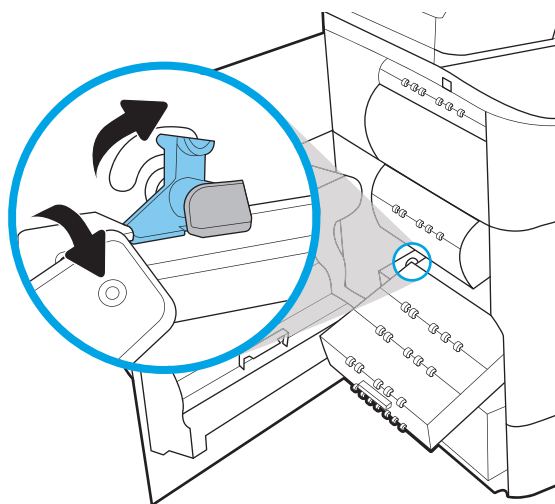
5. Lấy ngăn chứa chất lỏng bảo trì mới ra khỏi bao bì.



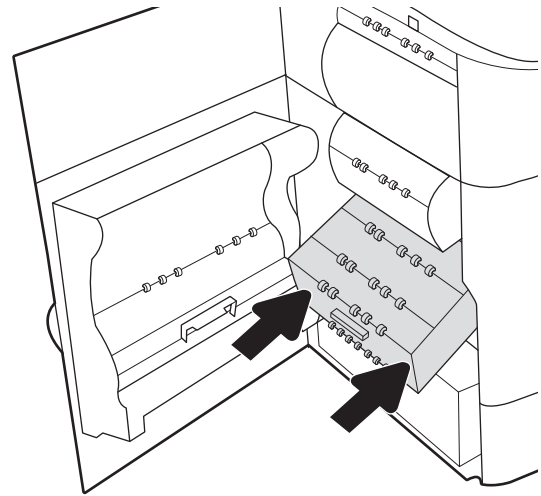
6. Trước tiên, lắp đầu bên phải của ngăn chứa chất lỏng bảo trì vào rãnh căn chỉnh.



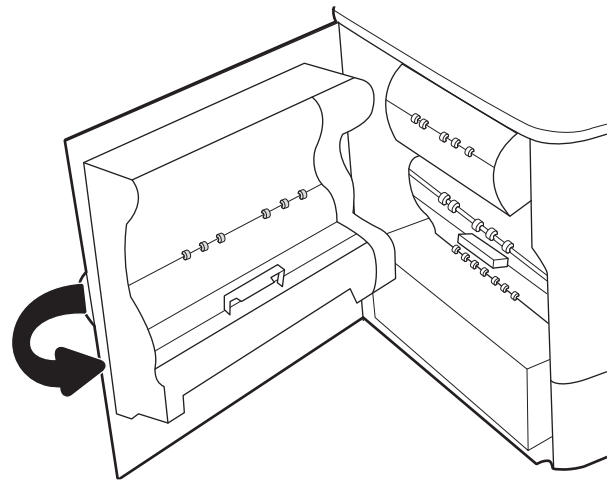
7. Lắp đầu bên trái của ngăn chứa chất lỏng bảo trì vào rãnh căn chỉnh, sau đó đóng chốt giữ ngăn chứa vào rãnh.



8. Đẩy ngăn chứa chất lỏng bảo trì vào máy in.



9. Đóng cửa bên trái.



4 In

In bằng phần mềm hoặc in từ thiết bị di động hoặc ổ USB flash.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/PageWide.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Thao tác in (Windows)


Tìm hiểu về các tác vụ in phổ biến dành cho người dùng Windows.

Cách in (Windows)

Sử dụng tùy chọn **Print** (In) từ ứng dụng phần mềm để chọn máy in và các tùy chọn cơ bản cho lệnh in của bạn.

Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.


1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.


 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy bấm nút Trợ giúp (?) trong trình điều khiển in.

3. Nhấp vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing** (Kết thúc), đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Nhấp vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print** (In). Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh.

In tự động trên hai mặt (Windows)

Nếu máy in của bạn đã lắp đặt bộ in hai mặt tự động, bạn có thể in tự động trên cả hai mặt giấy. Sử dụng khổ giấy và loại giấy được bộ in hai mặt hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides** (In trên cả hai mặt). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides (manually)** (In hai mặt (thủ công)) và nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào **Print** (In) để in mặt đầu tiên của lệnh.
6. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
7. Nếu được nhắc, chọn nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

Khi in từ ứng dụng phần mềm bằng tùy chọn **Print (In)**, bạn có thể chọn tùy chọn để in nhiều trang trên một tờ giấy. Ví dụ, bạn có thể muốn làm điều này nếu bạn in tài liệu rất lớn và muốn tiết kiệm giấy.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn số lượng trang trên một trang giấy từ danh sách thả xuống **Pages per sheet** (Nhiều trang trên một tờ).
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Chọn loại giấy (Windows)

Khi in từ ứng dụng phần mềm bằng tùy chọn **Print (In)**, bạn có thể đặt loại giấy được sử dụng cho lệnh in của mình. Ví dụ, nếu loại giấy mặc định của bạn là Letter, nhưng bạn đang sử dụng loại giấy khác cho lệnh in, hãy chọn loại giấy cụ thể đó.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Chọn loại giấy từ danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy).
5. Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
7. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
8. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

Tác vụ in bổ sung

Tìm thông tin trên web để thực hiện các tác vụ in phổ biến.

Truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Hướng dẫn có sẵn cho các tác vụ in cụ thể, ví dụ như các tác vụ sau đây:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Tác vụ in (macOS)


In bằng phần mềm in HP cho macOS, bao gồm cách in trên cả hai mặt hoặc in nhiều trang trên mỗi tờ giấy.

Cách in (macOS)

Sử dụng tùy chọn **Print (In)** từ ứng dụng phần mềm để chọn máy in và các tùy chọn cơ bản cho lệnh in của bạn.

Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản dành cho macOS.


1. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Nhấp vào nút **Print (In)**.

Tự động in trên cả hai mặt (macOS)


Nếu máy in của bạn đã lắp đặt bộ in hai mặt tự động, bạn có thể in tự động trên cả hai mặt giấy. Sử dụng khổ giấy và loại giấy được bộ in hai mặt hỗ trợ.

 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint®.

1. Nhấp vào menu **File (Tập)**, sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details (Hiển thị chi tiết)** hoặc **Copies & Pages (Bản sao & Trang)**, rồi bấm vào menu **Layout (Bố cục)**.


macOS 10.14 Mojave trở lên: Bấm **Show Details (Hiển thị chi tiết)**, bấm **Two-Sided (Hai mặt)**, sau đó bấm menu **Layout (Bố cục)**.

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided (Hai mặt)**.
5. Bấm vào nút **Print (In)**.

In thủ công trên cả hai mặt (macOS)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File (Tập)**, sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details (Hiển thị chi tiết)** hoặc **Copies & Pages (Bản sao & Trang)**, rồi bấm vào menu **Manual Duplex (In hai mặt thủ công)**.


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex (Hai mặt thủ công)** và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Bấm vào nút **Print (In)**.
6. Mở máy in và lấy hết giấy trắng trong Khay 1 ra.
7. Lấy chồng giấy đã in từ ngăn giấy đầu ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một tờ giấy (macOS)

Khi in từ ứng dụng phần mềm bằng tùy chọn **Print (In)**, bạn có thể chọn tùy chọn để in nhiều trang trên một tờ giấy. Ví dụ, bạn có thể muốn làm điều này nếu bạn in tài liệu rất lớn và muốn tiết kiệm giấy.

1. Nhấp vào menu **File (Tập tin)**, sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details (Hiển thị chi tiết)** hoặc **Copies & Pages (Bản sao & Trang)**, rồi bấm vào menu **Layout (Bố cục)**.


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Từ danh sách **Pages per Sheet (Nhiều trang trên một tờ)** thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction (Hướng bố cục)**, chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders (Đường viền)**, chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **Print (In)**.


Chọn loại giấy (macOS)

Khi in từ ứng dụng phần mềm bằng tùy chọn **Print (In)**, bạn có thể đặt loại giấy được sử dụng cho lệnh in của mình. Ví dụ: nếu loại giấy mặc định của bạn là Letter, nhưng bạn đang sử dụng loại giấy khác cho lệnh in, hãy chọn loại giấy cụ thể đó.

1. Nhấp vào menu **File (Tập)**, sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in.
3. Nhấp **Show Details (Hiển thị chi tiết)** hoặc **Copies & Pages (Bản sao & Trang)**, rồi nhấp vào menu **Media & Quality (Phương tiện & Chất lượng)** hoặc menu **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality (Phương tiện & Chất lượng)** hoặc **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.

 **GHI CHÚ:** Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type (Loại phương tiện):** Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
 - **Print Quality (Chất lượng in) hoặc Quality (Chất lượng):** Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
 - **Edge-To-Edge Printing (In cạnh đối cạnh):** Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.
5. Bấm vào nút **Print (In)**.

Tác vụ in bổ sung

Tìm thông tin trên web để thực hiện các tác vụ in phổ biến.

Truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Hướng dẫn có sẵn cho các tác vụ in cụ thể, ví dụ như các tác vụ sau đây:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng

Lưu các lệnh in vào bộ nhớ máy in để in sau.


Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu vào ổ USB flash. Các lệnh này có thể được in sau đó hoặc in riêng.

Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

Lưu trữ lệnh in trên ổ USB flash để in riêng hoặc in trì hoãn.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties** (Thuộc tính) hoặc **Preferences** (Tùy chọn).

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).
4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ lưu trữ lệnh in):
 - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
 - **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
 - **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.
 - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN được yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu bạn mã hóa lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.

- Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng tên lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
 - **Replace Existing File** (Thay thế tập tin hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
- Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **Print (In)** để in lệnh in.


Tạo lệnh in đã lưu (macOS)

Lưu trữ lệnh in trên ổ USB flash để in riêng hoặc in trì hoãn.

- Nhấp vào menu **File (Tập)**, sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
- Trong menu **Printer (Máy in)**, hãy chọn máy in.
- Nhấp **Show Details (Hiển thị chi tiết)** hoặc **Copies & Pages (Bản sao & Trang)**, rồi nhấp vào menu **Job Storage (Lưu trữ lệnh in)**.

 **GHI CHÚ:** Nếu menu **Job Storage (Lưu trữ lệnh in)** không xuất hiện, hãy làm theo các hướng dẫn trong phần "Bật hoặc tắt tính năng lưu trữ lệnh in" để kích hoạt menu.

- Trong danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ), hãy chọn loại lệnh in đã lưu.
 - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn. Bản sao đầu tiên sẽ được in ngay lập tức. Thao tác in các bản sao tiếp theo phải được khởi chạy từ bảng điều khiển phía trước của thiết bị. Ví dụ: nếu 10 bản sao được gửi thì 1 bản sao sẽ được in ngay lập tức, còn 9 bản sao khác sẽ được in khi bạn phục hồi lại lệnh. Lệnh sẽ bị xóa sau khi máy in hết tất cả các bản sao.
 - **Personal Job (Lệnh in cá nhân)**: Lệnh in không in cho đến khi có ai đó yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), hãy cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in ra.
 - **Quick Copy (Sao chép nhanh)**: In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để có thể in lại sau. Lệnh in sẽ bị xóa theo cách thủ công hoặc theo thời hạn giữ lại lệnh in.
 - **Stored Job (Lệnh in đã lưu)**: Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), người in lệnh phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa theo cách thủ công hoặc theo thời hạn giữ lại lệnh in.
- Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.


 **GHI CHÚ:** macOS 10.14 Mojave trở lên: Trình điều khiển in không còn bao gồm nút **Custom** (Tùy chỉnh). Sử dụng các tùy chọn dưới danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ) để thiết lập lệnh in đã được lưu.

Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một lệnh in đã lưu khác có tên đó.

- **Use Job Name + (1-99) (Sử dụng tên lệnh in + (1-99)):** Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
 - **Replace Existing File (Thay thế tập tin hiện có):** Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
6. Nếu đã chọn tùy chọn **Stored Job (Lệnh in đã lưu)** hoặc tùy chọn **Personal Job (Lệnh in cá nhân)** trong danh sách thả xuống **Mode (Chế độ)**, bạn có thể bảo vệ lệnh in này bằng mã PIN. Nhập số gồm 4 chữ số vào trường **Use PIN to Print (Sử dụng mã PIN để in)**. Khi người khác tìm cách in lệnh in này, máy in sẽ nhắc người đó nhập mã PIN này.
 7. Bấm vào nút **Print (In)** để in.

In lệnh in đã lưu

Sử dụng quy trình sau để in lệnh in đã lưu trong bộ nhớ máy in.


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Print from Job Storage (In từ Lưu trữ lệnh in)**.
2. Chọn tên thư mục lưu trữ lệnh hoặc chọn **Choose (Lựa chọn)** để xem danh sách thư mục.
3. Chọn tên lệnh. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc chọn **OK** để mở bàn phím nhập mật khẩu.
4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, hãy chọn trường ghi số lượng bản sao. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
5. Chọn nút Start (Bắt đầu)  hoặc **Print (In)** để in lệnh.

Xóa lệnh in đã lưu

Bạn có thể xóa tài liệu đã được lưu đến máy in khi không cần chúng nữa. Bạn cũng có thể điều chỉnh số lượng lệnh tối đa cho máy in để lưu trữ.

Xóa một lệnh được lưu trên máy in

Sử dụng bảng điều khiển để xóa lệnh đã lưu trong bộ nhớ máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn biểu tượng [Print from Job Storage \(In từ Lưu trữ lệnh in\)](#).
2. Chọn tên thư mục lưu trữ lệnh hoặc chọn [Choose \(Lựa chọn\)](#) để xem danh sách thư mục.
3. Chọn tên lệnh. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc chọn [OK](#) để mở bàn phím nhập mật khẩu.
4. Chọn nút Thùng rác  để xóa lệnh.

Thay đổi giới hạn lưu trữ lệnh

Khi một lệnh mới được lưu đến bộ nhớ máy in, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh nào trước đó có cùng tên lệnh và người dùng. Nếu lệnh không được lưu với cùng tên lệnh và người dùng, và máy in cần có thêm bộ nhớ, máy in có thể sẽ xóa các lệnh đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh cũ nhất.

Để thay đổi số lượng lệnh mà máy in có thể lưu trữ, hãy hoàn tất quy trình sau:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings \(Cài đặt\)](#) và chọn biểu tượng [Settings \(Cài đặt\)](#).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. [Copy/Print \(Sao chép/In\)](#) hoặc [Print \(In\)](#)
 - b. [Manage Stored Jobs \(Quản lý lệnh in đã lưu\)](#)
 - c. [Temporary Job Storage Limit \(Giới hạn lưu trữ lệnh in tạm thời\)](#)
3. Sử dụng bàn phím để nhập số lượng lệnh mà máy in lưu trữ.
4. Chọn [OK](#) hoặc [Done \(Xong\)](#) để lưu cài đặt.

Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in

Lệnh in được gửi từ trình điều khiển trên máy khách (ví dụ như máy tính cá nhân) có thể gửi thông tin cho phép nhận dạng cá nhân đến Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP. Thông tin này có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong phạm vi tên người dùng và tên máy khách khởi phát lệnh mà có thể được sử dụng cho mục đích kế toán lệnh in, do Quản trị viên của thiết bị in xác định. Thông tin này cũng có thể được lưu trữ cùng với lệnh trên thiết bị lưu trữ lớn (ví dụ như ổ đĩa) của thiết bị in khi sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in.

In di động

Các giải pháp di động và ePrint để cho phép in dễ dàng tới máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác.

Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động để cho phép in dễ dàng tới máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác.

Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

In Wi-Fi, Wi-Fi Direct Print, NFC và BLE

HP cung cấp tính năng in Wi-Fi Direct Print, Giao tiếp cận trường (NFC) và Bluetooth Low Energy (BLE) cho các máy in có Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless được hỗ trợ. Đây là phụ kiện tùy chọn.

Những tính năng này cho phép các thiết bị có chức năng Wi-Fi (di động) thực hiện một kết nối mạng không dây trực tiếp với máy in mà không dùng bộ định tuyến không dây.

Đối với chức năng in walk-up di động này, máy in không cần phải được kết nối với mạng để hoạt động.

Sử dụng Wi-Fi Direct Print để in không dây từ các thiết bị sau:

- iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng AirPrint của Apple
- Các thiết bị di động Android sử dụng giải pháp in nhúng của Android

Để biết thêm thông tin về in không dây, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng NFC, BLE và Wi-Fi Direct Print từ bảng điều khiển của máy in.




Kích hoạt chức năng in không dây

Để in không dây từ thiết bị di động, phải bật Wi-Fi Direct.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu **Settings** (Cài đặt).
2. Chọn các menu sau đây:
 - a. **Networking (Hoạt động mạng)**
 - b. **Wi-Fi Direct**
 - c. **Tình trạng**
3. Chọn **On** (Bật) và chọn **OK** để kích hoạt chức năng in không dây.

Thay đổi tên Wi-Fi Direct

Thay đổi tên Wi-Fi Direct của máy in bằng cách dùng Máy chủ web nhúng HP (EWS).

 **GHI CHÚ:** Trong môi trường có nhiều hơn một kiểu của cùng một máy in được lắp đặt, việc cung cấp cho mỗi máy in một Tên Wi-Fi Direct riêng biệt có thể giúp chức năng in HP Wi-Fi Direct nhận diện máy in dễ dàng hơn. Có sẵn các tên Mạng không dây, ví dụ như Không dây, Wi-Fi Direct, v.v. trên màn hình Information (Thông tin) bằng cách chọn biểu tượng Thông tin , sau đó chọn biểu tượng Wi-Fi Direct .

Hoàn tất quy trình sau đây để thay đổi tên Wi-Fi Direct của máy in:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:

- a. [Networking \(Hoạt động mạng\)](#)
 - b. [Wi-Fi Direct](#)
 - c. [Wi-Fi Direct Name \(Tên Wi-Fi Direct\)](#)
3. Sử dụng bàn phím để thay đổi tên trong trường văn bản [Wi-Fi Direct Name \(Tên Wi-Fi Direct\)](#) và chọn **OK**.

HP ePrint qua email



Sử dụng HP ePrint qua email để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.


Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.


Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ web của HP) và máy in phải được đăng ký với HP Smart.

Thực hiện theo các bước sau đây để bật Dịch vụ Web HP và đăng ký với HP Smart:

1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp vào tab **HP Web Services (Dịch vụ web HP)**.
3. Chọn tùy chọn để bật Dịch vụ web.

 **GHI CHÚ:** Việc bật các Dịch vụ Web có thể mất vài phút.

4. Hãy truy cập www.hpconnected.com để tạo tài khoản và hoàn thành quá trình thiết lập.


AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS và từ các máy tính Mac chạy macOS 10.7 Lion trở lên.

Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên) hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở lên) trong các ứng dụng di động sau đây:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba


Để dùng AirPrint, máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các máy in HP nào tương thích với AirPrint, hãy truy cập www.hp.com/go/MobilePrinting.

 **GHI CHÚ:** Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in Wi-Fi Direct.

Giải pháp in được tích hợp vào nhiều phiên bản của hệ điều hành.

 **GHI CHÚ:** Nếu chức năng in hiện không khả dụng trên thiết bị của bạn, hãy đến [Google Play > Android apps](#) (Google Play > Ứng dụng Android) và cài đặt HP Print Service Plugin.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập www.hp.com/go/MobilePrinting.

In từ ổ USB flash

Máy in này có tính năng in easy-access USB để in các tệp mà không cần dùng đến máy tính.

Máy in chấp nhận các ổ USB flash chuẩn trong cổng USB gần bảng điều khiển. Sản phẩm hỗ trợ những loại tệp sau đây:

- .pdf
- .prn
- .pcl
- .ps
- .cht

Bật cổng USB để in

Cổng USB bị tắt theo mặc định. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy bật cổng USB.

Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng:



Phương pháp một: Bật cổng USB từ bảng điều khiển máy in

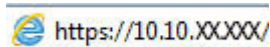
Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật cổng USB để in.


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings (Cài đặt)** và chọn biểu tượng **Settings (Cài đặt)**.
2. Mở các menu sau đây:
 - a. **Copy/Print (Sao chép/In)** hoặc **Print (In)**
 - b. **Enable Device USB (Bật thiết bị USB)**
3. Chọn **Enable Print from USB Drive (Bật in từ ổ đĩa USB)**.

Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)

Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật cổng USB để in.

1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.


 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Chọn tab **Copy/Print (Sao chép/In)** cho kiểu máy MFP hoặc tab **Print (In)** cho kiểu máy SFP.
3. Trong menu bên trái, chọn **Print from USB Drive Settings (Cài đặt in từ ổ đĩa USB)**.
4. Chọn **Enable Print from USB Drive (Bật in từ ổ đĩa USB)**.
5. Bấm **Apply (Áp dụng)**.


In tài liệu USB (bảng điều khiển bàn phím)

1. Lắp ổ USB flash vào cổng easy-access USB.

 **GHI CHÚ:** Cổng có thể đã được đậy lại. Đối với một số máy in, nắp lật mở. Đối với các máy in khác, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.

2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **USB Drive** (Ổ đĩa USB).
3. Chọn **Choose** (Lựa chọn), chọn tên của tài liệu cần in rồi chọn **Select** (Chọn).

 **GHI CHÚ:** Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, hãy chọn trường cho số lượng bản sao. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
5. Chọn Start  (Bắt đầu) để in tài liệu.

In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao (có dây)

Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao để in bằng USB có dây. Cổng này nằm ở khu vực cổng giao diện và bị tắt theo mặc định.

Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng USB 2.0 tốc độ cao. Sau khi bật cổng, hãy cài đặt phần mềm sản phẩm để in bằng cổng này.



Phương pháp một: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ các menu trên bảng điều khiển máy in

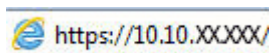
Sử dụng bảng điều khiển để bật cổng.


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. **General** (Chung)
 - b. **Enable Device USB** (Bật thiết bị USB)
3. Chọn tùy chọn **Enabled** (Bật).

Phương pháp hai: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)

Sử dụng HP EWS để bật cổng.

1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:
 - a. Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Chọn tab **Security** (Bảo mật).
3. Ở bên trái màn hình, chọn **General Security** (Bảo mật chung).
4. Cuộn xuống đến **Hardware Ports** (Cổng phần cứng) và chọn hộp kiểm để bật cả hai mục:
 - **Enable Device USB** (Bật thiết bị USB)
 - **Enable Host USB plug and play** (Bật cắm và chạy USB chủ)
5. Bấm **Apply** (Áp dụng).

5 Quản lý máy in

Sử dụng các công cụ quản lý, lập cấu hình các cài đặt bảo mật và bảo tồn năng lượng, cũng như quản lý các bản cập nhật chương trình cơ sở cho máy in.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/PageWide.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để quản lý các chức năng in nâng cao.


Giới thiệu

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.

- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới
- Xem và thay đổi các cấu hình khay
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng



Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.

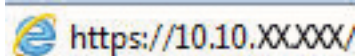
Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.


 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.

Cách truy cập Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

Sử dụng các bước sau đây để mở EWS.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chạm vào biểu tượng Information (Thông tin)  và chạm vào biểu tượng Ethernet  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím `Enter` trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 `https://10.10.XX.XXX/`

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

Để sử dụng Máy chủ web nhúng của HP, trình duyệt phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Windows® 7

- Internet Explorer (phiên bản 8.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

Windows® 8 trở lên

- Internet Explorer (phiên bản 9.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

macOS

- Safari (phiên bản 5.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)

Linux

- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP

Tìm hiểu về các tính năng của Máy chủ web nhúng (EWS) của HP có sẵn trên từng tab.

Hình 5-1 Tab trên EWS

The screenshot shows the HP EWS interface. At the top, there's a search bar and user information (User: Administrator, Sign Out). Below is a navigation bar with tabs: Information, General, Copy/Print, Scan/Digital Send, Fax, Supplies, Troubleshooting, Security, HP Web Services, and Networking. The 'Information' tab is selected. The main content area is titled 'Device Status' and includes a sidebar with links like Job Log, Configuration Page, Supplies Status Page, etc. The main content shows 'Sleep mode on', 'Supplies' (Yellow Cartridge 80%, Magenta Cartridge 80%, Cyan Cartridge 80%, Black Cartridge 70%), and 'Media' (Tray 1-4).



GHI CHÚ: Các tab **Copy/Print (Sao chép/In)**, **Scan/Digital Send (Quét/Gửi kỹ thuật số)** và **Fax** chỉ hiển thị với máy in đa năng (MFP). Tab **Print (In)** sẽ hiển thị với máy in đơn năng (SFP).

Tab Information (Thông tin)

Hãy tham khảo bảng cài đặt trong tab **Information (Thông tin)**.

Bảng 5-1 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Device Status (Trạng thái thiết bị)	Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, hãy nhấp vào liên kết Change Settings (Thay đổi cài đặt) .
Job Log (Nhật ký lệnh in)	Cung cấp danh sách các lệnh in đã được xử lý.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.
Supplies Status Page (Trang tình trạng mực in)	Hiển thị trạng thái của nguồn cung cấp cho máy in.
Event Log Page (Trang nhật ký sự kiện)	Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in. Sử dụng liên kết HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP) (trong vùng Other Links (Liên kết khác) trên tất cả các trang của Máy chủ web nhúng của HP) để kết nối với tập hợp các trang web động giúp giải quyết sự cố. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho máy in.
Usage Page (Số lượng trang đã dùng)	Hiển thị tóm tắt số trang máy in đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ và kiểu máy in. Để tùy chỉnh các mục nhập này, hãy nhấp vào menu Device Information (Thông tin thiết bị) trên tab General (Chung) .

Bảng 5-1 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ web nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Control Panel (Ảnh chụp nhanh bảng điều khiển)	Hiển thị hình ảnh của màn hình hiện tại trên màn hình của bảng điều khiển.
Remote Control-Panel (Bảng điều khiển từ xa)	Cung cấp cách xử lý sự cố hoặc quản lý máy in từ cửa sổ trình duyệt trên máy tính để bàn hoặc máy xách tay.
Print (In)	Cho phép người dùng gửi tệp sẵn sàng in đến máy in.
Printable Reports and Pages (Các trang và báo cáo có thể in)	Liệt kê các báo cáo và trang nội bộ cho máy in. Chọn một hoặc nhiều mục để in.
Open Source Licenses (Giấy phép nguồn mở)	Hiển thị một bản tóm tắt các giấy phép dành cho các chương trình phần mềm nguồn mở có thể sử dụng được với máy in.

Tab General (Chung)

Hãy tham khảo bảng cài đặt trong tab **General (Chung)**.

Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Control Panel Customization (Tùy chỉnh bảng điều khiển)	Sắp xếp lại, hiển thị hoặc ẩn các tính năng trên màn hình bảng điều khiển. Thay đổi ngôn ngữ hiển thị mặc định và các bố cục bàn phím.
Quick Sets (Thiết lập nhanh)	Lập cấu hình những lệnh in có sẵn trong vùng Quick Sets (Thiết lập nhanh) của Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in.
Alerts (Cảnh báo)	Thiết lập cảnh báo qua email cho các sự kiện của máy in và các nguồn cung cấp khác nhau.
Control Panel Settings App (Ứng dụng cài đặt bảng điều khiển)	Hiển thị các tùy chọn ứng dụng Cài đặt hiện có trên bảng điều khiển máy in.
General Settings (Cài đặt chung)	Cấu hình cách máy in hoạt động lại sau khi kẹt giấy và các cài đặt máy in chung.
AutoSend (Tự động gửi)	Lập cấu hình máy in để gửi các email tự động về cấu hình máy in và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ email cụ thể.
Edit Other Links (Sửa đổi các liên kết khác)	Thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang web khác. Liên kết này hiển thị ở vùng chân trang trên tất cả các trang Máy chủ web nhúng của HP.
Ordering Information (Thông tin đặt mua hàng)	Nhập thông tin về đặt hàng hộp mực in thay thế. Thông tin này sẽ hiển thị trên trang trạng thái nguồn cung cấp.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Đặt tên máy in và gán một mã số tài sản cho máy in này. Nhập tên của người liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về máy in.
Language (Ngôn ngữ)	Đặt ngôn ngữ sẽ hiển thị thông tin về Máy chủ web nhúng của HP.
Firmware Upgrade (Nâng cấp chương trình cơ sở)	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
Date/Time Settings (Cài đặt ngày/giờ)	Đặt ngày giờ hoặc đồng bộ hóa với máy chủ thời gian mạng.
Energy Settings (Cài đặt năng lượng)	Đặt hoặc chỉnh sửa thời gian hoạt động, thời gian nghỉ và trì hoãn nghỉ cho máy in. Đặt lịch trình khác nhau cho từng ngày trong tuần và cho các ngày nghỉ. Đặt những tương tác nào với máy in sẽ khiến cho máy in trở lại hoạt động từ chế độ nghỉ.

Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ web nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Back up and Restore (Sao lưu và khôi phục)	Tạo tệp sao lưu chứa dữ liệu về máy in và người dùng. Nếu cần, hãy sử dụng tệp này để khôi phục dữ liệu cho máy in.
Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
Solution Installer (Trình cài đặt giải pháp)	Cài đặt hoặc xóa các gói phần mềm của bên thứ ba giúp mở rộng hoặc thay đổi chức năng của máy in.
Job Statistics Settings (Cài đặt thống kê lệnh in)	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba hoặc bật kế toán lệnh in cả thiết bị không cần máy chủ cục bộ.
Quota Settings (Cài đặt hạn mức)	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba hoặc bật dịch vụ hạn mức thiết bị cục bộ.

Danh sách Other Links (Liên kết khác)

Lập cấu hình những liên kết nào sẽ hiển thị ở chân trang của Máy chủ web nhúng HP bằng cách sử dụng menu **Edit Other Links (Chỉnh sửa liên kết khác)** trên tab **General (Chung)**.

 **GHI CHÚ:** Các mục sau là liên kết mặc định.

Bảng 5-3 Danh sách Other Links (Liên kết khác) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP)	Kết nối với trang web của HP để tìm các giải pháp cho các vấn đề của máy in.
Shop for Supplies (Mua vật tư)	Kết nối với trang web HP để biết thông tin về cách mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như hộp mực và giấy.
Product Support (Hỗ trợ sản phẩm)	Kết nối với trang web hỗ trợ dành cho máy in để tìm kiếm trợ giúp về các chủ đề khác nhau.

Tab Print (In)

Hãy tham khảo bảng cài đặt trong tab **Print (In)**.

Bảng 5-4 Tab Print (In) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Print from USB Drive Settings (Cài đặt in từ ổ đĩa USB)	Bật hoặc tắt menu Print from USB Drive (In từ ổ đĩa USB) trên bảng điều khiển.
Manage Stored Jobs (Quản lý lệnh in đã lưu)	Bật hoặc tắt khả năng lưu trữ lệnh in trong bộ nhớ máy in. Lập cấu hình tùy chọn lưu trữ lệnh in.
Default Print Options (Tùy chọn in mặc định)	Lập cấu hình các tùy chọn mặc định cho lệnh in.
Restrict Color (Giới hạn màu) (Chỉ các máy in màu)	Cho phép hoặc giới hạn in màu. Xác định quyền cho những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể.

Bảng 5-4 Tab Print (In) của Máy chủ web nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
PCL and PostScript Settings (Cài đặt PCL và PostScript)	Điều chỉnh các cài đặt PCL và PostScript cho tất cả các lệnh in.
Print Quality (Chất lượng in)	Lập cấu hình các cài đặt chất lượng in, bao gồm điều chỉnh màu, đăng ký hình ảnh và các loại giấy được cho phép.
Manage Trays (Quản lý khay)	Lập cấu hình cài đặt cho các khay giấy.

Tab Supplies (Mực in)

Hãy tham khảo bảng cài đặt trong tab **Supplies (Mực in)**.

Bảng 5-5 Tab Supplies (Mực in) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Manage Supplies (Quản lý mực in)	Lập cấu hình cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết.

Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)

Hãy tham khảo bảng cài đặt trong tab **Troubleshooting (Xử lý sự cố)**.

Bảng 5-6 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
General Troubleshooting (Xử lý sự cố chung)	Sử dụng các tùy chọn sau đây nếu phù hợp: <ul style="list-style-type: none">Khu vực Reports and Tests (Báo cáo và kiểm tra): Chọn và in một số loại báo cáo và kiểm tra. Có thể xem một số báo cáo trong EWS bằng cách bấm vào nút View (Xem).Khu vực Fax Tools (Công cụ fax): Cấu hình cài đặt xử lý sự cố fax. (Chỉ dành cho các phẩm MFP và Digital Sender với phụ kiện fax analog của HP)Khu vực OXPD Troubleshooting (Xử lý sự cố OXPd): Bật hoặc tắt tùy chọn Allow a Non-Secure Connection for Web Services (Cho phép dịch vụ web kết nối không bảo mật)Khu vực Auto Recovery (Khôi phục tự động): Bật hoặc tắt tùy chọn Enable Auto Recovery (Bật Khôi phục tự động), cho phép máy in tự động khôi phục sau khi gặp lỗi có thể phải tắt và bật nguồn (ví dụ: lỗi 49).
Online Help (Trợ giúp trực tuyến)	Liên kết đến trợ giúp trực tuyến nền tảng HP để hỗ trợ khắc phục các sự cố in.
Diagnostic Data (Dữ liệu chẩn đoán)	Xuất thông tin máy in thành tệp để bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của HP có thể phân tích vấn đề chi tiết. GHI CHÚ: Mục này chỉ khả dụng nếu một mật khẩu người quản trị được đặt từ tab Security (Bảo mật) .
Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Làm sạch)	Bật tính năng tự động lau dọn, tạo và in trang lau dọn và chọn một tùy chọn để cân chỉnh máy in ngay lập tức. (Chỉ dành cho máy in màu LaserJet)

Bảng 5-6 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ web nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
Firmware Upgrade (Nâng cấp chương trình cơ sở)	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.

Tab Security (Bảo mật)

Hãy tham khảo bảng cài đặt trong tab **Security (Bảo mật)**.

Bảng 5-7 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
General Security (Bảo mật chung)	Cài đặt cho bảo mật chung, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Lập cấu hình mật khẩu quản trị viên để hạn chế quyền truy cập vào một số tính năng nhất định trên máy in. Đặt Mã truy cập dịch vụ thiết bị tùy chỉnh. Đặt mật khẩu PJI để xử lý các lệnh PJI. Đặt bảo mật truy cập hệ thống tệp và nâng cấp chương trình cơ sở. Bật hoặc tắt cổng USB chủ trên bảng điều khiển hoặc cổng kết nối USB trên bộ định dạng để in trực tiếp từ máy tính. Xem trạng thái của tất cả cài đặt bảo mật.
Account Policy (Chính sách tài khoản)	Bật các cài đặt tài khoản quản trị viên.
Access Control (Kiểm soát truy cập)	Lập cấu hình truy cập vào các chức năng của máy in cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể và chọn phương pháp các cá nhân sử dụng để đăng nhập vào máy in.
Protect Stored Data (Bảo vệ dữ liệu đã lưu)	Lập cấu hình và quản lý bộ nhớ trong cho máy in. Lập cấu hình các cài đặt lệnh in được lưu trữ trong bộ nhớ trong của máy in.
Manage Remote Apps (Quản lý ứng dụng từ xa)	Quản lý hoặc cho phép các ứng dụng từ xa bằng cách nhập hoặc xóa chứng chỉ để cho phép thiết bị sử dụng sản phẩm này.
Certificate Management (Quản lý chứng nhận)	Cài đặt và quản lý các chứng nhận bảo mật đối với quyền truy cập vào máy in và mạng.
Email Domain Restriction (Giới hạn tên miền email)	Nếu chức năng email được bật, quản trị viên có thể giới hạn các địa chỉ email mà máy in có thể gửi thông báo đến đó.
Web Service Security (Bảo mật dịch vụ web)	Cho phép các tài nguyên trên máy in này được truy cập bởi các trang web từ các tên miền khác nhau. Nếu không có trang web nào được thêm vào danh sách, khi đó tất cả mọi trang web đều được tin cậy.
Self Test (Tự kiểm tra)	Kiểm tra và đảm bảo rằng các chức năng bảo mật đang hoạt động theo các thông số hệ thống dự kiến.

Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP)

Sử dụng tab **HP Web Services (Dịch vụ web HP)** để lập cấu hình và bật Dịch vụ web HP cho máy in này. Cần phải bật Dịch vụ web HP để sử dụng tính năng HP ePrint.

Bảng 5-8 Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP) trên Máy chủ web nhúng HP

Menu	Mô tả
Web Services Setup (Cài đặt dịch vụ web)	Kết nối máy in này với HP Connected trên web bằng cách bật HP Web Services (Dịch vụ web HP).
Web Proxy	Lập cấu hình máy chủ proxy nếu có vấn đề với việc bật Dịch vụ Web HP hoặc kết nối máy in với Internet.
HP JetAdvantage	Truy cập các giải pháp mở rộng khả năng của máy in
Smart Cloud Print	Bật Smart Cloud Print để cho phép truy cập vào các ứng dụng dựa trên web nhằm mở rộng khả năng của máy in.

Tab Networking (Hoạt động mạng)

Sử dụng tab **Networking (Hoạt động mạng)** để lập cấu hình và bảo mật cài đặt mạng cho máy in khi được kết nối với mạng dựa trên IP. Tab này không hiển thị nếu máy in được kết nối với các loại mạng khác.

Bảng 5-9 Tab Networking (Hoạt động mạng) của Máy chủ web nhúng của HP > các cài đặt Configuration (Cấu hình)

Menu	Mô tả
Wireless Station (Trạm không dây)	Cấu hình các cài đặt không dây ban đầu. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
Wi-Fi Direct	Lập cấu hình các cài đặt Wi-Fi Direct dành cho máy in có bao gồm in Wi-Fi Direct Print và NFC nhúng hoặc có lắp đặt một phụ kiện không dây. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
TCP/IP Settings (Cài đặt TCP/IP)	Lập cấu hình cài đặt TCP/IP cho các mạng IPv4 và IPv6. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Lập cấu hình cài đặt IPX/SPX, AppleTalk, DLC/LLC và SNMP, tùy thuộc vào kiểu máy chủ in.
Other Settings (Cài đặt khác)	Lập cấu hình giao thức in chung và các dịch vụ được hỗ trợ bởi máy chủ in. Tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in, nhưng có thể bao gồm cập nhật chương trình cơ sở, hàng đợi LPD, cài đặt USB, thông tin hỗ trợ và tốc độ làm mới.
AirPrint	Bật, cài đặt hoặc tắt in qua mạng từ các máy in được hỗ trợ của Apple.
Select Language (Chọn ngôn ngữ)	Thay đổi ngôn ngữ được hiển thị bởi Máy chủ web nhúng của HP. Trang này hiển thị nếu các trang web hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Tùy chọn, chọn những ngôn ngữ được hỗ trợ thông qua cài đặt tùy chọn ngôn ngữ trong trình duyệt.
Select Location (Chọn vị trí)	Chọn quốc gia/vùng dành cho máy in.

Bảng 5-10 Tab Networking (Hoạt động mạng) của Máy chủ web nhúng của HP > các cài đặt Google Cloud Print

Menu	Mô tả
Setup (Cài đặt)	Thiết lập tùy chọn Google Cloud Print.
Web Proxy	Cấu hình các cài đặt proxy.

Bảng 5-11 Tab Networking (Hoạt động mạng) của Máy chủ web nhúng của HP > các cài đặt Security (Bảo mật)

Menu	Mô tả
Settings (Cài đặt)	Xem và khôi phục cài đặt bảo mật hiện tại về các giá trị mặc định ban đầu. Lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình bảo mật. GHI CHÚ: Không sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật để lập cấu hình cài đặt bảo mật nếu sử dụng các ứng dụng quản lý mạng, chẳng hạn như HP Web Jetadmin.
Authorization (Ủy quyền)	Kiểm soát việc quản lý cấu hình và sử dụng máy in này, bao gồm hạn chế truy cập máy chủ vào máy in này thông qua một Danh sách Kiểm soát Truy cập (ACL) (với các máy chủ in được chọn chỉ trên mạng IPv4).
Secure Communication (Liên lạc bảo mật)	Cấu hình giao thức Bảo mật tầng giao vận (TLS) và các tùy chọn mã hóa.
Mgmt. Protocols (Quản lý giao thức)	Lập cấu hình và quản lý các giao thức bảo mật cho máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Đặt mức quản lý bảo mật cho Máy chủ Web Nhúng của HP và kiểm soát lưu lượng qua HTTP và HTTPS. • Lập cấu hình hoạt động SNMP (Giao thức quản lý mạng đơn giản). Bật hoặc tắt các tác nhân SNMP v1/v2c hoặc SNMP v3 trên máy chủ in. • Kiểm soát truy cập thông qua các giao thức có thể không được bảo mật, chẳng hạn như giao thức in, dịch vụ in, giao thức phát hiện, dịch vụ phân giải tên và các giao thức quản lý cấu hình.
802.1X Authentication (Xác thực 802.1X)	Lập cấu hình cài đặt xác thực 802.1X trên máy chủ in Jetdirect theo yêu cầu để xác thực ứng dụng khách trên mạng và đặt lại cài đặt xác thực 802.1X về các giá trị mặc định ban đầu. THẬN TRỌNG: Khi thay đổi cài đặt xác thực 802.1X; máy in có thể bị ngắt kết nối. Để kết nối lại, có thể cần đặt lại máy chủ in về trạng thái mặc định ban đầu và cài đặt lại máy in.
IPsec/Firewall (IPsec/Tường lửa)	Xem hoặc lập cấu hình chính sách Tường lửa hoặc chính sách IPsec/Tường lửa.
Announcement Agent (Tác nhân thông báo)	Bật hoặc tắt Tác nhân thông báo thiết bị HP, đặt máy chủ cấu hình và lập cấu hình xác thực lẫn nhau sử dụng chứng chỉ.

Bảng 5-12 Tab Networking (Hoạt động mạng) của Máy chủ web nhúng của HP > các cài đặt Diagnostics (Chẩn đoán)

Menu	Mô tả
Network Statistics (Thống kê mạng)	Hiển thị thống kê mạng được thu thập và lưu trữ trên máy chủ in HP Jetdirect.
Protocol Info (Thông tin giao thức)	Xem danh sách cài đặt cấu hình mạng trên máy chủ in HP Jetdirect cho mỗi giao thức.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Xem trang cấu hình HP Jetdirect, trong đó có tình trạng và thông tin cấu hình.

Lập cấu hình cài đặt mạng IP

Sử dụng EWS để lập cấu hình các cài đặt mạng của máy in.



Từ chối dùng chung máy in

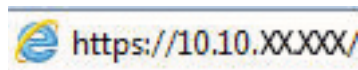
Xem xét tuyên bố miễn trừ trách nhiệm dưới đây.


HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Hãy vào trang web của Microsoft www.microsoft.com.

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:
 - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng Thông tin , sau đó chạm vào biểu tượng Ethernet  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.





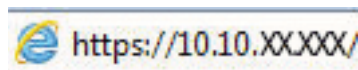
 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.


2. Nhấp tab **Networking (Hoạt động mạng)** để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

Đổi tên máy in trên mạng

Để đổi tên máy in trên mạng để có thể xác định duy nhất máy in, hãy sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.


1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:
 - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng Thông tin , sau đó chạm vào biểu tượng Ethernet  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Mở tab **General (Chung)**.

3. Trên trang Device Information (Thông tin thiết bị), tên máy in mặc định nằm trong trường **Device Name (Tên thiết bị)**. Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất máy in này.

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

4. Nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)** để lưu các thay đổi.

Lập cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới và cổng mặc định theo cách thủ công.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. **Networking (Hoạt động mạng)**
 - b. **Ethernet**
 - c. **TCP/IP**
 - d. **Cài đặt IPV 4**
 - e. **Config Method (Phương pháp cấu hình)**
3. Chọn tùy chọn **Manual** (Thủ công), sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).
4. Mở menu **Manual Settings** (Cài đặt thủ công).
5. Chạm vào tùy chọn **IP Address** (Địa chỉ IP), **Subnet Mask** (Mặt nạ mạng con), hoặc **Default Gateway** (Cổng mặc định).
6. Chạm vào trường đầu tiên để mở bàn phím số. Nhập các chữ số chính xác cho trường này, sau đó chạm vào nút **OK**.

Lặp lại quá trình này cho mỗi trường, sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).

Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6 theo cách thủ công.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Để cho phép cấu hình thủ công, hãy mở các menu sau:
 - a. **Networking (Hoạt động mạng)**
 - b. **Ethernet**
 - c. **TCP/IP**
 - d. **IPV6 Settings (Cài đặt IPV6)**
3. Chọn **Enable** (Kích hoạt) và chọn **On** (Bật).


4. Chọn tùy chọn [Enable Manual Settings](#) (Bật cài đặt thủ công), sau đó chạm vào nút [Done](#) (Xong).
5. Để lập cấu hình địa chỉ, hãy mở menu [Address](#) (Địa chỉ), sau đó chạm vào trường này để mở bàn phím số.
6. Sử dụng bàn phím số để nhập địa chỉ, sau đó chạm vào nút [OK](#).
7. Chạm vào [Save](#) (Lưu).


Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

Sử dụng các bước sau đây để thay đổi các cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết.

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để máy in ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn máy in không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của máy in.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của máy in phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, máy in sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi máy in chạy không (nhàn rỗi).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings \(Cài đặt\)](#) và chọn biểu tượng [Settings \(Cài đặt\)](#).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. [Networking \(Hoạt động mạng\)](#)
 - b. [Ethernet](#)
 - c. [Link Speed \(Tốc độ liên kết\)](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau đây:
 - [Auto \(Tự động\)](#): Máy chủ in tự động lập cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
 - [10T Half \(10T một nửa\)](#): Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
 - [10T Full \(10T đầy đủ\)](#): Truyền song công, 10 Mbps
 - [10T Auto \(10T tự động\)](#): Truyền song công tự động, 10 Mbps
 - [100TX Half \(100TX một nửa\)](#): Truyền bán song công, 100 Mbps
 - [100TX Full \(100TX đầy đủ\)](#): Truyền song công, 100 Mbps
 - [100TX Auto \(100TX tự động\)](#): Truyền song công tự động, 100 Mbps
 - [1000T Full \(1000T đầy đủ\)](#): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chạm vào nút [Save \(Lưu\)](#). Máy in sẽ tắt, sau đó bật lại.

Các tính năng bảo mật của máy in

Giới hạn ai có quyền truy cập vào các cài đặt cấu hình, dữ liệu bảo mật và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.

Giới thiệu

Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.

Tuyên bố bảo mật

Xem xét tuyên bố bảo mật quan trọng này.

Máy in hỗ trợ các chuẩn bảo mật và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho máy in, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng của bạn và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì máy in.



Gán mật khẩu của quản trị viên

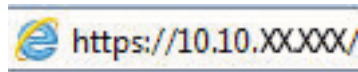
Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.


Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để cài đặt mật khẩu

Sử dụng các bước sau đây để thiết lập mật khẩu cho máy in.

1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

- a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào biểu tượng Thông tin , sau đó chạm vào biểu tượng Ethernet  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.




 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp tab **Security (Bảo mật)**.


3. Mở menu **General Security (Bảo mật chung)**.

4. Trong vùng có nhãn **Set the Local Administrator Password (Đặt mật khẩu người quản trị cục bộ)**, nhập tên để liên kết với mật khẩu trong trường **Username (Tên người dùng)**.

5. Nhập mật khẩu vào trường **New Password (Mật khẩu mới)**, sau đó nhập lại mật khẩu này vào trường **Verify Password (Xác nhận mật khẩu)**.

 **GHI CHÚ:** Để thay đổi mật khẩu hiện tại, trước tiên bạn phải nhập mật khẩu hiện tại vào trường **Old Password (Mật khẩu cũ)**.

6. Nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)**.

 **QUAN TRỌNG:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn. Không thể khôi phục mật khẩu quản trị viên. Nếu làm mất hoặc đã quên mật khẩu quản trị viên, hãy liên hệ với Bộ phận hỗ trợ của HP để được hỗ trợ cần thiết để cài đặt lại máy in hoàn toàn.

[Nhấp vào đây để liên hệ với Bộ phận hỗ trợ của HP về cách đặt lại mật khẩu của máy in.](#)


Cung cấp thông tin đăng nhập truy cập của người dùng trên bảng điều khiển của máy in

Sử dụng các bước sau đây để đăng nhập vào bảng điều khiển.

Một số tính năng trên bảng điều khiển máy in có thể được bảo mật để những người không được phép không thể sử dụng chúng. Khi một tính năng được bảo mật, máy in sẽ nhắc bạn đăng nhập trước khi bạn có thể sử dụng nó. Bạn cũng có thể đăng nhập mà không cần chờ nhắc bằng cách chọn **Sign In (Đăng nhập)** từ bảng điều khiển của máy in.

Thông thường, thông tin đăng nhập vào máy in giống với thông tin đăng nhập vào mạng. Tham khảo ý kiến của người quản trị mạng cho máy in này nếu bạn có câu hỏi về thông tin đăng nhập để sử dụng.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Sign In (Đăng nhập)**.
2. Làm theo lời nhắc để nhập thông tin đăng nhập.

 **GHI CHÚ:** Để duy trì bảo mật cho máy in, chọn **Sign Out (Đăng xuất)** khi sử dụng xong máy in.

Bảo mật IP

Bảo mật IP (IPsec) là tập hợp các giao thức kiểm soát lưu lượng truy cập mạng dựa trên IP vào và ra máy in. IPsec cho phép xác nhận giá trị từ máy chủ này đến máy chủ khác, tính nguyên vẹn của dữ liệu và sự mã hóa các kênh giao tiếp mạng.

Đối với những máy in được kết nối mạng và có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể cấu hình IPsec bằng cách sử dụng tab **Networking** (Hoạt động mạng) trong Máy chủ web nhúng của HP.

Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP

Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của máy in. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn mã hóa nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Sử dụng menu **Security** (Bảo mật) trong Máy chủ web nhúng của HP để cấu hình đĩa.

Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng.

Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

Các cài đặt bảo tồn năng lượng


Tìm hiểu về cài đặt bảo tồn năng lượng có sẵn cho máy in của bạn.

Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 2 watt trở xuống

Cài đặt nghỉ ảnh hưởng đến lượng điện năng mà máy in sử dụng, thời gian hoạt động trở lại/nghỉ, thời gian máy in chuyển sang chế độ nghỉ và thời gian để hoạt động hoạt động trở lại sau chế độ nghỉ.

Để lập cấu hình cho máy in dùng nguồn điện 2 watt trở xuống khi đang ở chế độ nghỉ, hãy nhập thời gian cho cả hai cài đặt **Sleep after Inactivity** (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) và **Auto Off after sleep** (Tự động tắt sau khi nghỉ).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **General** (Chung)
 - **Energy Settings** (Cài đặt năng lượng)
 - **Sleep Settings** (Cài đặt nghỉ)
3. Chọn **Sleep after Inactivity** (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) để xác định số phút mà máy in không hoạt động trước khi máy in chuyển sang chế độ nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.
4. Chọn **Auto Off after sleep** (Tự động tắt sau khi nghỉ) để đặt máy in vào chế độ tiết kiệm điện nhiều hơn sau một khoảng thời gian nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.

 **GHI CHÚ:** Theo mặc định, máy in sẽ hoạt động trở lại sau Tự động tắt khi có phản hồi từ một hoạt động bất kỳ ngoài USB hoặc Wi-Fi. Đối với các cài đặt tiết kiệm năng lượng nhiều hơn, bạn có thể thiết lập cài đặt đó thành chỉ hoạt động trở lại khi nút nguồn được nhấn bằng cách chọn **Shut down (wake on power button only)** (Tắt máy (chỉ hoạt động trở lại khi nhấn nút nguồn)).

5. Chọn **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

Đặt lịch nghỉ

Dùng tính năng **Sleep Schedule** (Lịch nghỉ) để lập cấu hình máy in tự động trở lại hoạt động hoặc chuyển sang chế độ Sleep (Chế độ nghỉ) tại thời điểm cụ thể vào các ngày trong tuần.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. **General** (Chung)
 - b. **Energy Settings** (Cài đặt năng lượng)
 - c. **Sleep Schedule** (Lịch nghỉ)
3. Chọn nút **New Event** (Sự kiện mới), sau đó chọn kiểu sự kiện để đặt lịch: **Wake Event** (Sự kiện hoạt động trở lại) hoặc **Sleep Event** (Sự kiện nghỉ).
4. Đối với sự kiện đánh thức hoặc nghỉ, cấu hình thời gian và ngày trong tuần cho sự kiện. Chọn **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập www.hp.com/go/webjetadmin để biết thêm thông tin.

Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở

HP thường xuyên cập nhật các tính năng có trong chương trình cơ sở của máy in. Để tận dụng các tính năng mới nhất, hãy cập nhật chương trình cơ sở của máy in.

Tải xuống tệp cập nhật chương trình cơ sở mới nhất từ web:

Truy cập <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>. Nhấp vào **Software, Drivers and Firmware (Phần mềm, Trình điều khiển và Chương trình cơ sở)**.

6 Giải quyết sự cố

Khắc phục sự cố với máy in. Tìm thêm tài nguyên để được trợ giúp và hỗ trợ kỹ thuật.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/PageWide.


Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

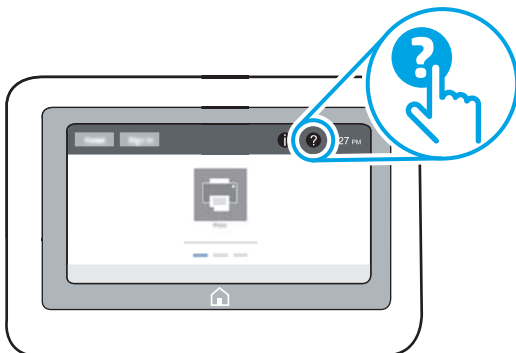
Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành


Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Máy in có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút Trợ giúp  trên bảng điều khiển.



Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.

Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ cho bạn biết các quy trình cụ thể, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Nếu máy in thông báo cho bạn về lỗi hoặc cảnh báo, hãy chạm vào nút Trợ giúp  để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.

Xác lập lại cài đặt gốc

Việc xác lập lại các cài đặt của máy in về cài đặt gốc có thể giúp khắc phục sự cố.

Giới thiệu


Dùng một trong các phương thức sau đây để xác lập lại các cài đặt của máy in về các cài đặt gốc từ nhà máy.

Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in

Sử dụng bảng điều khiển máy in để khôi phục các cài đặt về giá trị gốc của chúng.



1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. **General** (Chung)
 - b. **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc)
3. Chọn **Reset** (Xác lập lại).


Một thông báo xác nhận sẽ cho biết việc hoàn thành chức năng xác lập lại có thể gây ra thất thoát dữ liệu.
4. Chọn **Reset** (Xác lập lại) để hoàn thành quá trình.

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)

Dùng HP EWS để xác lập lại các cài đặt máy in về cài đặt gốc.

1. Trên bảng điều khiển của máy in, chọn nút Thông tin , sau đó chọn biểu tượng Mạng  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở tab **General** (Chung).
3. Ở bên trái màn hình, nhấp **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc).
4. Bấm vào nút **Reset** (Xác lập lại).

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.



Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

Xem xét các giải pháp khả thi để khắc phục sự cố này.

Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực còn ít. Thời gian sử dụng còn lại của hộp mực trên thực tế có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực ngay lúc này.

Cartridge is very low (Hộp mực gần hết): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực gần hết. Thời gian sử dụng còn lại của hộp mực trên thực tế có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được nữa.

Bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP hết hạn gần cuối thời gian có thể sử dụng hộp mực. Kiểm tra Trang tình trạng mực in hoặc Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để xem tình trạng.

-
-  **GHI CHÚ:** Máy in này không được thiết kế để sử dụng các hệ thống mực in liên tục. Để tiếp tục in, hãy tháo hệ thống mực in liên tục và lắp hộp mực HP chính hãng (hoặc tương thích).
 -  **GHI CHÚ:** Máy in này được thiết kế cho các hộp mực in sẽ được dùng cho đến khi hết mực. Việc bơm lại hộp mực trước khi mực hết sạch có thể gây ra lỗi cho máy in. Nếu điều này xảy ra, hãy lắp một hộp mực mới (HP chính hãng hoặc tương thích) để tiếp tục in.
-

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn lắp đặt một hộp mực mới.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn [Settings \(Cài đặt\)](#).
2. Mở các menu sau đây:
 - a. [Manage Supplies \(Quản lý mực in\)](#)
 - b. [Very Low Behavior \(Xử lý khi mực gần hết\)](#)
 - c. [Black Cartridge \(Hộp mực đen\)](#) hoặc [Color Cartridge \(Hộp mực màu\)](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau đây:
 - Chọn tùy chọn [Stop \(Dừng\)](#) để đặt máy in dừng in khi hộp mực ở ngưỡng **Very Low (Gần hết)**.
 - Chọn tùy chọn [Continue \(Tiếp tục\)](#) để đặt máy in cảnh báo bạn rằng hộp mực gần hết và tiếp tục in ngoài mức cài đặt **Very Low (Gần hết)** mà không cần tương tác. Điều này có thể dẫn tới chất lượng in không tốt.
 - Chọn tùy chọn [Prompt to continue \(Nhắc để tiếp tục\)](#) để đặt máy in dừng in khi hộp mực tiến đến ngưỡng **Very Low (Gần hết)**. Bạn có thể xác nhận lời nhắc hoặc thay thế hộp mực để tiếp tục in.

Đối với các máy in có tính năng fax

Khi máy in được đặt về tùy chọn **Stop** (Dừng) hoặc **Prompt to continue** (Nhắc để tiếp tục), có khả năng là các bản fax sẽ không in được khi máy in tiếp tục in. Điều này có thể xảy ra nếu máy in đã nhận được số bản fax nhiều hơn khả năng lưu giữ của bộ nhớ trong khi máy in đang chờ.

Máy in có thể in các bản fax mà không bị gián đoạn khi vượt ngưỡng Gần hết nếu bạn chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) cho hộp mực nhưng chất lượng in có thể giảm xuống.

Đặt hàng mực in

Đặt mua mực in và giấy cho máy in HP của bạn.

Bảng 6-1 Tùy chọn đặt hàng

Tùy chọn đặt hàng	Thông tin đặt hàng
Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

Nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc, hãy sử dụng thông tin dưới đây.

Giới thiệu


Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.

Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay được, hãy thử các giải pháp sau đây:

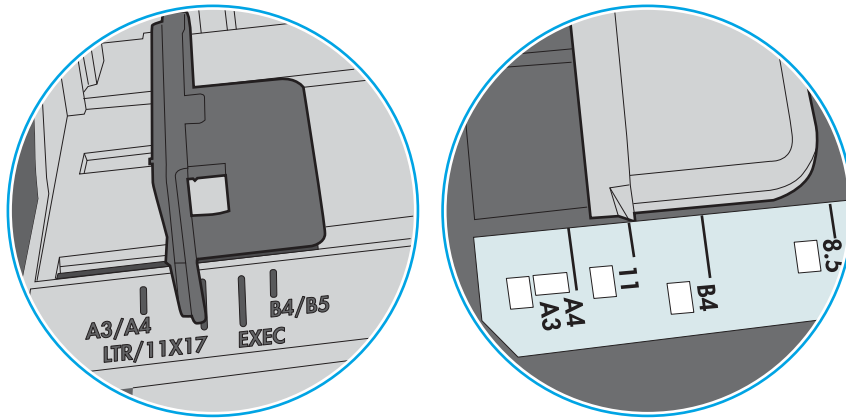
1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

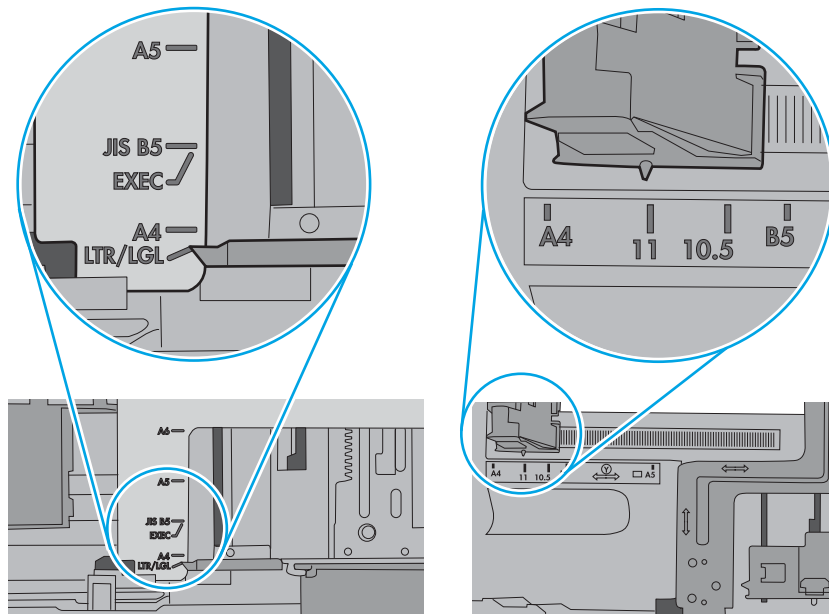
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-1 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-2 Dấu kích thước cho khay băng từ

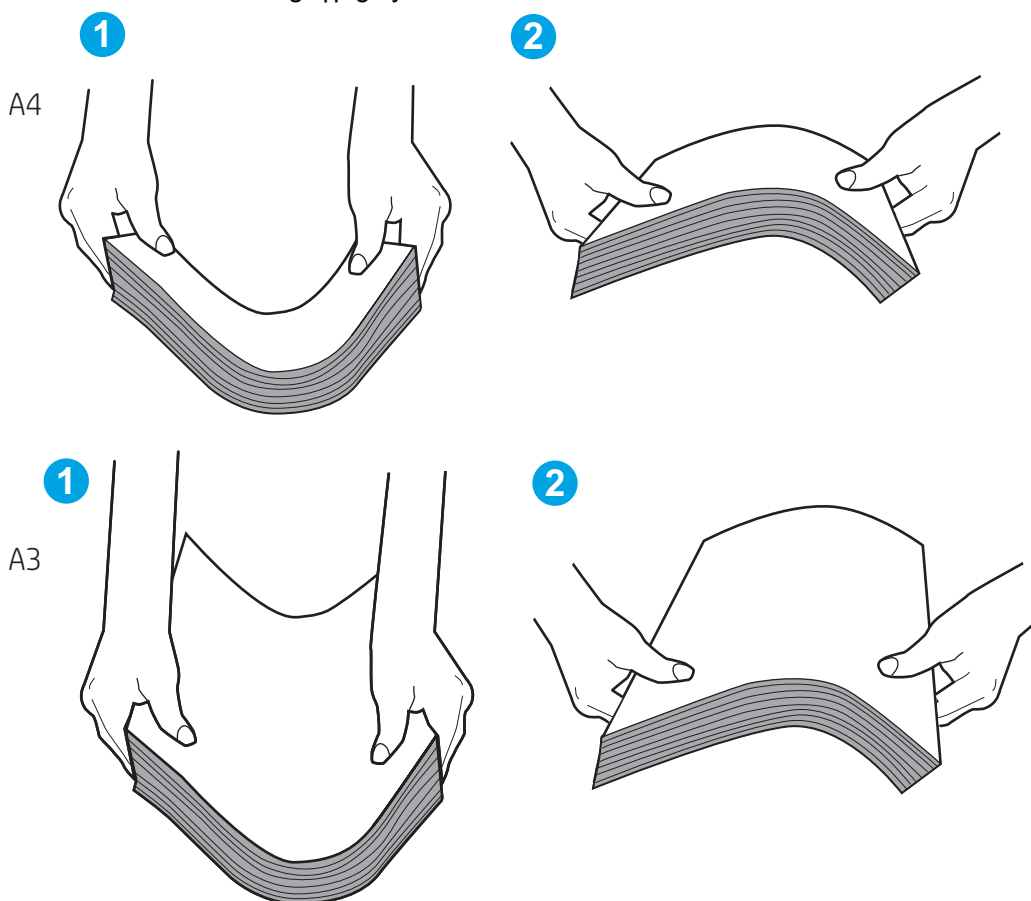


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-3 Cách uốn cong tập giấy



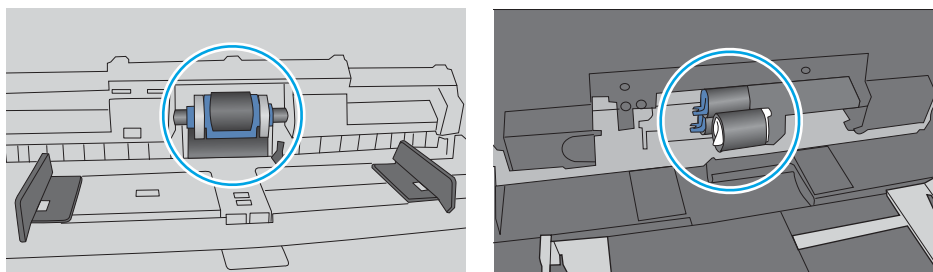
6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.

7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

⚠ THẬN TRỌNG: Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.

Hình 6-4 Vị trí trục lăn cho khay 1 hoặc khay đa năng



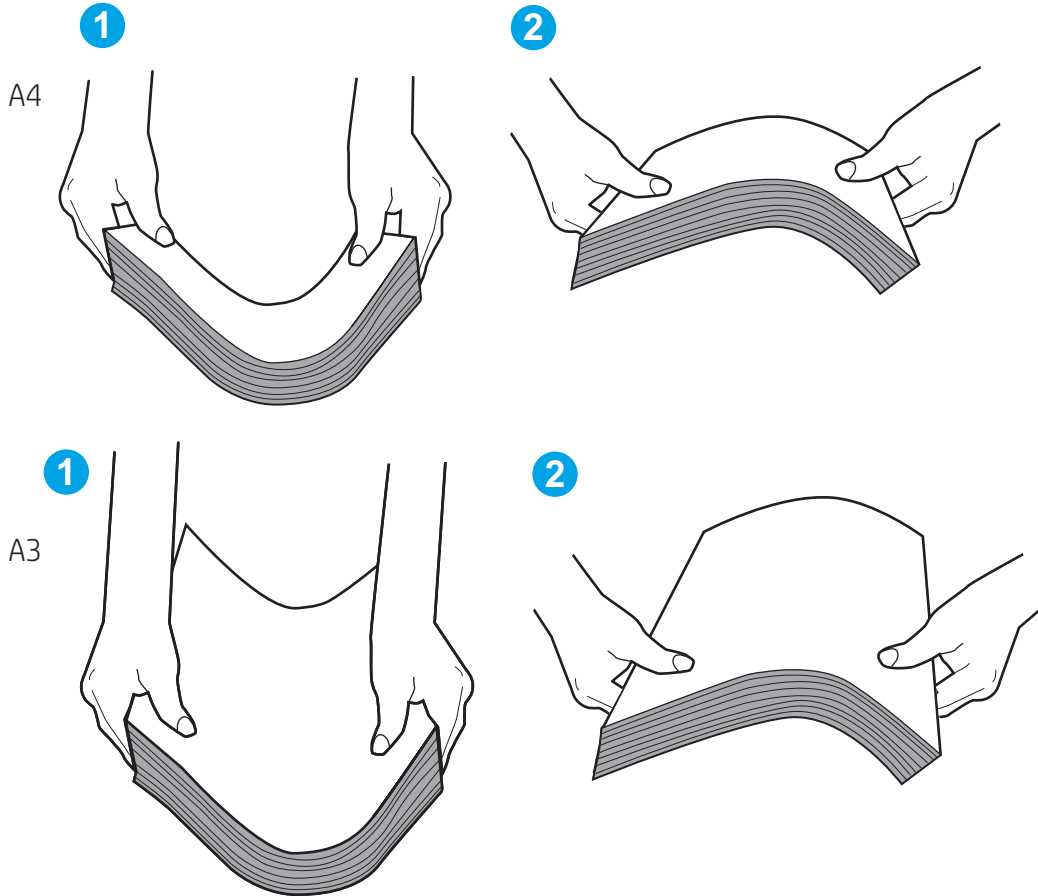
Máy in nạp nhiều giấy

Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau đây:

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra.* Đưa tập giấy vào lại khay.

📝 GHI CHÚ: Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-5 Cách uốn cong tập giấy



- Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
- Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

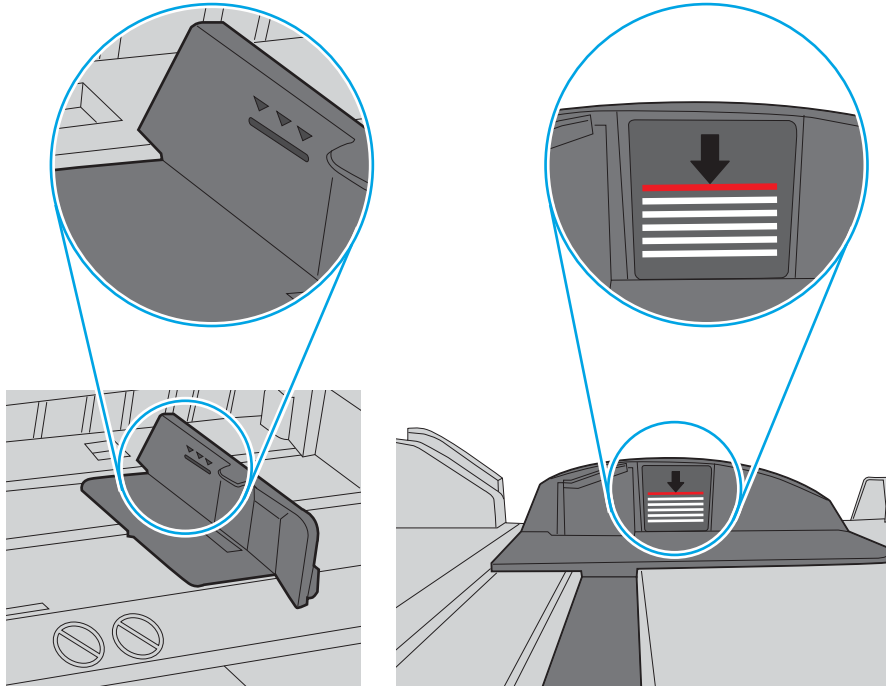
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

- Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gập hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

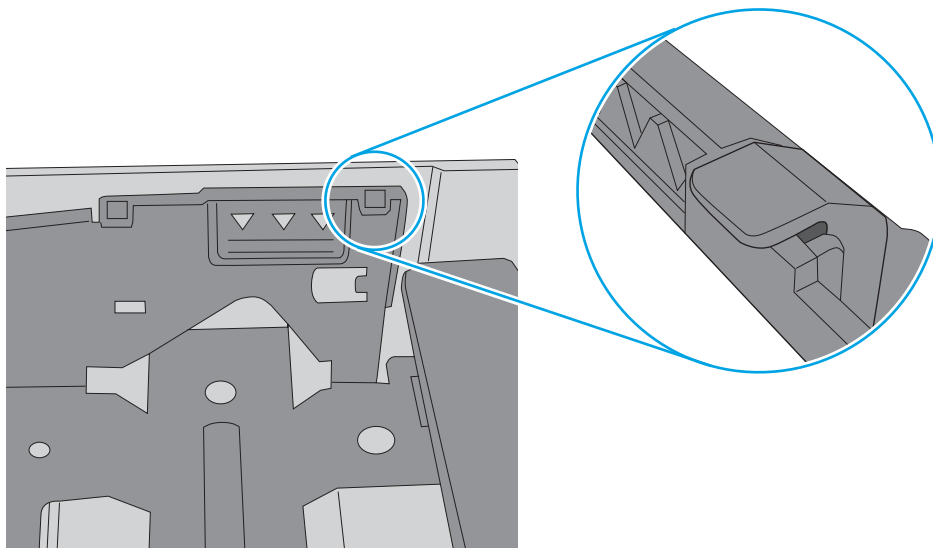
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Ví dụ sau đây minh họa các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.


Hình 6-6 Dấu chiều cao tập giấy



Hình 6-7 Vấu cho tập giấy

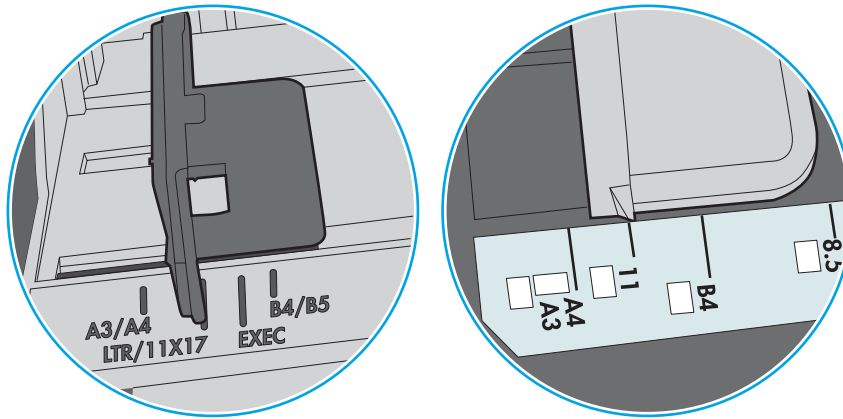


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

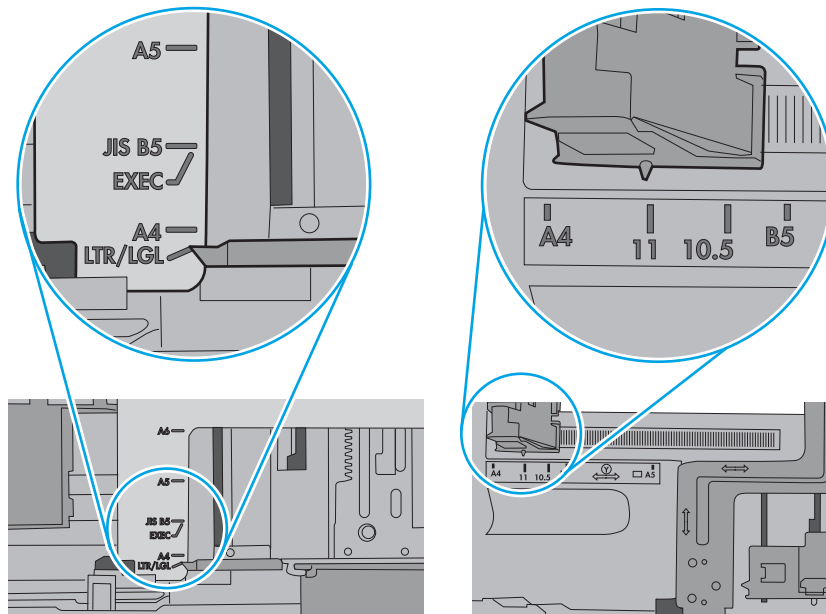
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-8 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-9 Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

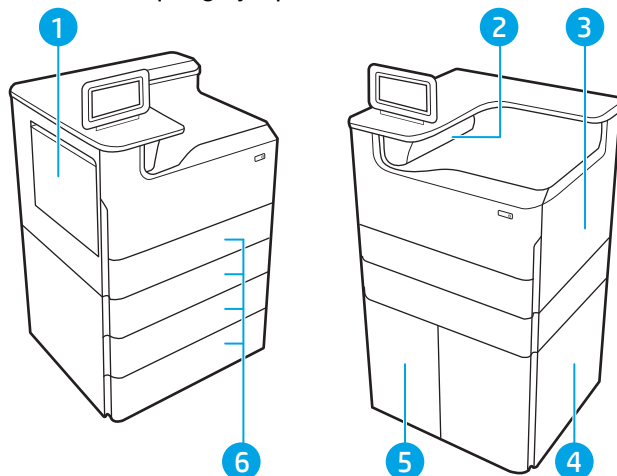
Xử lý kẹt giấy

Sử dụng các quy trình trong phần này để gỡ giấy bị kẹt trong đường dẫn giấy của máy in.

Vị trí giấy kẹt

Giấy có thể bị kẹt ở những vị trí sau đây.

Hình 6-10 Vị trí giấy kẹt



Số	Mô tả
1	Khay 1 và cửa bên trái
2	Ngăn giấy đầu ra
3	Cửa bên phải (khay in hai mặt)
4	Cửa bên phải phía dưới
5	Khay nạp HCL 4.000 tờ
6	Các khay 550 tờ

Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt

Tìm hiểu về tính năng tự động điều hướng gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

Tính năng tự động điều hướng hỗ trợ bạn tháo giấy kẹt bằng cách cung cấp các hướng dẫn từng bước trên bảng điều khiển.

Khi hoàn tất một bước, máy in sẽ hiển thị các hướng dẫn cho bước tiếp theo, cho đến khi bạn thực hiện xong tất cả các bước trong quy trình.

Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.

1. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
2. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

3. Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh các thanh dẫn để chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.
6. Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào máy in.
7. Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
8. Mở menu **Trays (Khay)** trên bảng điều khiển của máy in. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
9. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

Xử lý kẹt giấy ở Khay 1 - 15.A1.yz; 15.D1.51; 15.D1.81; 15.D2.A1; 15.D2.D1

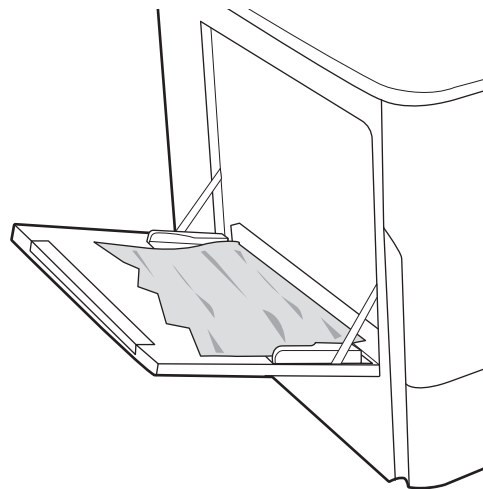
Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

Kẹt giấy ở Khay 1 có thể tạo ra bất kỳ mã lỗi nào sau đây:

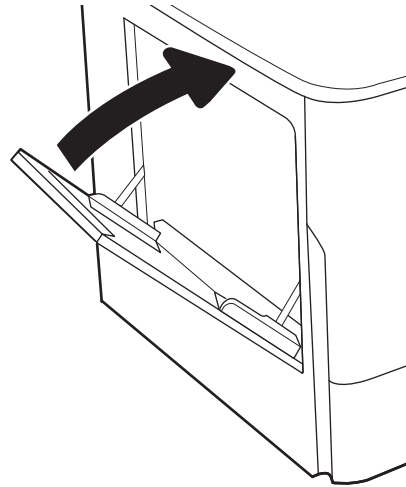
- 15.A1.yz
- 15.D1.51
- 15.D1.81
- 15.D2.A1
- 15.D2.D1

Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

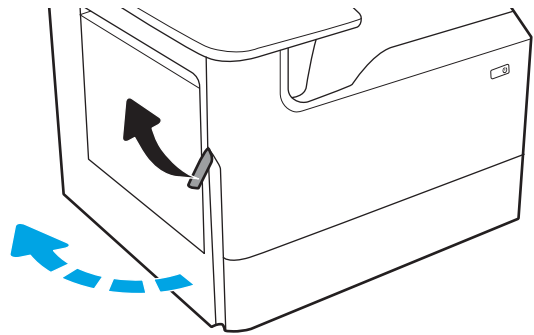
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong Khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra.



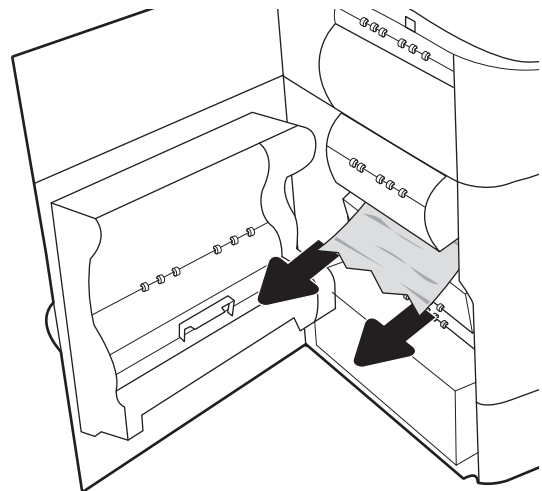
2. Đóng Khay 1.



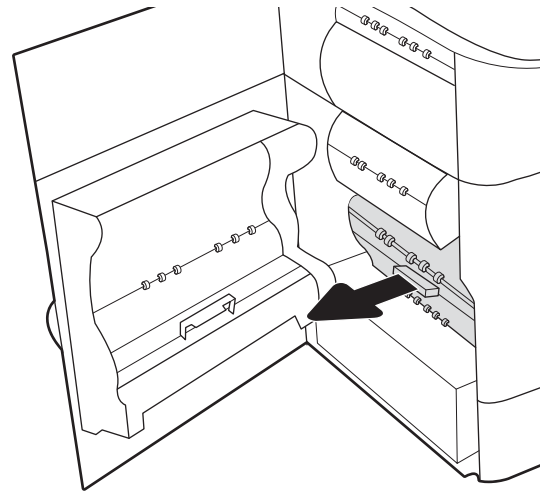
3. Mở cửa bên trái.



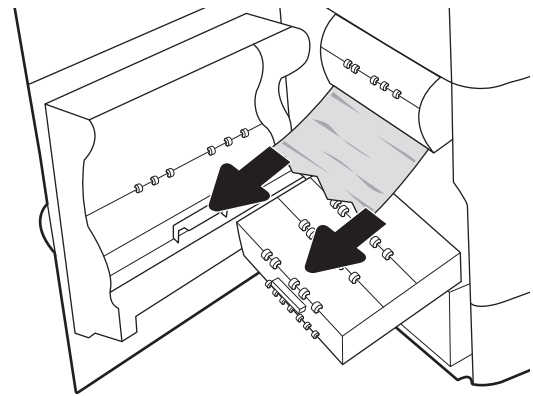
4. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



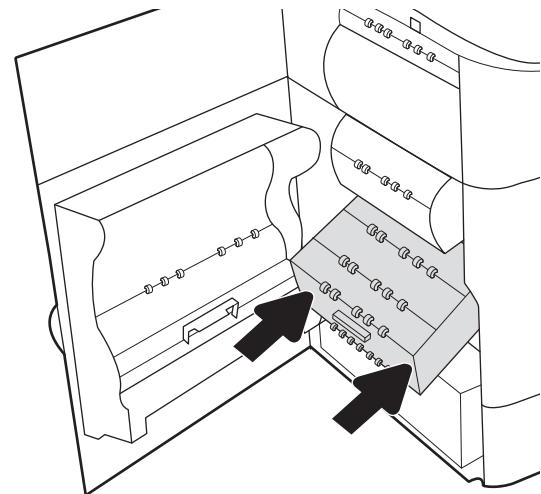
5. Nếu không thấy giấy kẹt, hãy kéo ngăn chứa chất lỏng bảo trì ra.



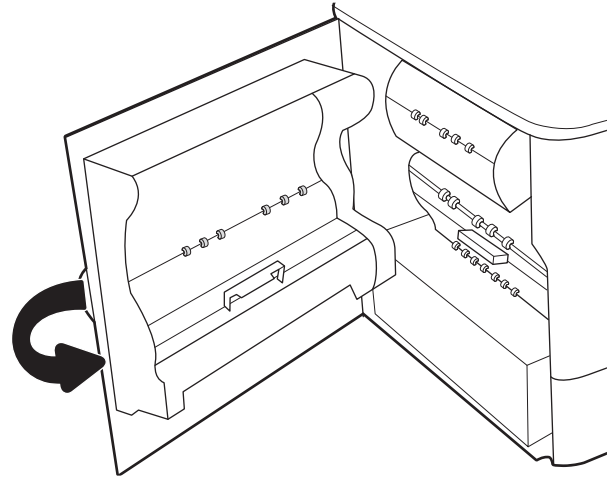
6. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



7. Đẩy ngăn chứa chất lỏng bảo trì vào máy in.



8. Đóng cửa bên trái.



9. Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.

Xử lý kẹt giấy ở Khay 2 - 15.A2.yz; 15.D2.52; 15.D2.82; 15.D2.A2; 15.D2.D2

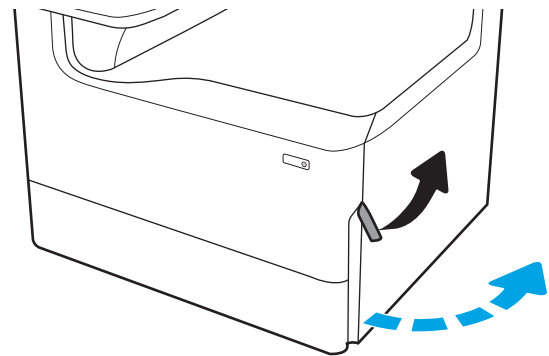
Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

Kẹt giấy ở Khay 2 có thể tạo ra bất kỳ mã lỗi nào sau đây:

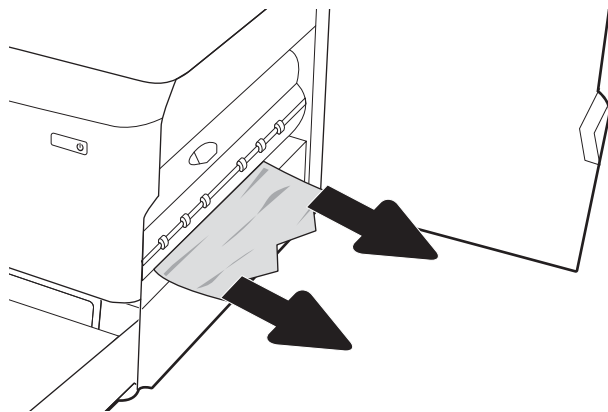
- 15.A2.yz
- 15.D2.52
- 15.D2.82
- 15.D2.A2
- 15.D2.D2

Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

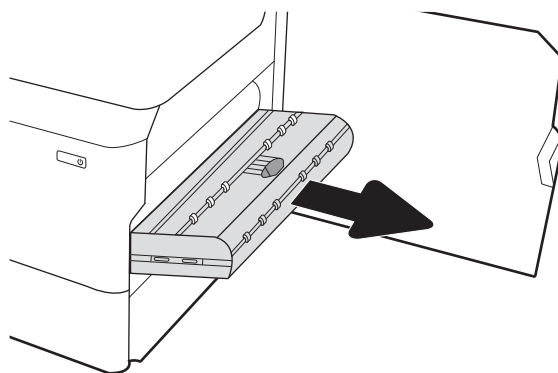
1. Mở cửa bên phải.



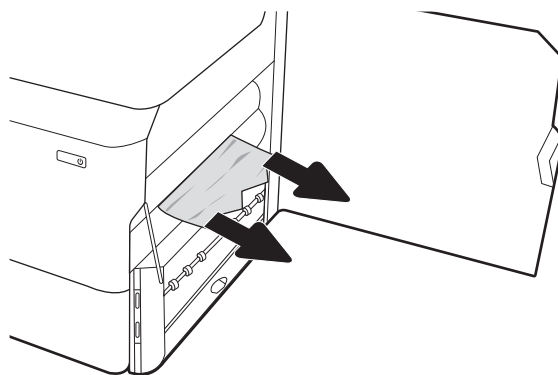
2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



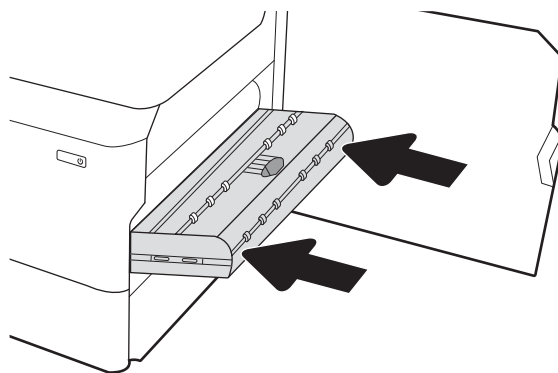
3. Nếu không thấy giấy kẹt, lấy bộ in hai mặt ra.



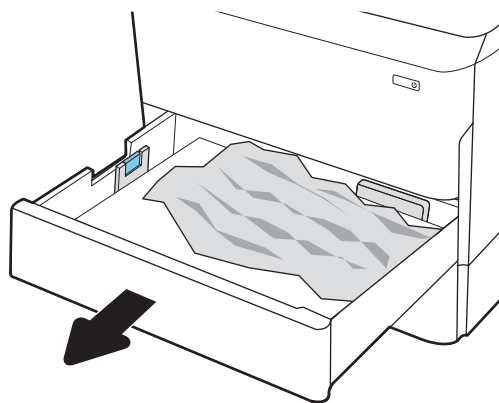
4. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



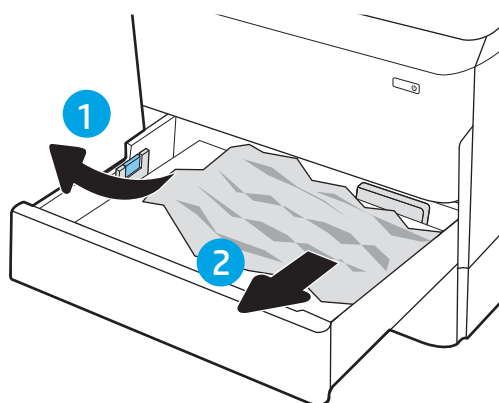
5. Lắp lại khay in hai mặt.



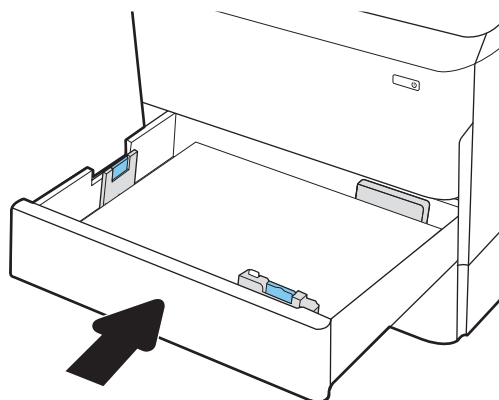
6. Mở khay ra.



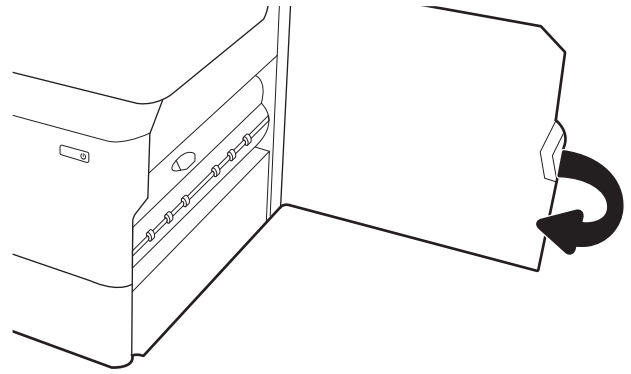
7. gỡ giấy bị kẹt ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



8. Đóng khay giấy.



9. Đóng cửa bên phải lại.



10. Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.


Xử lý kẹt giấy ở khay 3 - 15.A3.yz; 15.12.A3; 15.12.D3

Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

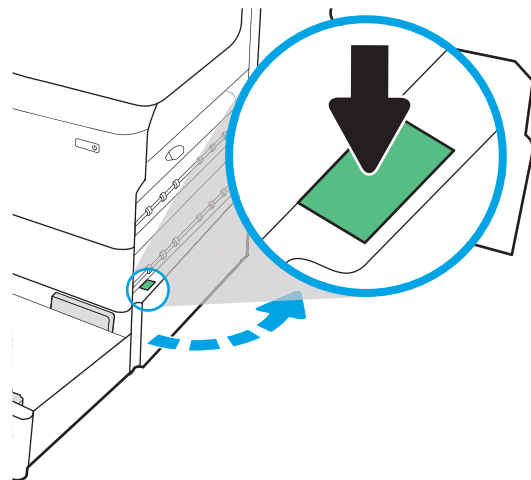
Kẹt giấy ở khay 3 có thể tạo ra bất kỳ mã lỗi nào sau đây:

- 15.A3.yz
- 15.12.A3
- 15.12.D3

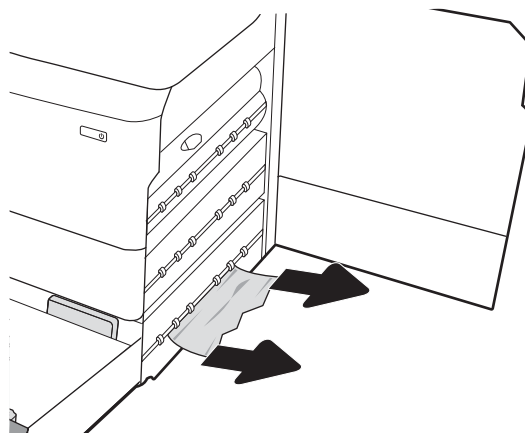
Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

 **GHI CHÚ:** Quy trình xử lý giấy kẹt trong khay 1x550 tờ có chân đế tương tự như cách xử lý giấy kẹt cho khay 1x550 để bàn. Ở đây chỉ hiển thị khay để bàn.

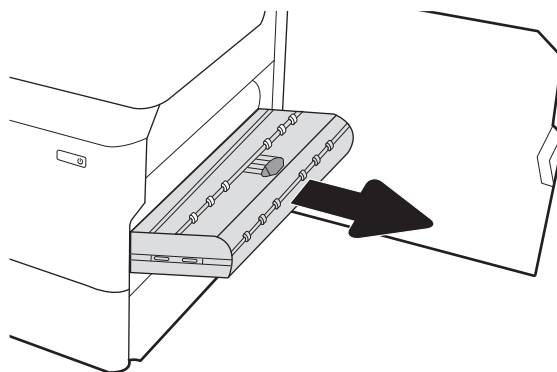
1. Mở cửa bên phải và cửa bên phải phía dưới.



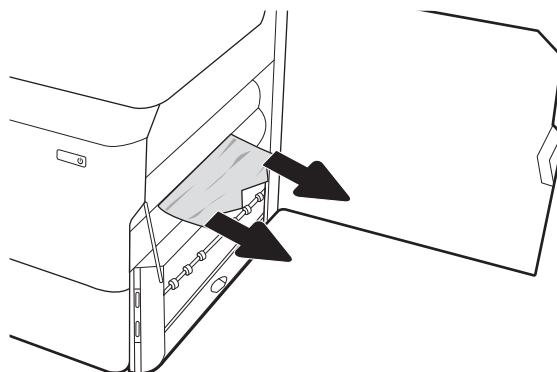
2. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.



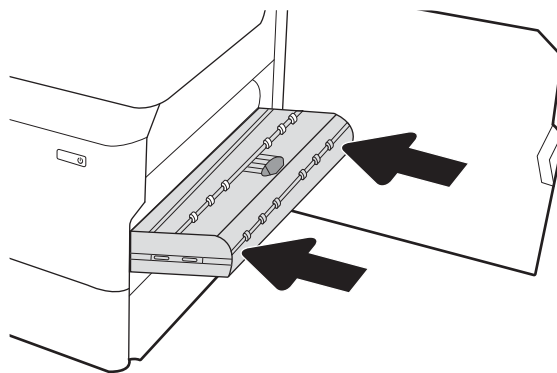
3. Nếu không thấy giấy kẹt, lấy bộ in hai mặt ra.



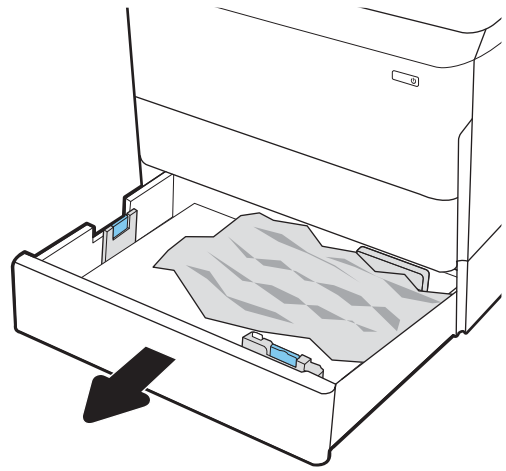
4. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



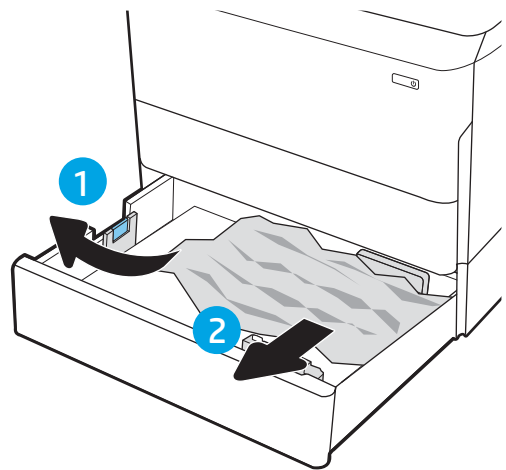
5. Lắp lại khay in hai mặt.



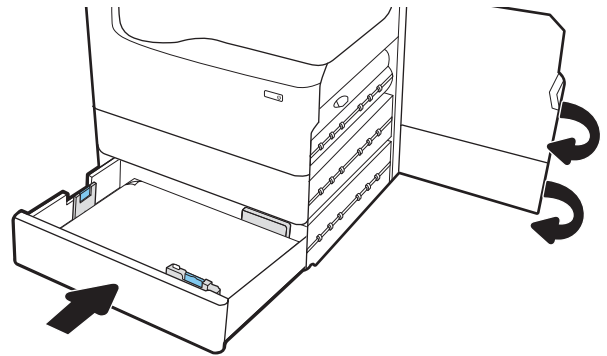
6. Mở khay ra.



7. Gỡ giấy bị kẹt ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



8. Đóng cửa bên phải phía dưới và cửa bên phải, sau đó đóng khay lại.



9. Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.

Xử lý kẹt giấy ở ngăn giấy ra - 15.E1.yz; 15.C1. Az

Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

Kẹt giấy ở ngăn giấy ra sẽ tạo ra một trong hai mã lỗi sau:

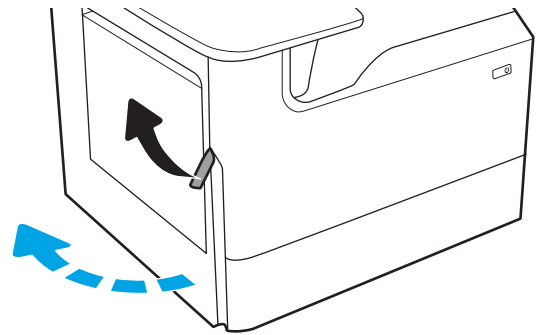
- 15.E1.yz
- 15.C1.Az

Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

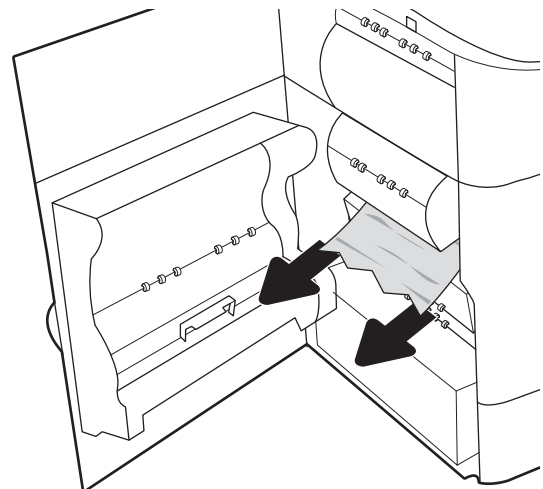
1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



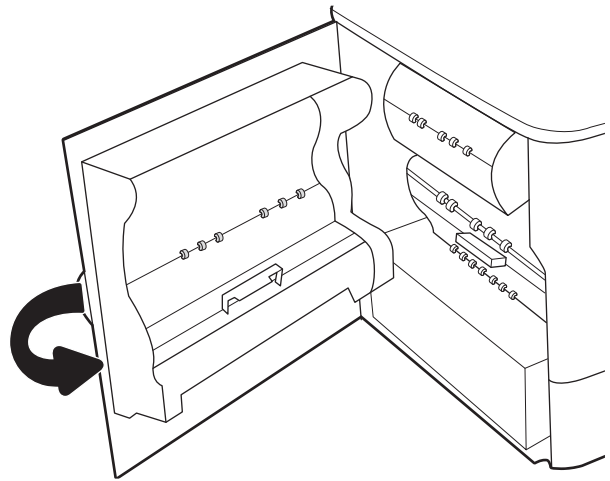
2. Mở cửa bên trái.



3. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



- Đóng cửa bên trái.



- Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.

Xử lý kẹt giấy ở bộ phận in hai mặt - 15.D1.yz; 15.D2.yz; 15.C1.5z; 15.C1.8z; 15.C1.9z

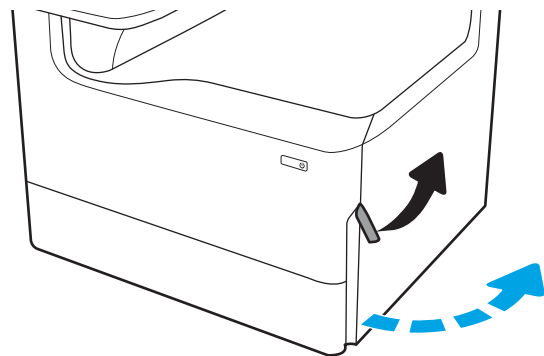
Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

Kẹt giấy trong bộ phận in hai mặt có thể tạo ra bất kỳ mã lỗi nào sau đây:

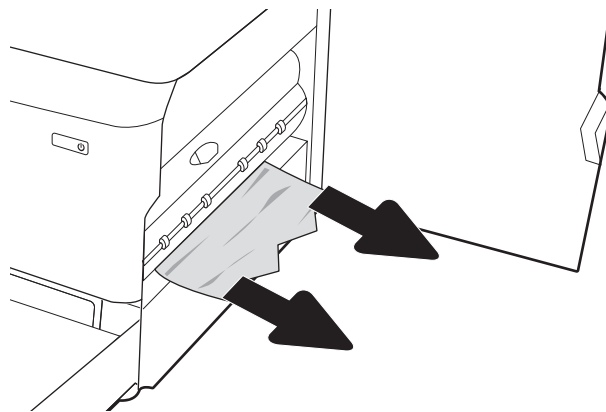
- 15.D1.yz
- 15.D2.yz
- 15.C1.5z
- 15.C1.8z
- 15.C1.9z

Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

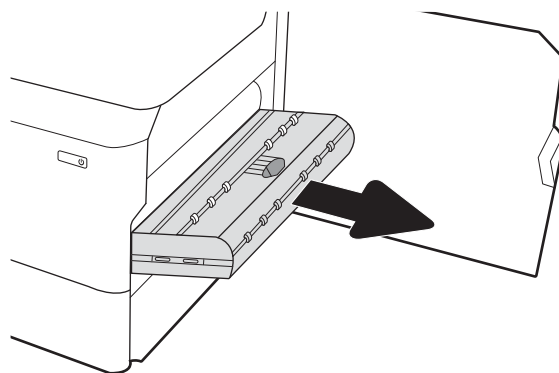
- Mở cửa bên phải.



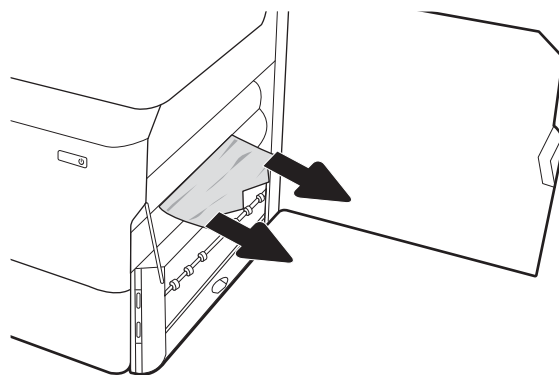
2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



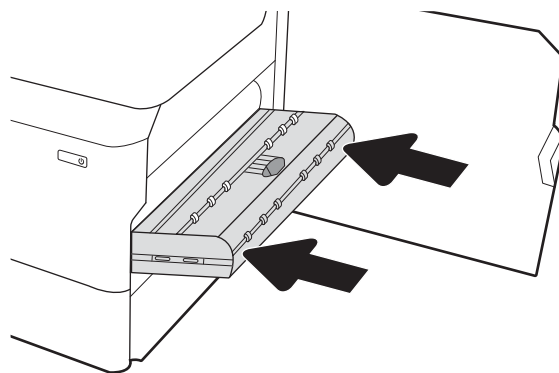
3. Nếu không thấy giấy kẹt, lấy bộ in hai mặt ra.



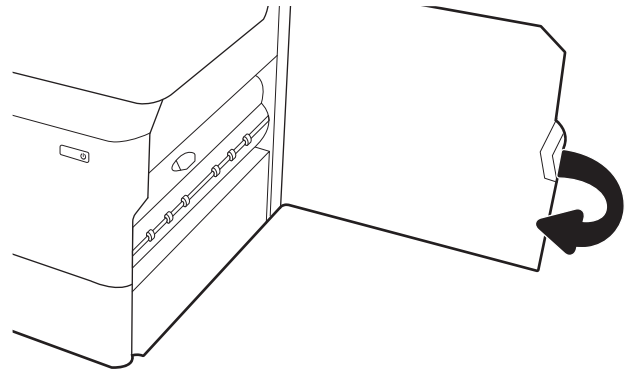
4. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



5. Lắp lại khay in hai mặt.



6. Đóng cửa bên phải lại.



7. Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.

Xử lý kẹt giấy trong các khay 3X550 - 15.A4.yz; 15.A5.yz; 15.A6.yz; 15.A9.yz; 15.37.yz; 15.38.yz; 15.48.yz

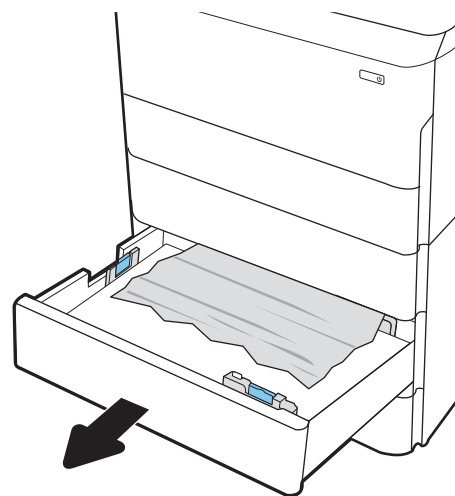
Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

Kẹt giấy ở phụ kiện 3 x 550 tờ có thể tạo ra bất kỳ mã lỗi nào sau đây:

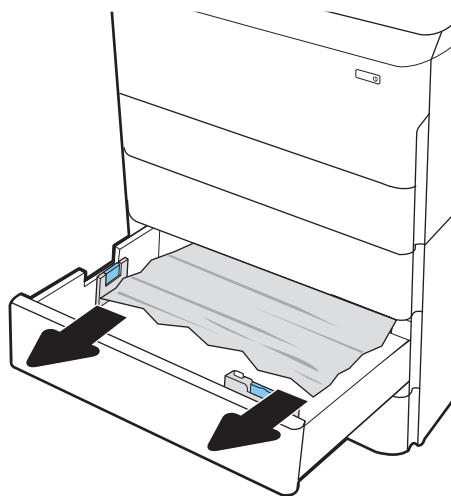
- 15.A4.yz
- 15.A5.yz
- 15.A6.yz
- 15.A9.yz
- 15.37.yz
- 15.38.yz
- 15.48.yz

Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

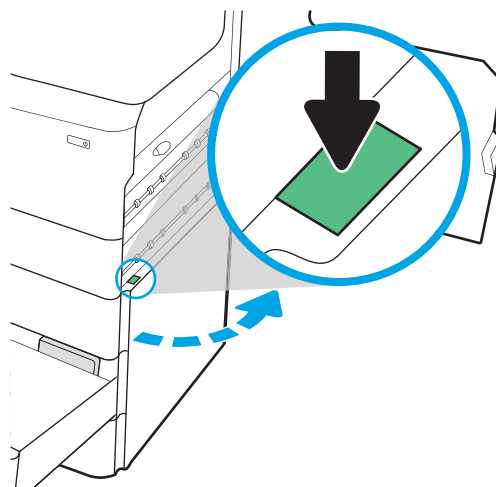
1. Mở một trong các khay.



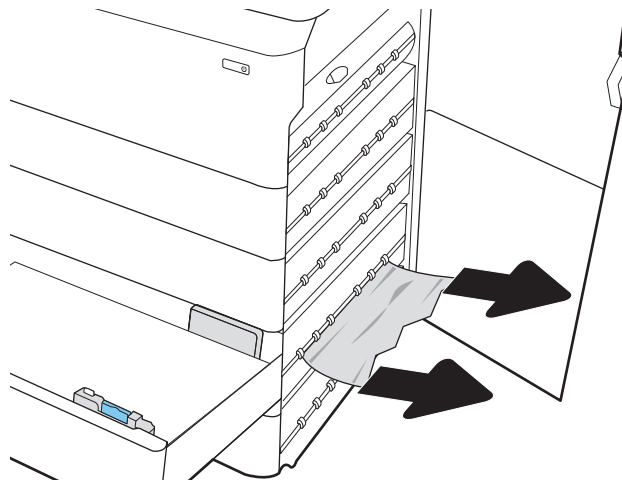
2. gỡ giấy bị kẹt ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



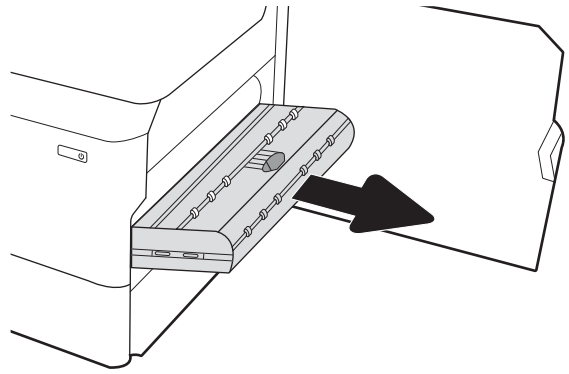
3. Mở cửa bên phải và cửa bên phải phía dưới.



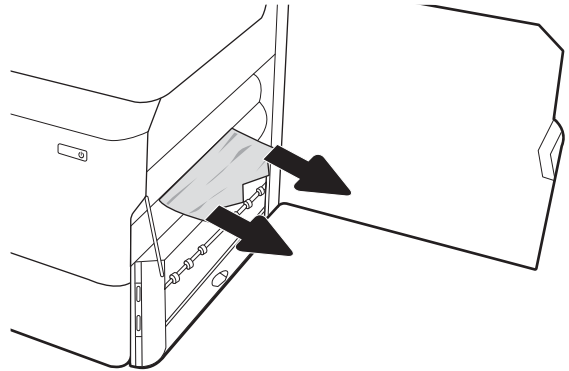
4. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.



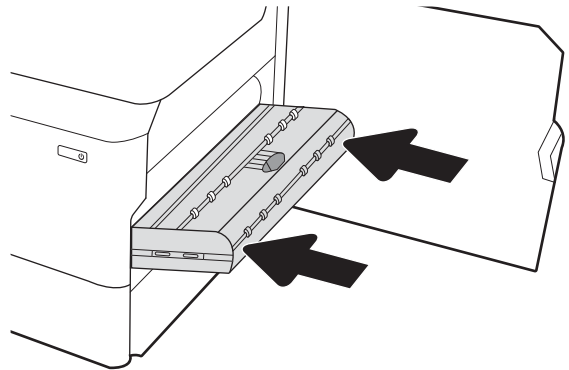
5. Nếu không thấy giấy kẹt, lấy bộ in hai mặt ra.



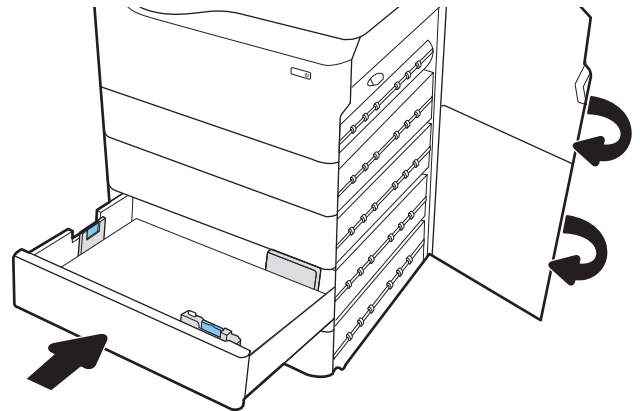
6. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



7. Lắp lại khay in hai mặt.



8. Đóng cửa bên phải và cửa bên phải phía dưới, sau đó đóng khay lại.



9. Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.

Xử lý kẹt giấy ở HCI 4.000 tờ - 15.A7.yz; 15.A8.yz; 15.37.yz; 15.38.yz; 15.48.yz

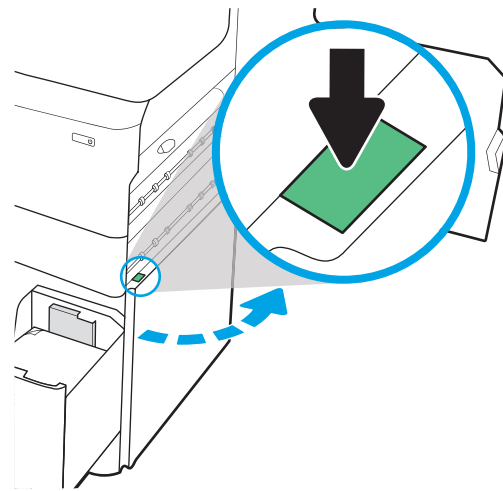
Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo lỗi và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

Kẹt giấy ở phụ kiện HCI 4.000 tờ có thể tạo ra bất kỳ mã lỗi nào sau đây:

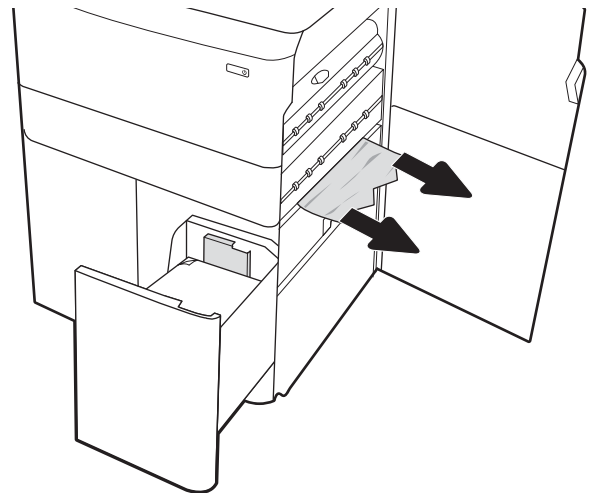
- 15.A7.yz
- 15.A8.yz
- 15.37.yz
- 15.38.yz
- 15.48.yz

Thực hiện các bước sau để xử lý kẹt giấy:

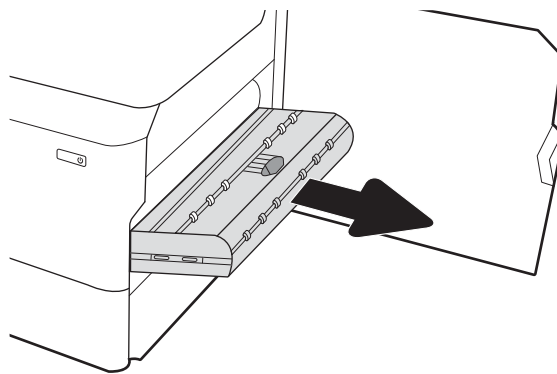
1. Mở cửa bên phải và cửa bên phải phía dưới.



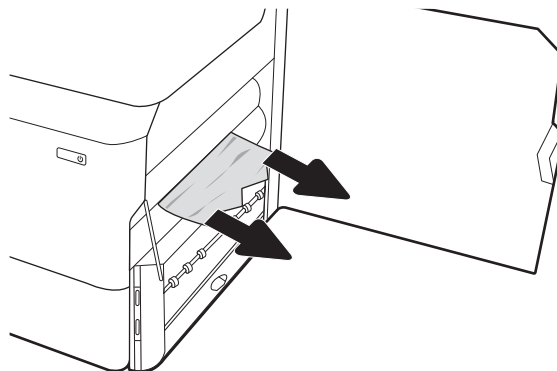
2. Lấy hết tờ giấy bị hỏng ra.



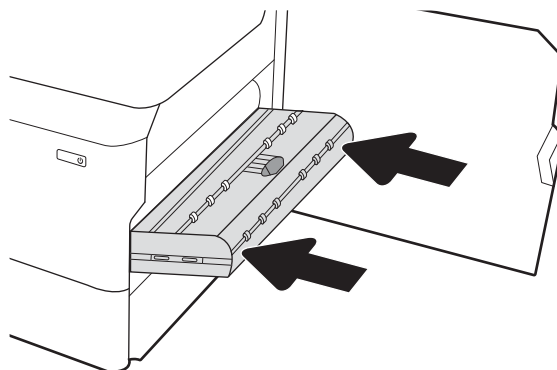
3. Nếu không thấy giấy kẹt, lấy bộ in hai mặt ra.



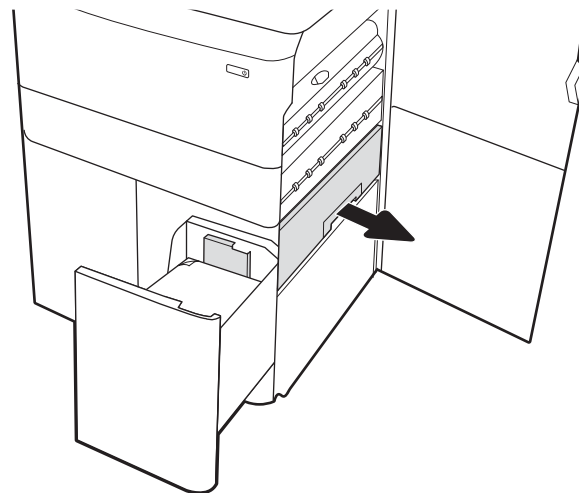
4. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



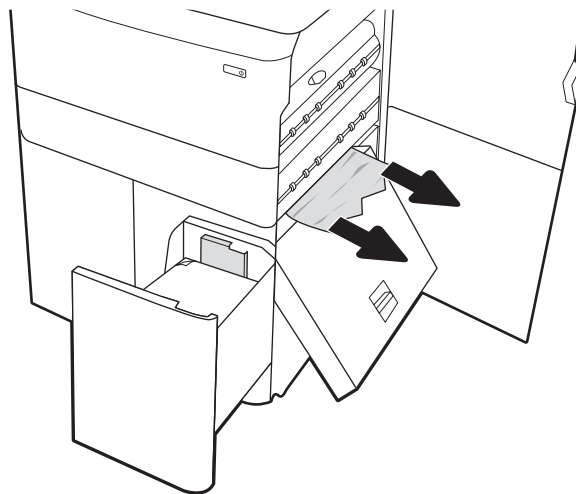
5. Lắp lại khay in hai mặt.



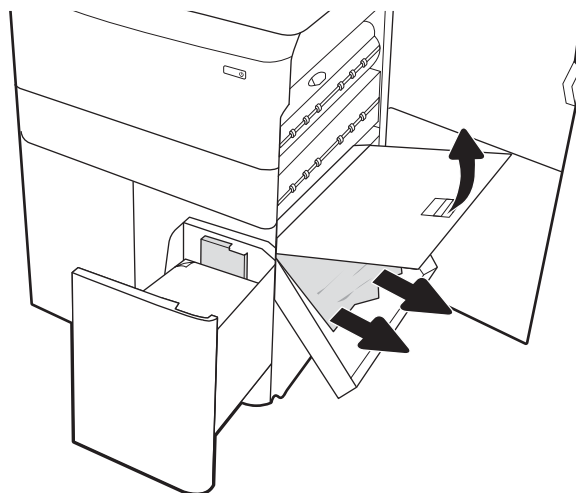
6. Trong khu vực cửa bên phải phía dưới, dùng tay cầm màu xanh lá cây để kéo hộp khay HCl ra.



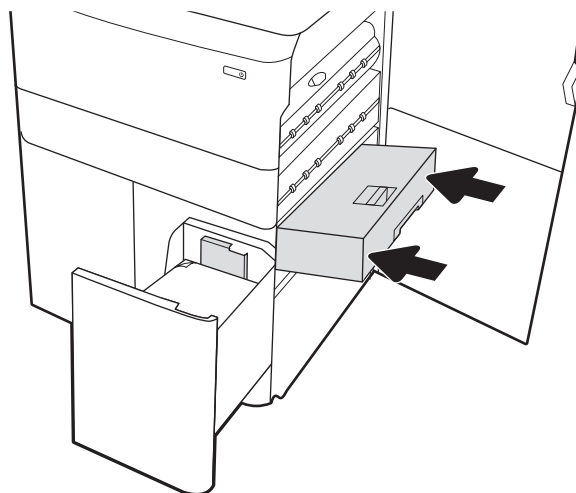
7. Lấy hết giấy bị kẹt ra khỏi khu vực hộp khay.



8. Dùng tay cầm màu xanh lá cây để mở đầu hộp khay HCI và lấy hết giấy bị kẹt ra.



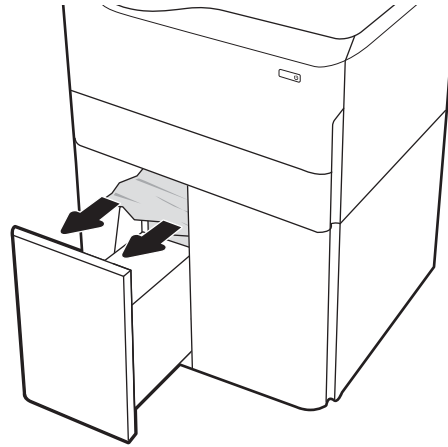
9. Đóng hộp khay lại, sau đó lắp lại vào máy in.



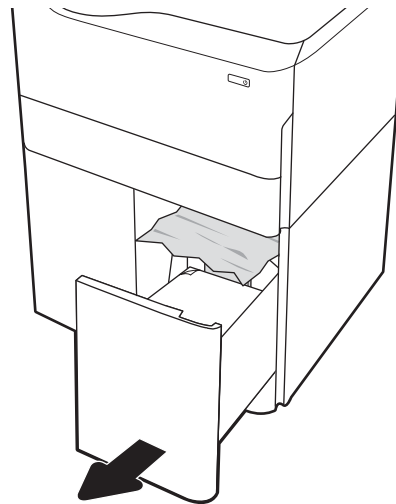
10. Mở khay tiếp giấy dung lượng lớn bên trái.



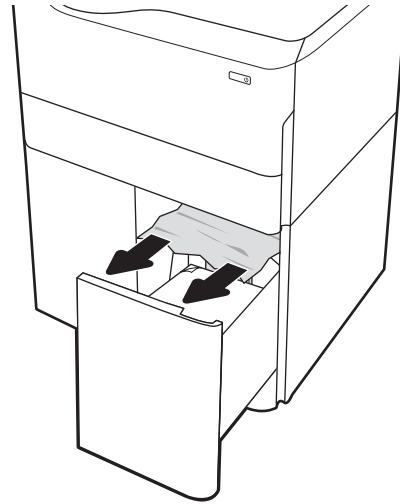
11. Gỡ giấy bị kẹt ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



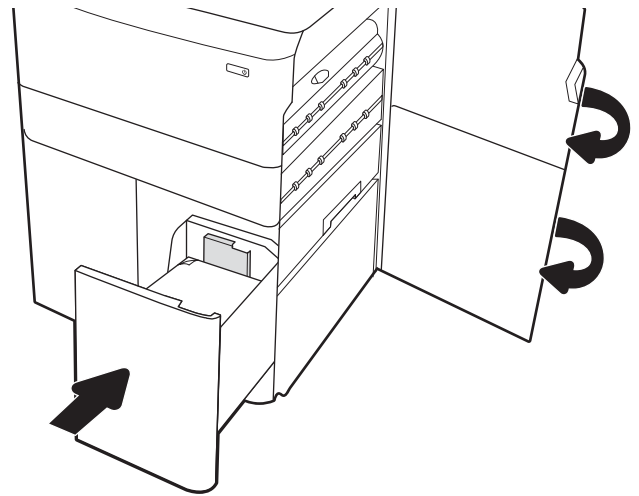
12. Đóng khay bên trái và mở khay tiếp giấy dung lượng lớn bên phải.



13. gỡ giấy bị kẹt ra khỏi các trục nạp bên trong máy in. Trước tiên kéo giấy về bên trái, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



14. Đóng cửa bên phải và cửa bên phải phía dưới, sau đó đóng khay bên phải lại.



15. Nếu vẫn còn dư trang giấy trong máy in, bảng điều khiển sẽ hiển thị các hướng dẫn cách gỡ trang giấy còn dư.

Giải quyết vấn đề về chất lượng in màu

Sử dụng thông tin dưới đây để xử lý sự cố về chất lượng in, chất lượng màu và các vấn đề về chất lượng hình ảnh trên máy in HP Color LaserJet Enterprise.

Giới thiệu

Các bước xử lý sự cố này có thể giúp khắc phục những lỗi sau đây:

- Trang trống
- Trang đen
- Không canh màu
- Giấy bị quăn
- Các dải đậm hoặc nhạt
- Đường sọc đậm hoặc nhạt
- In mờ
- Nền xám hoặc in đậm
- In nhạt
- Bột mực không bám dính
- Không có bột mực
- Lốm đốm bột mực
- Hình ảnh bị lệch
- Vết bẩn
- Đường sọc

Xử lý sự cố về chất lượng in

Để giải quyết các sự cố về chất lượng in, hãy thử các bước sau đây theo thứ tự trình bày.

Để khắc phục lỗi hình ảnh cụ thể, xem phần Xử lý lỗi hình ảnh.

Cập nhật chương trình cơ sở của máy in

Thử nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.

Để biết hướng dẫn, hãy truy cập www.hp.com/support.

In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác.

Nếu trang được in đúng, vấn đề nằm ở chương trình phần mềm mà bạn đã sử dụng để in trước đó.


Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lổm đổm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

Kiểm tra cài đặt loại giấy trên bảng điều khiển

Kiểm tra cài đặt loại giấy trên bảng điều khiển máy in và thay đổi cài đặt nếu cần.

1. Mở và đóng khay giấy.
2. Làm theo các lời nhắc nhở từ bảng điều khiển để xác nhận hoặc sửa đổi các cài đặt loại giấy và kích thước cho khay.
3. Đảm bảo giấy được nạp đáp ứng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật.
4. Điều chỉnh cài đặt độ ẩm và điện trở trên bảng điều khiển phù hợp với môi trường.
 - a. Mở các menu sau đây:
 1. [Settings \(Cài đặt\)](#)
 2. [Print quality \(Chất lượng in\)](#)
 3. [Adjust paper type \(Điều chỉnh loại giấy\)](#)
 - b. Chọn loại giấy phù hợp với loại được nạp vào khay.
 - c. Sử dụng các mũi tên để tăng hoặc giảm giá trị cài đặt độ ẩm và điện trở.
5. Đảm bảo các thông số cài đặt của trình điều khiển khớp với bảng điều khiển.

 **GHI CHÚ:** Thông số cài đặt của trình điều khiển in sẽ ghi đè bất kỳ cài đặt nào của bảng điều khiển.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho Windows và thay đổi cài đặt nếu cần.

 **GHI CHÚ:** Thông số cài đặt của trình điều khiển in sẽ ghi đè bất kỳ cài đặt nào của bảng điều khiển.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties (Thuộc tính)** hoặc nút **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type (Loại giấy)**, nhấp vào tùy chọn **More... (Khác)**.
5. Mở rộng danh sách các tùy chọn **Type is: (Loại là:)**.
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties (Thuộc tính tài liệu)**. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (macOS)

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho macOS và thay đổi cài đặt nếu cần.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống của menu, rồi bấm vào menu **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn một loại từ danh sách thả xuống **Media Type** (Loại phương tiện).
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Thực hiện theo các bước sau để kiểm tra lượng mực ước tính còn lại trong hộp mực in và tình trạng của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu có thể.

Bước một: In trang Tình trạng mực in

Trang tình trạng mực in cho biết tình trạng hộp mực.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu [Reports \(Báo cáo\)](#).
2. Chọn menu [Configuration/Status Pages \(Trang Cấu hình/Trang thái\)](#).
3. Chọn [Supplies Status Page \(Trang tình trạng mực in\)](#) và chọn [Print \(In\)](#) để in trang.

Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in

Kiểm tra báo cáo tình trạng mực in như sau.

1. Nhìn vào báo cáo tình trạng mực in để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu áp dụng.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang tình trạng mực in cho biết khi nào mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang tình trạng mực in sẽ liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

2. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.

Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập www.hp.com/go/learnaboutequipment.

In một trang làm sạch

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Làm theo các bước sau đây để làm sạch đường dẫn giấy của máy in:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu [Support Tools \(Công cụ hỗ trợ\)](#).
2. Chọn các menu sau đây:
 - a. [Maintenance \(Bảo trì\)](#)
 - b. [Calibration/Cleaning \(Cân chỉnh/Làm sạch\)](#)
 - c. [Cleaning Page \(Trang làm sạch\)](#)
3. Chọn [Print \(In\)](#) để in trang.

Thông báo **Cleaning... (Làm sạch...)** sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Quá trình làm sạch kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình làm sạch. Khi hoàn tất, hãy hủy bỏ trang đã in.

Kiểm tra hộp mực in hoặc hộp mực bằng mắt thường

Thực hiện theo các bước sau đây để kiểm tra từng hộp mực in:

1. Tháo hộp mực in ra khỏi máy in và kiểm tra xem băng dán đã được gỡ ra chưa.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

⚠ THẬN TRỌNG: Không chạm tay vào trống hình. Dầu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dầu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Lắp lại hộp mực in và in một vài trang để kiểm tra xem vấn đề đã được khắc phục chưa.

Kiểm tra môi trường in và giấy

Sử dụng thông tin sau đây để kiểm tra môi trường in và lựa chọn giấy.

Bước một: Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến gây ra các vấn đề về chất lượng in hoặc nạp giấy. Hãy thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.
- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.

Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ

Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Chọn các menu sau đây:
 - a. [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
 - b. [Print Quality](#) (Chất lượng in)
 - c. [Image Registration](#) (Đăng ký ảnh)
3. Chọn [Tray](#) (Khay) và chọn khay để điều chỉnh.
4. Chọn [Print Test Page](#) (In trang kiểm tra), sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.

5. Chọn **Print Test Page** (In trang kiểm tra) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
6. Chọn **Done** (Xong) để lưu các cài đặt mới.

Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: <http://www.hp.com/support/pwcolor765> hoặc <http://www.hp.com/support/colorpw755>.

Bảng 6-2 Trình điều khiển in

Trình điều khiển	Mô tả
Trình điều khiển HP PCL.6	Nếu có, trình điều khiển in máy in chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành cũ hơn như Windows XP và Windows Vista. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào www.hp.com/go/support .
Trình điều khiển HP PCL 6	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành Windows 7 trở lên có hỗ trợ trình điều khiển phiên bản 3. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào www.hp.com/go/support .
Trình điều khiển HP PCL-6	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành Windows 8 trở lên có hỗ trợ trình điều khiển phiên bản 4. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào www.hp.com/go/support .
Trình điều khiển HP UPD PS	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng khi in với các chương trình phần mềm của Adobe hoặc với các chương trình phần mềm đồ họa có tính chuyên sâu cao • Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng Postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nháp nháy Postscript
HP UPD PCL 6	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng khi in trong tất cả các môi trường Windows • Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng • Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows • Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh hoặc của bên thứ ba dựa trên PCL 5

Xử lý sự cố về chất lượng màu

Hiệu chỉnh máy in có thể giúp bảo đảm chất lượng in màu.

Hiệu chỉnh máy in để canh màu

Hiệu chỉnh là một chức năng của máy in giúp tối ưu hóa chất lượng in.

Làm theo các bước sau để giải quyết các sự cố về chất lượng in, như màu bị lệch, bóng màu, đồ họa bị nhòe hoặc các vấn đề khác về chất lượng in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn menu [Support Tools](#) (Công cụ hỗ trợ).
2. Chọn các menu sau đây:
 - [Maintenance](#) (Bảo trì)
 - [Calibration/Cleaning](#) (Cân chỉnh/Làm sạch)
 - [Full Calibration](#) (Cân chỉnh đầy đủ)
3. Chọn [Start](#) (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình cân chỉnh.



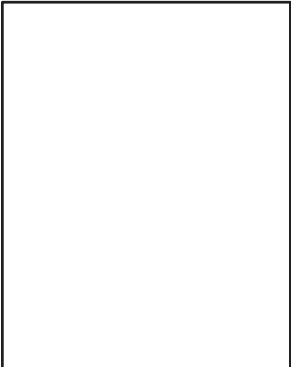
Thông báo **Calibrating** (Hiệu chỉnh) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in. Quá trình hiệu chỉnh kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình hiệu chỉnh.

4. Chờ trong khi máy in hiệu chỉnh, sau đó thử in lại.



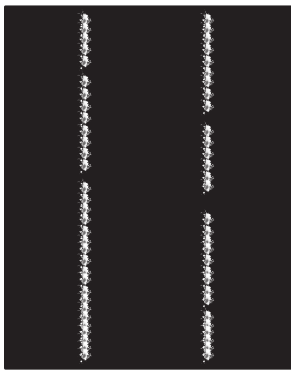
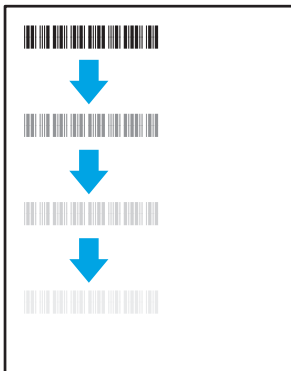


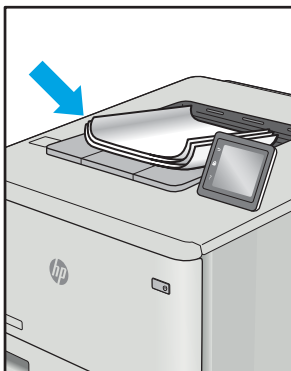
Xử lý lỗi hình ảnh

Xem lại ví dụ về lỗi hình ảnh và các bước giải quyết lỗi này.

Bảng 6-3 Bảng tham khảo nhanh về lỗi hình ảnh


Lỗi	Lỗi	Lỗi
Bảng 6-11 In nhạt thuộc trang 140	Bảng 6-9 Nền xám hoặc in đậm thuộc trang 139	Bảng 6-6 Trang trống — Không in thuộc trang 137
		

Bảng 6-3 Bảng tham khảo nhanh về lỗi hình ảnh (còn tiếp)

Lỗi	Lỗi	Lỗi
<p>Bảng 6-5 Trang đen thuộc trang 137</p> 	<p>Bảng 6-4 Lỗi dải vạch thuộc trang 136</p> 	<p>Bảng 6-13 Lỗi đường sọc thuộc trang 142</p> 
<p>Bảng 6-8 Lỗi hãm ảnh/cuộn sảy thuộc trang 138</p> 	<p>Bảng 6-10 Lỗi sắp xếp hình ảnh thuộc trang 139</p> 	<p>Bảng 6-7 Lỗi định mặt phẳng màu (chỉ kiểu máy màu) thuộc trang 138</p> 
<p>Bảng 6-12 Lỗi đầu ra thuộc trang 141</p> 		

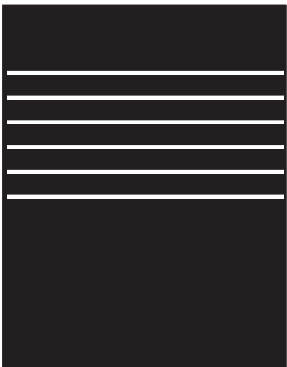
Có thể giải quyết các lỗi hình ảnh, bất kể nguyên nhân nào, bằng các bước giống nhau. Đầu tiên, sử dụng các bước sau đây để giải quyết các vấn đề lỗi hình ảnh.

1. In lại tài liệu. Về bản chất, lỗi chất lượng in có thể thỉnh thoảng xảy ra hoặc hoàn toàn biến mất khi thao tác in được tiếp tục.
2. Kiểm tra tình trạng của hộp mực hoặc các hộp mực. Nếu hộp mực ở tình trạng **Very Low (Gần hết)** (tức là đã qua thời gian sử dụng định mức), hãy thay hộp mực.
3. Đảm bảo các cài đặt chế độ in khay và trình điều khiển phù hợp với vật liệu in được nạp vào khay. Thử sử dụng ram giấy khác hoặc khay khác. Thử sử dụng chế độ in khác.
4. Đảm bảo máy in nằm trong phạm vi nhiệt độ/độ ẩm hoạt động được hỗ trợ.
5. Đảm bảo loại giấy, kích cỡ và trọng lượng giấy được hỗ trợ bởi máy in. Xem trang hỗ trợ máy in tại support.hp.com để biết danh sách các kích cỡ giấy và loại giấy được hỗ trợ cho máy in.


 **GHI CHÚ:** Thuật ngữ "sấy nóng" liên quan đến một phần của quá trình in nơi hộp mực được thêm vào giấy.

Các ví dụ sau đây mô tả giấy khổ Letter đã đi qua máy in với cạnh ngắn đầu tiên.

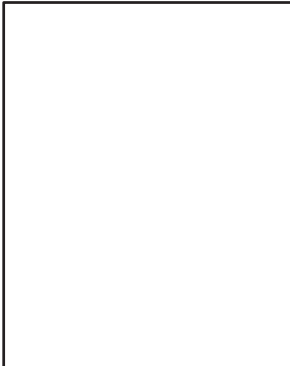
Bảng 6-4 Lỗi dải vạch

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Các đường đậm hoặc nhạt lặp lại dọc theo chiều dài của giấy và có độ rộng cách nhau lặp lại và/hoặc dãi xung. Các đường này có nét đậm hoặc nhạt. Lỗi chỉ hiển thị trong khu vực tô, không hiển thị trong văn bản hoặc những vùng không có nội dung in.	<ol style="list-style-type: none"> 1. In lại tài liệu. 2. Thử in từ một khay khác. 3. Thay hộp mực. 4. Sử dụng loại giấy khác. 5. Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển in, hãy truy cập vào menu Adjust Paper Types (Điều chỉnh loại giấy), sau đó chọn chế độ in được thiết kế cho một vật liệu in nặng hơn một chút so với loại bạn đang dùng. Việc này sẽ làm giảm tốc độ in và có thể cải thiện chất lượng in. 6. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-5 Trang đen

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Toàn bộ trang được in đều là màu đen.	<ol style="list-style-type: none">1. Kiểm tra bằng mắt thường xem hộp mực có bị hỏng không.2. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.3. Thay hộp mực.4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

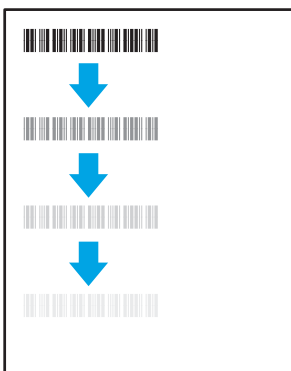
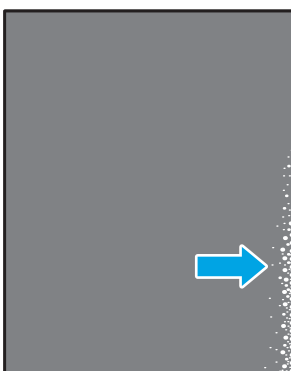
Bảng 6-6 Trang trống — Không in

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Trang để trống hoàn toàn và không có nội dung in.	<ol style="list-style-type: none">1. Đảm bảo đang dùng các hộp mực HP chính hãng.2. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.3. In bằng hộp mực khác.4. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy nhẹ hơn.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-7 Lỗi định mặt phẳng màu (chỉ kiểu máy màu)

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	<p>Một hoặc nhiều mặt phẳng màu không được canh thẳng với các mặt phẳng màu khác. Lỗi định màu thường là màu vàng.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. In lại tài liệu. 2. Từ bảng điều khiển máy in, hiệu chỉnh máy in. 3. Nếu hộp mực đã đạt tới một tình trạng Very Low (Gần hết) hoặc giấy in ra cực kỳ mờ, hãy thay hộp mực. 4. Từ bảng điều khiển máy in, sử dụng tính năng Restore Calibration (Khôi phục hiệu chỉnh) để xác lập lại các cài đặt cân chỉnh của máy in về mặc định gốc. 5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-8 Lỗi hãm ảnh/cuộn sậy

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	<p>Độ lệch hoặc bóng mờ của hình ảnh lặp lại dọc theo trang. Ảnh lặp lại đó có thể mờ dần theo từng lần xuất hiện.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. In lại tài liệu. 2. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy nhẹ hơn. 3. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.
	<p>Bột mực rải dọc theo cạnh giấy. Lỗi này thường xuất hiện nhiều ở các cạnh của tác vụ có mật độ bao phủ cao và trên loại vật liệu in nhẹ, nhưng có thể xảy ra ở bất kỳ đâu trên trang.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. In lại tài liệu. 2. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy sáng hơn. 3. Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise: Từ bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào menu Edge-to-Edge (Cạnh đối cạnh), sau đó chọn Normal (Thường). In lại tài liệu. 4. Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise: Từ bảng điều khiển máy in, chọn Auto Include Margins (Tự động bao gồm lề), sau đó in tài liệu. 5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-9 Nền xám hoặc in đậm

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Hình ảnh hoặc văn bản được in đậm hơn mong đợi và có nền xám.	<ol style="list-style-type: none">1. Đảm bảo giấy trong khay chưa chạy qua máy in.2. Sử dụng loại giấy khác.3. In lại tài liệu.4. Chỉ dành cho kiểu máy in đơn sắc: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào menu Adjust Toner Density (Điều chỉnh mật độ bột mực), sau đó điều chỉnh mật độ bột mực đến mức thấp hơn.5. Đảm bảo máy in nằm trong phạm vi nhiệt độ và độ ẩm hoạt động được hỗ trợ.6. Thay hộp mực.7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


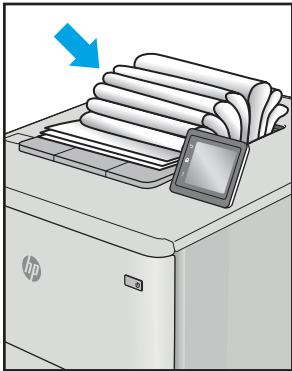
Bảng 6-10 Lỗi sắp xếp hình ảnh

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Hình ảnh không nằm ở giữa hoặc bị nghiêng lệch trên trang. Lỗi xuất hiện do giấy không được đặt theo đúng cách khi bị kéo ra khỏi khay và đi qua đường dẫn giấy.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Lấy giấy ra và nạp lại khay. Đảm bảo tất cả các cạnh giấy xếp đồng đều nhau ở mọi bên.3. Đảm bảo mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.4. Đảm bảo thanh dẫn giấy đã được chỉnh đúng theo khổ giấy. Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

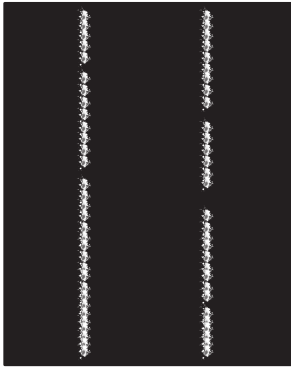
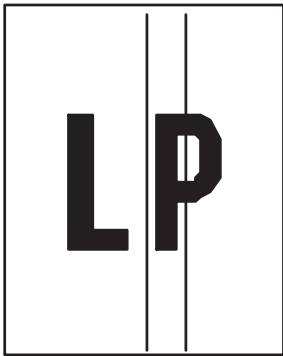
Bảng 6-11 In nhạt

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Nội dung được in trên toàn bộ trang bị nhạt hoặc không rõ.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực. Lắp lại hộp mực vào máy in và đóng nắp. Để xem hình minh họa quy trình này, hãy xem <i>Thay thế hộp mực in</i>.3. Chỉ dành cho kiểu máy in đơn sắc: Đảm bảo cài đặt <i>EconoMode</i> đã tắt trên cả bảng điều khiển máy in và trong trình điều khiển in.4. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.5. In Trang tình trạng mực in và kiểm tra thời gian và cách sử dụng hộp mực.6. Thay hộp mực.7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

Bảng 6-12 Lỗi đầu ra

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	<p>Cạnh giấy in ra bị quăn. Cạnh quăn có thể dọc theo bên ngắn hay dài của giấy. Có thể có hai kiểu quăn:</p> <ul style="list-style-type: none">• Quăn vào: Đường cong giấy hướng về phía được in. Lỗi xuất hiện trong các môi trường khô hoặc khi in các trang mật độ bao phủ cao.• Quăn ra: Đường cong giấy hướng cách xa phía được in. Lỗi xuất hiện trong các môi trường độ ẩm cao hoặc khi in các trang mật độ bao phủ thấp.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Quăn vào: Từ bảng điều khiển máy in, chọn loại giấy nặng hơn. Loại giấy nặng hơn tạo ra nhiệt độ cao hơn để in. Quăn ra: Từ bảng điều khiển máy in, chọn loại giấy nhẹ hơn. Loại giấy nhẹ hơn tạo ra nhiệt độ thấp hơn để in. Thử bảo quản giấy trong một môi trường khô trước khi dùng hoặc sử dụng giấy mới hoàn toàn.3. In ở chế độ in hai mặt.4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.
	<p>Giấy không xếp chồng đúng trong khay giấy ra. Chồng giấy có thể không đều, bị lệch, hoặc các trang có thể bị đẩy ra khỏi khay và rơi trên sàn. Lỗi xảy ra do một các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none">• Giấy bị quăn nhiều• Giấy trong khay bị nhàu nát hoặc méo mó• Không phải loại giấy tiêu chuẩn, ví dụ như phong bì• Khay giấy ra quá đầy	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Kéo dài phần mở rộng của ngăn giấy ra.3. Nếu là lỗi do giấy bị quăn nhiều, hãy hoàn tất các bước xử lý sự cố cho “Giấy ra bị quăn”.4. Sử dụng loại giấy khác.5. Sử dụng giấy mới hoàn toàn.6. Lấy giấy ra khỏi khay giấy ra trước khi khay quá đầy.7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

Bảng 6-13 Lỗi đường sọc

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	<p>Các đường dọc nhạt thường kéo dài qua chiều dài của giấy. Lỗi chỉ hiển thị trong khu vực tô, không hiển thị trong văn bản hoặc những vùng không có nội dung in.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực. Lắp lại hộp mực vào máy in và đóng nắp. Để xem hình minh họa quy trình này, hãy xem <i>Thay thế hộp mực in</i>.3. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com. <p>GHI CHÚ: Cả đường sọc dọc đậm hoặc nhạt có thể xảy ra khi môi trường in nằm ngoài phạm vi nhiệt độ hoặc độ ẩm được chỉ định. Tham khảo các thông số kỹ thuật môi trường của máy in để biết các mức nhiệt độ và độ ẩm cho phép.</p>
	<p>Các đường dọc đậm xuất hiện dọc theo chiều dài của giấy. Lỗi có thể xảy ra ở bất kỳ chỗ nào trên trang, trong khu vực tô hoặc những vùng không có nội dung in. Ở các kiểu máy màu, các đường kẻ hoặc đường sọc này cũng xuất hiện trên trang làm sạch ITB.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực. Lắp lại hộp mực vào máy in và đóng nắp. Để xem hình minh họa quy trình này, hãy xem <i>Thay thế hộp mực in</i>.3. In một trang lau dọn.4. Kiểm tra mức bột mực trong hộp mực.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

Kiểm tra các thông tin sau đây để khắc phục sự cố với mạng có dây.

Giới thiệu

Một số loại vấn đề có thể cho biết có sự cố truyền tín hiệu mạng. Các vấn đề này bao gồm các sự cố sau:

Kết nối vật lý kém

Kiểm tra các mối nối dây cáp.

1. Hãy kiểm tra xem máy in có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của máy in và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách nhấp nháy cho biết lưu lượng mạng và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng liên tục cho biết một liên kết mạng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

Máy tính không thể giao tiếp với máy in

Kiểm tra để đảm bảo máy in đang truyền tín hiệu qua mạng và máy tính của bạn.

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
 - Đối với Windows, hãy nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Run (Chạy)**, gõ `cmd` sau đó nhấn `Enter`.
 - Đối với macOS, hãy truy cập **Applications (Ứng dụng)**, rồi đến **Utilities (Tiện ích)** và mở **Terminal (Thiết bị đầu cuối)**.
 - b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho máy in của bạn.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian hai chiều, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, sau đó kiểm tra các cài đặt mạng, máy in và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng (còn được biết đến như là mạng phụ).
3. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports (Cổng)**. Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho máy in có được chọn không. Địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang cấu hình máy in.
4. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes (Luôn in vào máy in này, ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi)**.
5. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ của máy in thay cho địa chỉ IP.

6. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa máy in và sau đó thêm lại.
7. Cài đặt lại phần mềm máy in và trình điều khiển.

Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyến bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

Máy tính bị cấu hình sai có thể gây ra sự cố in ấn.

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai

Kiểm tra các cài đặt mạng.


1. Xem lại trang cấu hình/mạng của máy in để kiểm tra tình trạng của các cài đặt và giao thức mạng.
2. Lập cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.


Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây

Kiểm tra các thông tin sau đây để khắc phục sự cố với mạng không dây.

Giới thiệu

Dùng thông tin xử lý sự cố để giúp giải quyết các sự cố.

 **GHI CHÚ:** Để xác định có bật HP NFC, Wi-Fi, BLE hoặc các chức năng in không dây khác trên máy in của bạn hay không, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển của máy in

 **GHI CHÚ:** Nếu đang bị gián đoạn mất kết nối mạng, trước tiên hãy cập nhật chương trình cơ sở của máy in. Để được hướng dẫn cách cập nhật chương trình cơ sở của máy in, hãy truy cập <http://support.hp.com>, tìm máy in của bạn, rồi tìm “cập nhật chương trình cơ sở.”

Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây

Sử dụng danh sách kiểm tra để giúp khắc phục sự cố kết nối mạng không dây.

- Đối với máy in không hỗ trợ các kết nối có dây và không dây cùng lúc, hãy xác minh rằng cáp mạng không được kết nối.
- Xác minh máy in và bộ định tuyến mạng không dây đã được bật và có điện. Đồng thời đảm bảo rằng bộ thu tín hiệu mạng không dây của máy in đã được bật. (Đèn báo mạng không dây sáng liên tục khi máy in được kết nối với mạng không dây và nhấp nháy khi máy in đang dò tìm mạng không dây.)
- Xác minh rằng số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) là chính xác:
 - Để có kết nối không dây đến mạng của bạn, hãy xác nhận rằng thiết bị di động của bạn đang kết nối đến đúng bộ định tuyến/điểm truy cập.
 - Để có kết nối Wi-Fi Direct, hãy in một trang cấu hình để xác định SSID của máy in.

Nếu bạn không chắc liệu SSID có chính xác hay không, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.

- Với các mạng bảo mật, hãy xác minh rằng thông tin bảo mật là chính xác. Nếu thông tin bảo mật không chính xác, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Nếu mạng không dây hoạt động chính xác, hãy thử truy cập vào các máy tính khác trên mạng không dây. Nếu mạng có truy cập Internet, hãy thử kết nối với Internet qua kết nối mạng không dây.
- Xác minh rằng phương thức mã hóa (AES hoặc TKIP) của máy in giống với phương thức mã hóa dành cho điểm truy cập không dây (trên các mạng sử dụng bảo mật WPA).
- Xác minh rằng máy in nằm trong phạm vi của mạng không dây. Đối với hầu hết các mạng, máy in phải nằm trong phạm vi 30 m so với điểm truy cập không dây (bộ định tuyến mạng không dây).
- Xác minh rằng các vật cản không chặn tín hiệu của mạng không dây. Loại bỏ bất kỳ vật kim loại lớn nào giữa điểm truy cập và máy in. Đảm bảo các cột, tường hoặc các trụ chống đỡ có chứa kim loại hoặc bê tông không ngăn cách máy in và điểm truy cập không dây.
- Xác minh rằng máy in được đặt cách xa các thiết bị điện có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây. Nhiều thiết bị có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây, trong đó gồm có động

cơ, điện thoại không dây, camera hệ thống an ninh, các mạng không dây khác và một số thiết bị Bluetooth.

- Đối với máy tính kết nối với máy in không dây:
 - Xác minh rằng trình điều khiển in đã được cài đặt trên máy tính.
 - Xác minh rằng bạn đã chọn đúng cổng máy in.
 - Xác minh rằng máy tính và máy in kết nối với cùng một mạng không dây.
 - Nếu môi trường của bạn có nhiều tín hiệu mạng không dây và bạn cần máy in hỗ trợ mạng dải kép trên cả hai tần số 2,4 GHz và 5 GHz, hãy lắp đặt phụ kiện máy chủ in HP Jetdirect 2900nw.
 - Đối với macOS, xác minh rằng bộ định tuyến không dây hỗ trợ Bonjour.

Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất

Khắc phục sự cố giữa máy tính và máy in.

1. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
2. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
3. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
4. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.
5. Xác nhận bạn có thể mở Máy chủ web nhúng của HP từ một máy tính trên mạng.

Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba

Kiểm tra để đảm bảo tường lửa không gây nhiễu quá trình liên lạc không dây.

1. Cập nhật tường lửa bằng bản cập nhật mới nhất hiện có của nhà sản xuất.
2. Nếu chương trình yêu cầu truy cập tường lửa khi bạn cài đặt máy in hoặc cố gắng in, hãy đảm bảo bạn cho phép chương trình chạy.
3. Tạm thời tắt tường lửa, sau đó cài đặt máy in không dây trên máy tính. Bật tường lửa khi bạn đã kết thúc quá trình cài đặt không dây.

Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến không dây hoặc máy in

Kiểm tra để đảm bảo cài đặt mạng và máy in chính xác.

1. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
2. In một trang cấu hình.
3. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên trang cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
4. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây

Hoàn tất các bước sau đây để giải quyết sự cố kết nối mạng.

1. Đảm bảo rằng các máy tính khác nằm trong phạm vi của mạng không dây và không có vật cản nào chặn tín hiệu. Đối với hầu hết các mạng, phạm vi của mạng không dây nằm trong vòng 30 m của điểm truy cập không dây.
2. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
3. Đảm bảo rằng không có nhiều hơn 5 người dùng Wireless Print Direct cùng một lúc.
4. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
5. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
6. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.

Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN

Thông thường, bạn không thể kết nối với VPN và các mạng khác cùng một lúc.

Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây

Thực hiện theo các bước sau đây nếu mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây trên máy tính hoặc thiết bị di động của bạn.

- Đảm bảo bộ định tuyến không dây được bật và có điện.
- Mạng có thể bị ẩn. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể kết nối với mạng bị ẩn. Đảm bảo rằng bộ định tuyến/điểm truy cập đang thông báo SSID bằng cách kiểm tra SSID trong các mạng khả dụng mà thiết bị di động của bạn nhìn thấy được.

Mạng không dây không hoạt động

Hoàn tất các bước sau đây để đảm bảo mạng hoạt động bình thường.

1. Đối với máy in không hỗ trợ các kết nối có dây và không dây cùng lúc, hãy đảm bảo rằng cáp mạng đã ngắt kết nối.
2. Để xác minh liệu mạng có mất kết nối hay không, hãy thử kết nối các thiết bị khác với mạng.
3. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
 - Đối với Windows, hãy nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Run (Chạy)**, gõ `cmd` sau đó nhấn `Enter`.
 - Đối với macOS, hãy truy cập **Applications (Ứng dụng)**, rồi đến **Utilities (Tiện ích)** và mở **Terminal (Thiết bị đầu cuối)**.
 - b. Nhập `ping` theo sau là địa chỉ IP của bộ định tuyến.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian hai chiều, thì mạng đang hoạt động.
4. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.

- a. In một trang cấu hình.
- b. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên báo cáo cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
- c. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

Giảm nhiễu trên mạng không dây

Các mẹo sau có thể giảm nhiễu trên mạng không dây:

- Để thiết bị không dây cách xa các vật thể kim loại lớn như tủ đựng hồ sơ và các thiết bị điện tử khác như lò vi sóng và điện thoại không dây. Những vật thể này có thể làm gián đoạn tín hiệu vô tuyến.
- Để thiết bị không dây cách xa kết cấu gạch đá lớn và các kết cấu xây dựng khác. Những vật thể này có thể hấp thụ sóng vô tuyến và làm giảm cường độ tín hiệu.
- Đặt bộ định tuyến không dây vào vị trí trung tâm trong đường ngắm của các máy in không dây trên mạng.

Bảng chú dẫn

A

AirPrint 67, 69

B

bảng điều khiển

định vị 4

định vị các tính năng trên bảng
điều khiển màn hình cảm

ứng 7

trợ giúp 93

bàn phím

định vị 4

bảo mật

ổ cứng được mã hóa 88, 90

bảo mật IP 88

bộ in hai mặt

kết giấy 105

bộ nhớ

đi kèm 10

bộ phận

tổng quan 43

bộ phận thay thế

số bộ phận 46

Bảo mật IP 90

Bonjour

nhận diện 76

C

các bộ đồ nghề bảo dưỡng

số bộ phận 46

các hệ điều hành được hỗ trợ 11

cài đặt trình điều khiển Mac

Lưu trữ lệnh in 63

cài đặt sao chép

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78

cài đặt in

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78, 80

cài đặt quét

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78

cài đặt gửi kỹ thuật số

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78

cài đặt fax

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78

cài đặt bảo mật

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78, 82

cài đặt mạng

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78, 83

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay
đổi 85

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,
thay đổi 85

cài đặt

xác lập lại về cài đặt gốc (mặc
định) 95

cấu hình chung

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78, 79

công cụ xử lý sự cố

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78, 81

công tắc nguồn

định vị 4

cổng

định vị 4

cổng giao tiếp

định vị 4

cổng mạng cục bộ (LAN)

định vị 4

cổng nối, cài đặt mặc định 85

cổng nối mặc định, cài đặt 85

Các khay 1x550 tờ

nạp nhãn 41

Các khay 550 tờ

kết giấy 105

Cổng in USB 2.0 tốc độ cao

định vị 4

Cổng Ethernet (RJ-45)

định vị 4

Cổng LAN

định vị 4

Cổng RJ-45

định vị 4

Cổng USB

định vị 4

bật 71, 72, 74

CH

chất lượng hình ảnh

kiểm tra tình trạng hộp mực
in 127, 130

chế độ in sẵn đầu đề khác 18,
24, 25, 32, 33, 38

chip bộ nhớ (bộ mực)

định vị 47

D

danh sách kiểm tra

kết nối không dây 145

danh sách liên kết khác

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78, 80

Dịch vụ web HP

bật 76, 78, 82

Đ

điện

tiêu thụ 14

đặt hàng

mực in và phụ kiện 44

Địa chỉ IPv4 85
Địa chỉ IPv6 85

E

Explorer, phiên bản được hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
76

G

giấy

chọn 127, 132
kẹt giấy 105
 nạp vào khay tiếp giấy dung
 lượng lớn 4.000 tờ 33
 nạp Khay 1 18
 nạp Khay 2 25
 Hướng Khay 1 18, 19
giấy, đặt hàng 44
giấy đặc biệt
 in (Windows) 56
giấy trong suốt
 in (Windows) 56

H

hệ điều hành, được hỗ trợ 11
hiệu chỉnh
 màu 134
hoãn chế độ nghỉ
 cài đặt 91
hộp mực
 cài đặt ngưỡng còn ít 96
 số bộ phận 47
 sử dụng khi còn ít 96
 thay thế 47
 thông tin đặt hàng 47
hộp mực in
 bộ phận 47
 thay thế 47
HP ePrint 67
HP Web Jetadmin 92

I

in
 lệnh đã lưu 63
 tổng quan 55
 từ phụ kiện lưu trữ USB 71
in di động, phần mềm được hỗ
 trợ 13
in di động
 Thiết bị Android 67, 70

in hai mặt
 cài đặt (Windows) 56
 Mac 60
 Windows 56
in hai mặt
 thủ công (Mac) 60
 thủ công (Windows) 56
in hai mặt thủ công
 Mac 60
 Windows 56
in hai mặt tự động
 cài đặt (Windows) 56
in riêng 63
in trên cả hai mặt
 cài đặt (Windows) 56
 thủ công, Windows 56
 Mac 60
 Windows 56
Internet Explorer, phiên bản được
 hỗ trợ
 Máy chủ web nhúng của HP
 76
In easy-access USB 71
In giao tiếp cận trường 67, 68
IPsec 88, 90

J

Jetadmin, HP Web 92

K

kẹt giấy
 bộ in hai mặt 105
 ngăn giấy đầu ra 105
 nguyên nhân 105
 tự động điều hướng 105
 vị trí 105
 Các khay 550 tờ 105
 Tray 1 (Khay 1) 105
 Tray 2 (Khay 2) 105
kết nối nguồn
 định vị 4
kích thước, máy in 13
Kết nối và in bằng NFC 67, 68
Khay 2
 nạp nhãn 41

KH

khay
 định vị 4
 đi kèm 10

dùng chế độ in sẵn đầu đề
 khác 24, 32, 38
 sức chứa 10
khắc phục sự cố
 kẹt giấy 105
kiểm tra tình trạng hộp mực
 in 127, 130
 mạng có dây 143
 mạng không dây 145
 tổng quan 93
 vấn đề nạp giấy 98
 vấn đề về mạng 143
khay giấy
 tổng quan 17
khay nạp tài liệu
 vấn đề nạp giấy 98
khay tiếp giấy dung lượng cao
 nạp 33
khay tiếp giấy dung lượng lớn.
 Xem HCI
khay tiếp giấy ưu tiên
 nạp phong bì 39
khóa
 bộ định dạng 88, 90

L

làm sạch
 đường dẫn giấy 127
lệnh, đã lưu
 tạo (Windows) 63
 Cài đặt Mac 63
 in 63
 xóa 63, 66
lệnh đã lưu
 tạo (Windows) 63
 tạo (Mac) 63
 in 63
 xóa 63, 66
loại giấy
 chọn (Mac) 60
lưu lệnh
 với Windows 63
lưu trữ, lệnh
 Cài đặt Mac 63
lưu trữ lệnh in 63

M

mạng
 được hỗ trợ 10
 cài đặt, xem 85

- cài đặt, thay đổi 85
- cổng mặc định 85
- mặt nạ mạng con 85
- tên máy in, thay đổi 85
- Địa chỉ IPv4 85
- Địa chỉ IPv6 85
- HP Web Jetadmin 92
- mạng không dây
 - khắc phục sự cố 145
- màn hình cảm ứng
 - định vị các tính năng 7
- màu
 - hiệu chỉnh 134
- mặc định
 - chọn (Windows) 56
- mặt nạ mạng con 85
- mực in
 - đặt hàng 44
 - cài đặt ngưỡng còn ít 96
 - số bộ phận 46
 - sử dụng khi còn ít 96
 - Máy chủ web nhúng của HP 81
- Máy chủ web nhúng
 - mở 85
 - thay đổi cài đặt mạng 85
 - thay đổi tên máy in 85
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - các tính năng 76
 - gán mật khẩu 88, 89
 - kết nối mạng 76
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - các tính năng 76
 - kết nối mạng 76
- Máy chủ web nhúng của HP
 - cài đặt sao chép 76, 78
 - cài đặt in 76, 78, 80
 - cài đặt quét 76, 78
 - cài đặt gửi kỹ thuật số 76, 78
 - cài đặt fax 76, 78
 - cài đặt bảo mật 76, 78, 82
 - cài đặt mạng 76, 78, 83
 - cấu hình chung 76, 78, 79
 - công cụ xử lý sự cố 76, 78, 81
 - danh sách liên kết khác 76, 78, 80
 - mở 85
 - mực in 81
 - thay đổi cài đặt mạng 85
- thay đổi tên máy in 85
- trang thông tin 76, 78
- Dịch vụ web HP 76, 78, 82
- Máy in
 - tổng quan 1
- N**
 - nap
 - giấy trong khay tiếp giấy dung lượng lớn 4.000 tờ 33
 - giấy vào Khay 1 18
 - giấy vào Khay 2 25
 - nút bật/tắt
 - định vị 4
 - Netscape Navigator, phiên bản được hỗ trợ
 - Máy chủ web nhúng của HP 76
 - Nút Đăng nhập
 - định vị 7
 - Nút Đăng xuất
 - định vị 7
 - Nút Màn hình chính
 - định vị 7
 - Nút Thông tin
 - định vị 7
 - Nút Trợ giúp
 - định vị 7
- NG**
 - ngăn, giấy ra
 - định vị 4
 - ngăn chứa chất lỏng bảo trì
 - thay thế 51
 - ngăn giấy đầu ra
 - định vị 4
 - xử lý kẹt giấy 105
 - nguồn cung cấp
 - thay hộp mực in 47
 - tổng quan 43
 - nguy cơ điện giật tiềm ẩn 2
- NH**
 - nhãn
 - in (Windows) 56
 - in trên 41
 - nhãn
 - hướng 41
 - nhãn, nạp 41
 - nhiều trang trên một tờ
 - chọn (Mac) 60
 - chọn (Windows) 56
 - in (Mac) 60
 - in (Windows) 56
 - nhiều trên mạng không dây 145, 148
 - Ô**
 - ổ cứng
 - được mã hóa 88, 90
 - P**
 - Phần mềm HP ePrint 67
 - PH**
 - phong bì
 - hướng 18, 19
 - phong bì, nạp 39
 - phương tiện in
 - nạp vào Khay 1 18
 - phụ kiện
 - đặt hàng 44
 - tổng quan 43
 - phụ kiện lưu trữ USB
 - in từ 71
 - Q**
 - quản lý mạng 85
 - quản lý máy in
 - tổng quan 75
 - S**
 - số bộ phận
 - bộ phận thay thế 46
 - hộp dập ghim 46
 - số sản phẩm
 - định vị 4
 - số sê-ri
 - định vị 4
 - sự cố nạp giấy
 - giải quyết 98, 101
 - sử dụng điện 91
 - sử dụng năng lượng, tối ưu hóa 91
 - T**
 - tốc độ, tối ưu hóa 91
 - Thiết bị Android
 - in từ 67, 70
 - Tray 1 (Khay 1)
 - hướng giấy 18, 19

kẹt giấy 105
nạp phong bì 39
Tray 2 (Khay 2)
kẹt giấy 105
nạp 25

TCP/IP

định cấu hình thông số IPv4
theo cách thủ công 85
định cấu hình thông số IPv6
theo cách thủ công 85

yêu cầu về trình duyệt
Máy chủ web nhúng của HP
76
yêu cầu về trình duyệt web
Máy chủ web nhúng của HP
76

TH

thay thế

hộp mực in 47

thông số kỹ thuật

điện và âm thanh 14

thông số kỹ thuật về điện 14

thông số kỹ thuật về âm thanh 14

TR

trang mỗi phút 10

trang thông tin

Máy chủ web nhúng của HP
76, 78

trang web

HP Web Jetadmin, tải về 92

trình điều khiển in

Windows 11

macOS 11

Linux 11

UNIX 11

trọng lượng, máy in 13

trợ giúp, bảng điều khiển 93

trợ giúp trực tuyến, bảng điều
khiển 93

W

Wi-Fi Direct Print 13, 67, 68

X

xác lập lại cài đặt gốc 95

xóa

lệnh đã lưu 63, 66

Y

yêu cầu hệ thống

Máy chủ web nhúng của HP
76

yêu cầu hệ thống tối thiểu

macOS 11

Windows 11